



Chinh phục

NÂNG CAO

TOÁN

ôn tập nâng cao
35 tuần học

4

QUÉT MÃ QR ĐỂ XEM ĐÁP ÁN
KẾT NỐI TRI THỨC



- ✓ Đa dạng các bài tập **NÂNG CAO**.
- ✓ Hơn 700 câu hỏi trắc nghiệm trọn bộ 35 tuần học cả năm.
- ✓ Có **ĐÁP ÁN CHI TIẾT & VIDEO BÀI GIẢNG** chi tiết.
- ✓ Giúp học sinh chinh phục các dạng bài thường gặp trong các kì thi học sinh giỏi, Trạng Nguyên, Violympic, Vioedu...



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI



Câu 1 Số bé nhất có năm chữ số **khác nhau** đọc là:

- A. Mười nghìn hai trăm ba bốn B. Mười nghìn hai trăm ba mươi tư
C. Mười nghìn D. Mười hai nghìn ba trăm bốn mươi lăm

Câu 2 Số **bé nhất** trong các số **74 285, 71 458, 74 119, 70 387** là:

- A. 74 285 B. 70 387 C. 74 119 D. 71 458

Câu 3 Số chẵn liền sau của giá trị biểu thức **56 000 : 4 + 18 648** là:

- A. 32 648 B. 32 650 C. 32 652 D. 32 654

Câu 4 Số tròn chục liền trước của **100 000** là:

- A. 90 900 B. 90 000 C. 99 990 D. 90 990

Câu 5 Trong một phép trừ có hiệu bằng 16 483. Nếu giữ nguyên số bị trừ và tăng số trừ thêm 4 728 đơn vị thì được hiệu mới là:

- A. 11 755 B. 21 211 C. 11 865 D. 12 121

Câu 6 Số lẻ bé nhất có năm chữ số **khác nhau** là:

- A. 10 001 B. 10 123 C. 10 231 D. 10 235

Câu 7 Thương của số chẵn lớn nhất có năm chữ số khác nhau với số chẵn liền sau của số nhỏ nhất có một chữ số là:

- A. 49 382 B. 97 865 C. 98 765 D. 98 763

Câu 8 Tích của số lẻ nhỏ nhất có năm chữ số khác nhau với số lớn hơn 1 và nhỏ hơn 3 là:

- A. 20 740 B. 20 470 C. 24 007 D. 24 070

Câu 9 Số liền trước của **36 076** thay đổi như thế nào nếu số đó xóa bỏ đi chữ số **6**?

- A. Giảm đi 33 000 đơn vị
B. Giảm đi 32 469 đơn vị
C. Giảm đi 6 000 đơn vị
D. Giảm đi 6 đơn vị

Câu 10 Trong một phép nhân, nếu giữ nguyên thừa số thứ nhất và tăng thừa số thứ hai lên 4 lần thì được tích mới bằng 16 440. Vậy tích ban đầu là:



- A. 4 001
B. 4 101
C. 4 011
D. 4 110

Câu 11 Mai viết ra giấy một số có năm chữ số, nếu giảm số đó đi 14 915 đơn vị rồi chia cho 5 thì được kết quả là 15 015. Vậy số đó là:

- A. 90 000
B. 89 990
C. 90 900
D. 99 000

Câu 12 Trong một phép nhân có tích gấp 4 lần thừa số thứ hai, thừa số thứ nhất kém thừa số thứ hai 10 401 đơn vị. Vậy tích đó là:

- A. 41 620
B. 42 610
C. 41 604
D. 41 260

Câu 13 Một nhà máy sản xuất kẹo, tháng trước sản xuất được 17 115 cái kẹo. Số kẹo tháng này sản xuất được gấp 3 lần so với tháng trước. Vậy trong cả hai tháng, nhà máy đó sản xuất được tất cả số kẹo là:



- A. 98 450 cái
B. 81 345 cái
C. 68 460 cái
D. 64 230 cái

Câu 14 Hoa chia một số có năm chữ số cho 4 thì được thương nhiều hơn số dư là 20 907 đơn vị và số dư là số lớn nhất có thể. Vậy số cần tìm là:

- A. 83 653
B. 83 648
C. 83 640
D. 83 643

Câu 15 Một kho gạo có 19 500 kg gạo, sau khi phân phối đến các đại lí một số gạo thì số gạo đã giảm đi 3 lần so với ban đầu. Hỏi kho gạo đó đã phân phối đến các đại lí bao nhiêu ki-lô-gam gạo?



A. 14 625 kg

B. 13 000 kg

C. 6 500 kg

D. 13 500 kg

Câu 16 Một đội xe chở hàng hóa, 2 xe đầu mỗi xe chở được 10 450 kg hàng hóa, 3 xe sau mỗi xe chở được 10 000 kg hàng hóa. Vậy cả đội xe đó chở được số ki-lô-gam hàng hóa là:



A. 50 900 kg

B. 60 900 kg

C. 59 000 kg

D. 50 090 kg

Câu 17 Quỳnh vào một cửa hàng văn phòng phẩm mua 2 quyển vở và 1 chiếc bút. Mỗi quyển vở có giá 14 500 đồng, mỗi chiếc bút có giá 12 000 đồng. Quỳnh đưa cho người bán hàng tờ 50 000 đồng. Hỏi người bán hàng phải trả lại cho Quỳnh bao nhiêu tiền?

A. 41 000 đồng

B. 21 000 đồng

C. 9 000 đồng

D. 19 000 đồng



Câu 18 Cho một số có năm chữ số, biết nếu đem số đó chia cho 2 rồi cộng với 19 345, được bao nhiêu đem chia tiếp cho 3 thì được kết quả 13 205. Vậy số đó là:

A. 45 400

B. 40 540

C. 45 440

D. 44 450

Câu 19 Một xưởng may sản xuất được 34 000 chiếc áo. Sau khi bán $\frac{1}{2}$ số áo, xưởng may đó đem số áo còn lại chia đều vào 5 kho để bảo quản. Hỏi mỗi kho chứa bao nhiêu chiếc áo?



A. 3 400 chiếc

B. 4 000 chiếc

C. 5 500 chiếc

D. 7 000 chiếc

Câu 20 Từ các số **1, 9, 3, 5, 7**, lập được một số lớn nhất có năm chữ số giống nhau và lập được một số nhỏ nhất có năm chữ số khác nhau. Hiệu của hai số đó được làm tròn đến hàng chục nghìn là:



A. 80 000

B. 87 000

C. 90 000

D. 86 000



Câu 1 Trong các số **14 225, 48 536, 67 119, 25 355, 52 422, 36 564, 62 438**, có bao nhiêu số **không** phải là số chẵn?

- A. 4 số B. 3 số C. 5 số D. 2 số

Câu 2 Từ 15 đến 99 có bao nhiêu số **không** chia hết cho 2?

- A. 84 số B. 85 số C. 42 số D. 43 số

Câu 3 Với $m = 60, n = 40, p = 2$, biểu thức nào dưới đây có giá trị **nhỏ nhất**?

- A. $m + n \times p$ B. $(m - n) \times p$ C. $(m + n) : p$ D. $n \times p - m$

Câu 4 Biểu thức **$16\ 008 : (8 - p)$** có giá trị lớn nhất khi p bằng:

- A. 1 B. 8 C. 7 D. 0

Câu 5 Giá trị của biểu thức **$368 : m$** với m là số chẵn lớn nhất có một chữ số là:

- A. 24 B. 64 C. 42 D. 46

Câu 6 Giá trị của biểu thức **$69 \times 5 - m + 88$** với $m = 144$ là:

- A. 178 B. 280 C. 289 D. 29

Câu 7 **$66 \times 5 - 33$** được gọi là biểu thức có chứa một chữ số. Đúng hay sai?

- A. Đúng B. Sai

Câu 8 Biết n là số chẵn lớn nhất có một chữ số.
Giá trị của biểu thức **$1\ 103 \times n + 6\ 024$** là:

- A. 13 736 B. 15 951 C. 12 642 D. 14 848



Câu 9 Cho biểu thức **$a + b$** , với a là số lớn nhất có bốn chữ số và b là số nhỏ nhất có ba chữ số. Vậy giá trị của biểu thức **$a + b$** là:

- A. 10 078 B. 11 089 C. 10 099 D. 11 000

Câu 10 Tích của số lẻ nhỏ nhất có năm chữ số khác nhau với số chẵn nhỏ nhất khác 0 là:

- A. 20 472 B. 20 000 C. 20 470 D. 20 701

Câu 11 Biết c là số liền trước của số tròn chục nhỏ nhất có hai chữ số. Giá trị của biểu thức $(61\ 212 : 6) \times c$ là:

A. 92 731

B. 91 818

C. 84 663

D. 69 827

Câu 12 Cho m là số chẵn lớn nhất có bốn chữ số khác nhau, p là số tròn chục nhỏ nhất và n là số liền sau của p . Giá trị của biểu thức $m \times (n - p)$ là:

A. 9 876

B. 9 768

C. 9 989

D. 9 999

Câu 13 Cho a, b lần lượt là hai số chẵn liên tiếp và a nhỏ hơn b . Biết a là số tròn chục liền trước của 100 000. Giá trị của biểu thức $a + 5 - b$ là:

A. 3

B. 10

C. 7

D. 9

Câu 14 Biết m là số lẻ liền sau của số lớn nhất có bốn chữ số. Giá trị của biểu thức $m + 72\ 276 : 3$ là:

A. 34 092

B. 34 096

C. 34 098

D. 34 093



Câu 15 Biết m là số chẵn liền trước của số nhỏ nhất có sáu chữ số. Giá trị của biểu thức $m - 11\ 002 \times 6$ là:

A. 33 986

B. 33 968

C. 33 987

D. 33 983

Câu 16 Biết n là số lớn nhất có năm chữ số mà tổng của năm chữ số đó bằng 37. Giá trị của biểu thức $n - 90\ 646 : 2$ là:

A. 52 613

B. 54 668

C. 54 670

D. 54 675

Câu 17 Tổng của ba số lẻ liên tiếp là kết quả của biểu thức $4\ 837 : 7 - 10$. Vậy ba số lẻ liên tiếp đó là:



A. 325, 327, 329

B. 125, 127, 129

C. 225, 227, 229

D. 215, 217, 219

Câu 18 Hoa viết ra giấy ba số chẵn liên tiếp nhau. Số nhỏ nhất là số chẵn liền sau của số tròn chục nhỏ nhất có năm chữ số. Vậy tổng của ba số chẵn liên tiếp mà Hoa viết là:

A. 37 030

B. 30 042

C. 30 012

D. 37 038



Tuần 3

GIẢI BÀI TOÁN CÓ BA BƯỚC TÍNH
LUYỆN TẬP CHUNG
ĐO GÓC, ĐƠN VỊ ĐO GÓC (TIẾT 1)



Quét mã QR xem đáp án và
video bài giảng chi tiết

- Câu 1** Giá trị của biểu thức $5\,024 - (a - b)$ với $a = 2\,172$, $b = 158$ là:
A. 2 964 B. 3 100 C. 2 694 D. 3 010
- Câu 2** Số bé nhất có ba chữ số khác nhau mà tích các chữ số trong số đó bằng 32 là:
A. 32 B. 148 C. 123 D. 184
- Câu 3** Biết n là số chẵn lớn nhất có một chữ số.
Giá trị của biểu thức $(2\,028 - n) : 2$ là:
A. 1 000 B. 1 010 C. 1 018 D. 2 024
- Câu 4** Giá trị của biểu thức $(672 : n + 312) \times 8$ với n là số lẻ lớn nhất nhỏ hơn 9 là:
A. 3 264 B. 3 462 C. 3 547 D. 6 432
- Câu 5** Với $a = 15\,000$, $b = 14\,500$ thì biểu thức nào dưới đây có giá trị **lớn nhất**?
A. $a + b \times 2$ B. $(a - b) \times 2$ C. $a : 3 + b$ D. $a \times 2 + b$
- Câu 6** Trong các nhóm phép tính sau, nhóm phép tính nào có kết quả **không** bằng nhau?
A. $36\,412 : 4$ và $3\,021 + 6\,082$ B. $95\,761 - 84\,655$ và $99\,954 : 9$
C. $10\,306 \times 6$ và $31\,434 + 30\,402$ D. $21\,790 + 42\,154$ và $21\,315 \times 3$
- Câu 7** Trong một phép chia có thương bằng 54. Nếu giữ nguyên số chia và tăng số bị chia lên 6 lần thì được thương mới là:
A. 314 B. 324 C. 304 D. 9
- Câu 8** Tích của hai số là số chẵn nhỏ nhất có bốn chữ số khác nhau. Nếu giữ nguyên thừa số thứ nhất và tăng thừa số thứ hai lên 2 lần thì tích mới bằng bao nhiêu?
A. 2 048 B. 2 460 C. 2 064 D. 2 096
- Câu 9** Có ba bao mè đen, bao thứ nhất nặng 45 kg. Bao thứ hai nặng hơn bao thứ nhất 7 kg, nếu bao thứ hai bớt đi 12 kg mè đen thì bằng bao thứ ba. Vậy tổng cân nặng của ba bao mè đen là:
A. 137 kg B. 154 kg C. 140 kg D. 161 kg



Câu 10 Mẹ đi chợ mua 2 kg táo và 2 kg dứa. Mỗi ki-lô-gam táo có giá 25 000 đồng, mỗi ki-lô-gam dứa có giá 20 000 đồng. Mẹ đưa cho người bán hàng 100 000 đồng. Hỏi người bán hàng phải trả lại cho mẹ bao nhiêu tiền?



- A. 20 000 đồng B. 10 000 đồng C. 15 000 đồng D. 25 000 đồng

Câu 11 Ba bạn Dương, Trang, Thanh thi gấp thuyền giấy. Dương gấp được 68 chiếc thuyền. Trang gấp được nhiều hơn Dương 16 chiếc thuyền. Số thuyền Thanh gấp được gấp 2 lần số thuyền Dương gấp được. Hỏi Thanh gấp được nhiều hơn Trang bao nhiêu chiếc thuyền?



- A. 56 chiếc B. 52 chiếc C. 54 chiếc D. 58 chiếc

Câu 12 Có ba tổ công nhân đi trồng cây. Tổ thứ nhất trồng được 76 cây, tổ thứ hai trồng được số cây gấp 2 lần tổ thứ nhất. Tổ thứ ba trồng được ít hơn tổ thứ hai 26 cây. Vậy tổng số cây mà tổ thứ hai và tổ thứ ba trồng được là:

- A. 202 cây B. 278 cây C. 280 cây D. 354 cây

Câu 13 Một cuộn vải dài 1 224 m. Ngày thứ nhất đội thợ may dùng hết $\frac{1}{3}$ cuộn vải, ngày thứ hai đội thợ may dùng hết $\frac{1}{4}$ cuộn vải còn lại. Vậy ngày thứ hai, đội thợ may đó dùng hết số mét vải là:

- A. 102 m B. 204 m C. 306 m D. 408 m

Câu 14 Có hai xe chở gạo giao cho 4 cửa hàng tiện lợi. Xe thứ nhất chở được 4 300 kg gạo và nhiều hơn xe thứ hai 240 kg gạo. Hỏi mỗi cửa hàng nhận được bao nhiêu ki-lô-gam gạo? Biết 4 cửa hàng đều nhận số gạo như nhau.

- A. 2 210 kg B. 2 120 kg C. 2 090 kg D. 2 320 kg

Câu 15 Có 945 chiếc bánh được chia đều vào 9 thùng. Người ta tặng bánh cho các em thiếu nhi, nếu mỗi em 4 chiếc thì vừa hết 8 thùng. Hỏi có tất cả bao nhiêu em thiếu nhi được chia bánh?

- A. 200 em B. 168 em C. 230 em D. 210 em

Tuần 4

ĐO GÓC, ĐƠN VỊ ĐO GÓC (TIẾT 2)
GÓC NHỌN, GÓC TÙ, GÓC BỆT
LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 1)



Quét mã QR xem đáp án và
video bài giảng chi tiết

Câu 1 Khi đồng hồ chỉ 18 giờ, góc tạo bởi hai kim đồng hồ có số đo là:

A. 90°

B. 60°

C. 180°

D. 30°

Câu 2 Đồng hồ chỉ mấy giờ thì góc tạo bởi hai kim đồng hồ có số đo bằng 90° ?

A. 15 giờ

B. 18 giờ

C. 22 giờ

D. 12 giờ

Câu 3 Trong các góc sau, góc nào có số đo bằng 180° ?

A. Góc nhọn

B. Góc bẹt

C. Góc tù

D. Góc vuông

Câu 4 Hình bên có mấy góc nhọn?

A. 6 góc

B. 5 góc

C. 7 góc

D. 8 góc



Câu 5 Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả **lớn nhất** là:

A. $82\,040 : 4$

B. $4\,113 \times 4$

C. $72\,454 - 37\,251$

D. $15\,264 + 13\,805$

Câu 6 Hiệu của số lẻ lớn nhất có bốn chữ số khác nhau và số nhỏ nhất có bốn chữ số là:

A. 8 875

B. 7 975

C. 8 987

D. 8 857

Câu 7 Biểu thức $54\,000 : (18 - p)$ có giá trị lớn nhất khi p bằng:

A. 0

B. 17

C. 1

D. 18

Câu 8 Với a là số chẵn nhỏ nhất có bốn chữ số khác nhau, b là số lẻ lớn nhất có một chữ số. Biểu thức nào dưới đây có giá trị **nhỏ nhất**?

A. $(a - b) \times 2$

B. $a + b \times 2$

C. $a : 2 + b$

D. $a - 2 \times b$

Câu 9 Một hình chữ nhật có chu vi là 80 cm và chiều rộng là 8 cm. Vậy diện tích của hình chữ nhật đó là:

A. 256 cm^2

B. 320 cm^2

C. 512 cm^2

D. 640 cm^2

Câu 10 Một cửa hàng, ngày thứ nhất bán được 3 125 kg gạo. Ngày thứ ba, cửa hàng bán được ít hơn ngày thứ nhất 203 kg gạo nhưng nhiều hơn ngày thứ hai 807 kg gạo. Vậy cả ba ngày, cửa hàng bán được số ki-lô-gam gạo là:



A. 8 974 kg

B. 9 776 kg

C. 8 162 kg

D. 4 135 kg

Câu 11 Một cửa hàng xăng dầu, ngày thứ nhất bán được 1 420 / xăng. Ngày thứ hai bán được nhiều hơn ngày thứ nhất 382 / xăng nhưng ít hơn ngày thứ ba 250 / xăng. Vậy cả ba ngày cửa hàng đó bán được số lít xăng là:

A. 5 370 l

B. 3 722 l

C. 5 274 l

D. 4 674 l

Câu 12 Ở gần khu An sống có ba cây cầu. Cây cầu thứ nhất dài 2 306 m, cây cầu thứ hai dài gấp 3 lần cây cầu thứ nhất và dài hơn cây cầu thứ ba 3 862 m. Vậy cây cầu thứ ba dài hơn cây cầu thứ nhất số mét là:



A. 856 m

B. 778 m

C. 766 m

D. 750 m

Câu 13 Việt mua 2 chiếc bút và 7 quyển vở. Mỗi chiếc bút có giá 7 000 đồng, mỗi quyển vở có giá 12 000 đồng. Việt đưa cho người bán hàng một tờ tiền và được trả lại 2 000 đồng. Vậy Việt đưa cho người bán hàng tờ tiền có mệnh giá là:



A. 20 000 đồng

B. 50 000 đồng

C. 100 000 đồng

D. 10 000 đồng

Câu 14 Một xưởng may chia đều số áo may được vào 6 kho. Sau khi xưởng phân phối áo đến các đại lí 12 320 chiếc áo thì số áo còn lại đúng bằng số áo trong 4 kho. Vậy lúc đầu xưởng đó may được tất cả số chiếc áo là:

A. 24 640 chiếc

B. 36 960 chiếc

C. 18 345 chiếc

D. 28 890 chiếc



Câu 15 Một cửa hàng nước mua 9 thùng cốc giấy. Sau khi đã sử dụng 8 280 chiếc cốc thì cửa hàng còn lại đúng 5 thùng cốc giấy. Vậy lúc đầu, cửa hàng đã mua số chiếc cốc giấy là:



A. 17 894 chiếc

B. 13 129 chiếc

C. 14 750 chiếc

D. 18 630 chiếc

Câu 16 Hôm qua một trang trại bán được 3 xe, mỗi xe chở 2 400 quả trứng. Hôm nay, số trứng trang trại bán giảm đi 2 lần so với hôm qua. Hỏi trong hai ngày, trang trại bán được tất cả bao nhiêu quả trứng?

A. 9 800 quả

B. 10 800 quả

C. 10 000 quả

D. 9 700 quả

Câu 17 Trên một thửa ruộng, mùa vụ thứ nhất thu hoạch được 3 060 kg thóc. Biết số thóc thu hoạch được ở mùa vụ thứ hai gấp 2 lần số thóc ở mùa vụ thứ nhất và ít hơn số thóc ở mùa vụ thứ ba là 1 225 kg. Vậy cả ba mùa vụ, thửa ruộng đó thu hoạch được tất cả số ki-lô-gam thóc là:

A. 14 250 kg

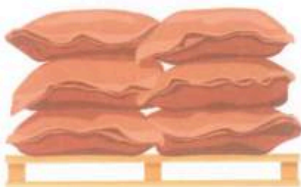
B. 16 525 kg

C. 11 630 kg

D. 12 583 kg



Câu 18 Một xã vùng lũ nhận được 2 xe gạo, mỗi xe chở 3 800 kg gạo. Xã chia đều số gạo đó cho 4 thôn. Sau đó các thôn lại chia đều số gạo nhận được cho các hộ dân, mỗi hộ 5 kg gạo. Hỏi mỗi thôn có bao nhiêu hộ dân nhận được gạo? (Biết số hộ dân mỗi thôn là như nhau).



A. 290 hộ

B. 380 hộ

C. 300 hộ

D. 400 hộ

Tuần 5

LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 2)
SỐ CÓ SÁU CHỮ SỐ. SỐ 1 000 000
HÀNG VÀ LỚP (TIẾT 1, 2)



Quét mã QR xem đáp án và
video bài giảng chi tiết

Câu 1 Các số thích hợp điền vào ô trống lần lượt là:

Số **370 654** gồm trăm nghìn, chục nghìn, trăm, chục,
 đơn vị.

- A. 3, 7, 0, 6, 5 B. 3, 7, 6, 5, 4 C. 7, 3, 6, 5, 4 D. 7, 0, 6, 5, 4

Câu 2 Số **404 505** được viết thành tổng là:

- A. $400\ 000 + 4\ 000 + 500 + 5$ B. $400\ 000 + 400 + 50 + 5$
C. $4\ 000 + 400 + 50 + 5$ D. $40\ 000 + 4\ 000 + 500 + 5$

Câu 3 Hình bên có:

- A. 3 góc tù, 8 góc vuông B. 3 góc tù, 4 góc vuông
C. 2 góc tù, 8 góc vuông D. 4 góc tù, 6 góc vuông



Câu 4 Cho đồng hồ như hình bên. Góc được tạo bởi hai kim đồng hồ bằng bao nhiêu độ?

- A. 90° B. 110°
C. 150° D. 120°



Câu 5 Giá trị của biểu thức **$31\ 520 + (375 - m) \times 3$** với $m = 375$ là:

- A. 31 523 B. 31 820 C. 31 520 D. 31 920

Câu 6 Số lớn nhất có sáu chữ số **khác nhau** đọc là:

- A. Chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín
B. Chín trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi tư
C. Chín trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm năm bốn
D. Một trăm linh hai nghìn ba trăm bốn mươi lăm



Câu 7 Số nào dưới đây chứa chữ số **3** ở lớp triệu và chữ số **5** ở lớp nghìn?

- A. 350 000 000 B. 430 500 000 C. 510 000 300 D. 520 300 000

Câu 8 Giá trị của chữ số **4** và chữ số **6** trong số **349 678** lần lượt là:

A. 4 000 và 600

B. 40 000 và 6 000

C. 40 000 và 60

D. 40 000 và 600

Câu 9 Số **năm trăm bốn mươi một nghìn ba trăm sáu mươi lăm** sau khi làm tròn đến hàng chục nghìn ta được:

A. 550 000

B. 540 000

C. 541 000

D. 541 400

Câu 10 Bạn Trung nói: “Số 243 705 gồm 243 nghìn, 7 trăm, 5 đơn vị”. Bạn Lan nói: “Số 243 705 gồm 2 437 trăm, 5 đơn vị.” Bạn Nhung nói: “Số 243 705 gồm 24 370 chục, 5 đơn vị.” Theo em, bạn nào nói đúng?

A. Bạn Trung

B. Bạn Lan

C. Bạn Nhung

D. Cả ba bạn đều đúng



Câu 11 Cho số nhỏ nhất có sáu chữ số mà số trăm nghìn, số nghìn, số chục đều là số chẵn lớn nhất có một chữ số. Vậy số đó là:

A. 888 888

B. 808 008

C. 808 080

D. 880 080

Câu 12 Số lớn nhất có sáu chữ số mà số trăm bé hơn số nghìn 2 đơn vị là:

A. 799 999

B. 997 999

C. 999 997

D. 999 799

Câu 13 Tháng trước Hoa tiết kiệm được 5 tờ 100 000 đồng, 4 tờ 10 000 đồng và 8 tờ 1 000 đồng. Vậy tháng trước, Hoa tiết kiệm được số tiền là:

A. 581 000 đồng

B. 584 000 đồng

C. 548 000 đồng

D. 518 000 đồng



Câu 14 Số **862 539** thay đổi như thế nào nếu xóa bỏ đi chữ số **8**?

A. Giảm đi 80 000 đơn vị

B. Tăng thêm 800 000 đơn vị

C. Giảm đi 800 000 đơn vị

D. Giảm đi 8 000 đơn vị

Câu 15 Chữ số **4** trong số **917 438** thuộc lớp nào, có giá trị bằng bao nhiêu?

A. Lớp trăm, có giá trị bằng 400

B. Lớp đơn vị, có giá trị bằng 4

C. Lớp đơn vị, có giá trị bằng 400

D. Lớp nghìn, có giá trị bằng 4 000



Câu 16 Cho biểu thức $18\,000 + m : 2$. Biết m có giá trị bằng với giá trị của chữ số 6 trong số 206 100. Giá trị của biểu thức đã cho là:

- A. 24 000 B. 21 000 C. 18 003 D. 21 050

Câu 17 Từ các tấm thẻ số **6, 0, 7, 9, 0, 0**, lập được bao nhiêu số lẻ có sáu chữ số mà lớp đơn vị của các số đó gồm các chữ số **0, 7, 9**?

- A. 3 số B. 5 số C. 6 số D. 4 số

Câu 18 Từ các tấm thẻ số **2, 0, 8, 5, 4, 0**, lập được bao nhiêu số lẻ có sáu chữ số mà số chục nghìn bằng 8?

- A. 6 số B. 4 số C. 8 số D. 10 số

Câu 19 Chị Lan mua một quả dưa hấu và một quả dưa. Quả dưa có giá 20 000 đồng. Quả dưa hấu đắt hơn quả dưa 26 000 đồng. Chị đưa cho người bán hàng một tờ tiền và được trả lại 34 000 đồng. Vậy chị Lan đã đưa cho người bán hàng tờ tiền có mệnh giá là:



- A. 50 000 đồng B. 500 000 đồng C. 100 000 đồng D. 200 000 đồng

Câu 20 Một nhà máy, ngày thứ nhất sản xuất được 3 125 hộp bánh. Ngày thứ hai, nhà máy sản xuất được nhiều hơn ngày thứ nhất 203 hộp bánh. Ngày thứ ba, nhà máy sản xuất được ít hơn tổng số hộp bánh của hai ngày trước là 928 hộp bánh. Hỏi ngày thứ ba, nhà máy sản xuất được bao nhiêu hộp bánh?

- A. 3 328 hộp B. 7 381 hộp C. 5 525 hộp D. 6 453 hộp

Câu 21 Một cửa hàng xăng dầu buổi sáng bán được 1 823 /xăng và 2 569 /dầu. Buổi chiều, cửa hàng đó bán được 2 184 /xăng và gấp 2 lần số lít dầu bán được. Hỏi buổi sáng cửa hàng bán được nhiều hơn buổi chiều bao nhiêu lít xăng và dầu?

- A. 2 116 / B. 1 116 /
C. 2 126 / D. 1 126 /



Tuần 6

HÀNG VÀ LỚP (TIẾT 3)
CÁC SỐ TRONG PHẠM VI LỚP TRIỆU
LÀM TRÒN SỐ ĐẾN HÀNG TRĂM NGHÌN



Quét mã QR xem đáp án và
video bài giảng chi tiết

Câu 1 Số có chữ số **8** thuộc lớp triệu và thuộc lớp nghìn là:

- A. 418 256 980 B. 843 156 803 C. 382 208 156 D. 837 106 028

Câu 2 Số **hai trăm linh tư triệu sáu trăm ba mươi nghìn bốn trăm** có mấy chữ số 0?

- A. 9 chữ số B. 4 chữ số C. 5 chữ số D. 6 chữ số

Câu 3 Số **437 568 021** có các chữ số thuộc lớp đơn vị là:

- A. 1, 2, 3 B. 4, 3, 7 C. 5, 6, 8 D. 0, 2, 1

Câu 4 Số chẵn lớn nhất có tám chữ số **khác nhau** là:

- A. 96 764 532 B. 98 876 652 C. 96 875 542 D. 98 765 432

Câu 5 Số liền sau của số **500 800 999** đọc là:

- A. Năm trăm triệu tám trăm nghìn chín trăm chín mươi chín
B. Sáu trăm triệu tám trăm nghìn chín trăm chín mươi chín
C. Năm trăm triệu tám trăm linh một nghìn
D. Năm trăm triệu tám trăm nghìn chín trăm chín mươi tám



Câu 6 Số thích hợp điền vào dấu “?” là:



- A. 1 000 009 B. 1 000 004 C. 1 000 007 D. 1 000 010

Câu 7 Số nào dưới đây khi làm tròn đến hàng trăm nghìn thì được số **tám mươi bảy triệu sáu trăm nghìn**?

- A. 87 530 000 B. 87 550 000 C. 87 650 000 D. 87 660 000

Câu 8 Số liền trước của số gồm **4** trăm triệu, **7** triệu, **3** chục nghìn, **6** trăm và **5** đơn vị viết là:

- A. 407 003 604 B. 407 030 606 C. 470 003 606 D. 407 030 604

Câu 9 Cho số có bảy chữ số. Khi viết thêm một chữ số **6** vào bên trái số đó thì chữ số **6** trong số mới có giá trị là:

A. 6 000 000

B. 600 000 000

C. 60 000 000

D. 6

Câu 10 Từ **100 100 000** đến **100 590 000** có bao nhiêu số tròn trăm nghìn?

A. 1 số

B. 4 số

C. 5 số

D. 6 số

Câu 11 Có thể lập được bao nhiêu số có chín chữ số từ các tấm thẻ số dưới đây?

A. 4 số

B. 3 số

C. 2 số

D. 5 số



Câu 12 Một số khi làm tròn đến hàng trăm nghìn thì được **600 000**. Vậy số đó có thể **nhỏ nhất** là:

A. 449 999

B. 550 000

C. 505 000

D. 640 000

Câu 13 Một số khi làm tròn đến hàng trăm nghìn thì được **800 000**. Vậy số đó có thể **lớn nhất** là:

A. 750 000

B. 805 000

C. 790 000

D. 849 999

Câu 14 Số lẻ lớn nhất có chín chữ số lập được từ các tấm thẻ số **7, 0, 4, 1, 8, 5, 1, 7, 4** là:

A. 101 547 874

B. 875 714 104

C. 877 544 101

D. 187 754 104



Câu 15 My đang nghĩ đến một số có chín chữ số. Biết số đó có chữ số **2** ở lớp nghìn và chữ số **9** ở lớp đơn vị. Vậy số mà My đang nghĩ đến có thể là:

A. 402 569 325

B. 509 243 005

C. 357 426 091

D. 290 427 018



Câu 16 Vân viết ra giấy một số có chín chữ số. Biết số đó có số chục triệu là số lớn nhất có một chữ số và lớp đơn vị có chứa số lẻ nhỏ nhất có một chữ số. Vậy số mà Vân viết ra giấy không thể là số nào dưới đây?

A. 692 302 615

B. 296 304 514

C. 490 000 100

D. 901 702 881

Câu 17 Một chiếc điện thoại ghi giá 8 940 000 đồng. Người bán hàng tính tiền cho khách hàng là 8 900 000 đồng. Như vậy, người bán hàng đã làm tròn giá tiền của chiếc điện thoại đến:

A. Hàng nghìn

B. Hàng trăm nghìn

C. Hàng chục nghìn

D. Hàng trăm

Câu 18 Khoảng cách từ Sao Hỏa đến Mặt Trời khoảng 214 261 742 km. Lan lại nói rằng: "Khoảng cách từ Sao Hỏa đến Mặt Trời khoảng 214 260 000 km". Vậy Lan đã làm tròn số đến:



A. Hàng chục nghìn

B. Hàng trăm nghìn

C. Hàng nghìn

D. Hàng chục

Câu 19 Sau khi làm tròn số đến hàng trăm nghìn, bố Nam nói: "Năm nay, công ti bố xuất khẩu được khoảng 200 000 kg thanh long". Vậy trên thực tế, số thanh long công ti của bố Nam xuất khẩu được có thể là:

A. 228 180 kg

B. 281 750 kg

C. 325 700 kg

D. 250 530 kg

Câu 20 Cho số bé nhất có chín chữ số, trong đó số triệu là 8, số chục nghìn là 5 và số trăm là 6. Vậy số đó là:

A. 108 050 600

B. 100 000 568

C. 105 060 800

D. 108 005 006

Câu 21 Từ các tám thẻ số **6, 0, 7, 8, 0, 0**, lập được bao nhiêu số chẵn có sáu chữ số mà lớp nghìn của các số đó gồm các chữ số **0, 0, 6**?



A. 3 số

B. 4 số

C. 6 số

D. 5 số

Câu 22 Cho một số tròn triệu có chín chữ số. Các chữ số thuộc lớp triệu của số đó kể từ trái sang phải lần lượt là ba số lẻ liên tiếp có tổng bằng 21. Vậy số đó là:

A. 975 000 000

B. 357 000 000

C. 759 000 000

D. 579 000 000

Câu 23 Chị Hoa mua một chiếc váy. Khi thanh toán, chị đưa cho người bán hàng 14 tờ 100 000 đồng và 5 tờ 10 000 đồng. Vậy chiếc váy của chị Hoa có giá là:



A. 1 410 000 đồng

B. 1 450 000 đồng

C. 145 000 đồng

D. 1 405 000 đồng

Tuần 7

SƠ SÁNH CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ
LÀM QUEN VỚI DÂY SỐ TỰ NHIÊN
LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 1)



Quét mã QR xem đáp án và
video bài giảng chi tiết

Câu 1 Số liền sau của số **413 526 999** đọc là:

- A. Bốn trăm mười ba triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn
- B. Bốn trăm mười ba triệu lăm trăm hai mươi bảy nghìn
- C. Bốn trăm mười ba triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn
- D. Bốn trăm mười ba triệu năm trăm ba mươi nghìn



Câu 2 Số nào dưới đây có chữ số 8 ở hàng chục triệu và hàng trăm?

- A. 816 345 834
- B. 286 543 810
- C. 387 128 965
- D. 478 102 890

Câu 3 Số tự nhiên **bé nhất** là:

- A. 1
- B. 0
- C. Không có số tự nhiên bé nhất

Câu 4 Số **500 000 000** không có hàng chục triệu và hàng triệu. Đúng hay sai?

- A. Đúng
- B. Sai

Câu 5 Làm tròn số **479 854 872** đến hàng trăm nghìn ta được:

- A. 479 000 000
- B. 479 800 000
- C. 479 850 000
- D. 479 900 000

Câu 6 Giá trị của chữ số **2** trong số liền trước của **234 567 982** là:

- A. 200 000 000
- B. 200 000
- C. 2
- D. 2 000 000

Câu 7 Sau khi làm tròn đến hàng trăm nghìn, bác Hòa nói: "Năm nay, công ti của bác xuất khẩu được khoảng 400 000 kg vải thiều". Vậy thực tế, khối lượng vải thiều mà công ti bác Hòa xuất khẩu được có thể là:

- A. 343 000 kg
- B. 337 890 kg
- C. 382 900 kg
- D. 453 870 kg



Câu 8 Trong các số dưới đây, số **lớn nhất** là:

- A. 190 230 500
- B. 198 123 650
- C. 184 290 769
- D. 198 198 352

Câu 9 Nối:



Số chẵn bé nhất có bảy chữ số và lớn hơn một triệu

500 001



Số lớn nhất có bảy chữ số khác nhau

10 234 567



Số nhỏ nhất có tám chữ số khác nhau

1 000 002



Số lẻ lớn nhất có sáu chữ số và tổng các chữ số bằng 6

9 876 543

Câu 10 Điền dấu (>, <, =) thích hợp vào ô trống.

181 243 567 ? **100 000 000 + 80 000 000 + 2 000 000 + 700 + 9**

A. >

B. <

C. =

Câu 11 Chọn đáp án **sai**:

A. 215 300 600 > 215 199 999

B. 76 824 800 < 75 920 900

C. 73 624 412 < 282 211 300

D. 8 390 700 > 7 990 800



Câu 12 Số **103** thuộc dãy số nào dưới đây?

A. 1, 3, 5, 7, 9, ...

B. 0, 5, 10, 15, 20, ...

C. 0, 2, 4, 6, 8, ...

D. 20, 40, 60, 80, ...

Câu 13 Số 500 **không** thuộc dãy số nào dưới đây?

A. 0, 2, 4, 6, 8, ...

B. 100, 200, 300, 400, ...

C. 50, 150, 200, 250, ...

D. 30, 60, 90, 120, ...



Câu 14 Số lớn nhất có chín chữ số mà tổng các chữ số trong số đó bằng 8 là:

A. 530 000 000

B. 440 000 000

C. 800 000 000

D. 710 000 000

Câu 15 Các số được sắp xếp theo thứ tự từ **lớn đến bé** là:

- A. 1 034 235, 976 568, 954 498, 765 458 B. 976 568, 954 498, 765 458, 1 034 235
C. 765 458, 954 498, 976 568, 1 034 235 D. 954 498, 765 458, 1 034 235, 976 568

Câu 16 Cho dãy số: **3 003, 3 013, 3 023, ... , ... , ..., 3 063, 3 073, 3 083, 3 093**.
Tổng của các số còn thiếu trong dãy số trên là:

- A. 9 029 B. 9 119 C. 9 109 D. 9 129

Câu 17 Cho hai số a và b . Biết a là số liền sau của 499 999 999 và b là số liền trước của 500 000 000. Phép so sánh đúng là:

- A. $a < b$ B. $a > b$ C. $a = b$

Câu 18 Bốn chiếc ba lô dưới đây bị tuột mất bảng giá. Biết ba lô xanh đắt hơn ba lô hồng nhưng lại rẻ hơn ba lô vàng, ba lô đỏ rẻ hơn ba lô hồng. Hãy nối mỗi chiếc ba lô với bảng giá tương ứng.



215 000

198 000

265 000

305 000

Câu 19 Cho một số tự nhiên có hai chữ số, biết nếu viết thêm chữ số 2 vào bên trái số đó thì được số mới gấp 6 lần số đã cho. Vậy số đó là:

- A. 40 B. 16 C. 50 D. 26

Câu 20 Cho dãy số: **10, 13, 16, 19, 22, ..., 97, 100**. Dãy số đã cho có bao nhiêu số hạng?

- A. 62 số B. 31 số C. 30 số D. 32 số

Câu 21 Cho dãy số: **1, 2, 3, 4, ..., 99, 100**. Dãy số đã cho có bao nhiêu số hạng?

- A. 98 số B. 99 số C. 100 số D. 101 số



Câu 1 Số liền trước của **300 601 000** đọc là:

- A. Ba trăm triệu sáu trăm linh một nghìn không trăm linh một
- B. Ba trăm triệu sáu trăm nghìn chín trăm chín mươi chín
- C. Ba trăm triệu sáu trăm linh một nghìn chín trăm chín mươi chín
- D. Hai trăm chín mươi chín triệu sáu trăm linh một nghìn



Câu 2 Số **năm trăm linh tư triệu sáu trăm ba mươi nghìn một trăm hai mươi lăm** có các chữ số thuộc lớp triệu là:

- A. 5, 0, 4
- B. 6, 3, 0
- C. 1, 2, 5
- D. 0, 4, 6

Câu 3 Số?

$$8 \text{ tạ } 3 \text{ yến} = ? \text{ kg}$$

- A. 8 030
- B. 803
- C. 830
- D. 83

Câu 4 Chọn đáp án **sai**:

- A. 86 000 kg = 860 tạ
- B. 89 yến = 8 tạ 9 yến
- C. 63 487 kg = 63 tấn 4 tạ 8 yến 7 kg
- D. 5 tạ 7 yến = 5 700 kg

Câu 5 Số lớn nhất có chín chữ số mà tổng các chữ số trong số đó bằng 9 là:

- A. 720 000 000
- B. 630 000 000
- C. 900 000 000
- D. 810 000 000

Câu 6 Các số thích hợp điền vào ô trống lần lượt là:

$$60 \text{ ? } 00 \text{ 005} = 60 \text{ 000 000} + 200 \text{ 000} + \text{ ?}$$

- A. 5, 0
- B. 0, 0
- C. 2, 5
- D. 0, 2

Câu 7 Các số được sắp xếp theo thứ tự từ **bé đến lớn** là:

- A. 250 870, 168 980 500, 75 009 959, 168 802 345
- B. 168 980 500, 75 009 959, 250 870, 168 802 345
- C. 75 009 959, 168 802 345, 168 980 500, 250 870
- D. 250 870, 75 009 959, 168 802 345, 168 980 500



Câu 8 Các số thích hợp điền vào ô trống lần lượt là:

$$172\ 404 \boxed{?} 01 > 172\ 404\ 100 > 172\ 404 \boxed{?} 99$$

A. 0, 0

B. 1, 9

C. 0, 1

D. 1, 0

Câu 9 Cho dãy số: **1 050, 1 100, 1 150, 1 200, ... , ...**. Các số còn thiếu trong dãy số trên lần lượt là:

A. 1 250, 1 300

B. 1 300, 1 400

C. 1 300, 1 350

D. 1 220, 1 250

Câu 10 Nối:



23 yến 456 kg



234 yến 56 kg



2 yến 3 456 kg



2 345 yến 6 kg

34 tạ 76 kg

23 tấn 456 kg

2 tấn 396 kg

6 tạ 86 kg

Câu 11 Bằng cách làm tròn đến hàng chục, mẹ Mai nói: “Con bò của nhà mình nặng khoảng 540 kg”. Vậy trên thực tế, cân nặng của con bò nhà Mai có thể là:

A. 5 tạ 3 yến

B. 5 tạ 31 kg

C. 5 tạ 36 kg

D. 5 tạ 3 kg



Câu 12 Anh Nam mua một chiếc bàn. Khi thanh toán, anh đã đưa cho người bán hàng 11 tờ 100 000 đồng và 6 tờ 10 000 đồng. Vậy chiếc bàn đó có giá là:

A. 1 600 000 đồng

B. 1 100 000 đồng

C. 1 160 000 đồng

D. 610 000 đồng

Câu 13 Một ô tô chở 60 bao bưởi giao cho các cửa hàng, mỗi bao nặng 5 yến. Sau khi giao cho cửa hàng nhà bác Tâm, lúc này trên xe còn lại 16 tạ bưởi. Hỏi xe ô tô đó đã giao được bao nhiêu ki-lô-gam bưởi?

A. 1 400 kg

B. 1 500 kg

C. 600 kg

D. 440 kg

Câu 14 Có một số bao ngô cần chở đi. Nếu dùng 3 xe tải thì mỗi xe phải chở 240 bao. Vậy nếu chỉ có 2 xe tải thì mỗi xe phải chở số bao ngô là:

A. 320 bao

B. 350 bao

C. 360 bao

D. 380 bao

Câu 15 Một kho chứa 48 tấn bột mì. Nếu dùng 8 xe tải, mỗi xe tải chở số bao bột mì như nhau và mỗi bao đều đựng 5 yến bột mì thì vừa hết số bột mì có trong kho. Vậy mỗi xe tải đó chở được số bao bột mì là:

A. 110 bao

B. 120 bao

C. 130 bao

D. 140 bao

Câu 16 Có ba kho đường, kho thứ nhất chứa 6 tấn 150 kg đường. Kho thứ hai chứa ít hơn kho thứ nhất 650 kg đường và nhiều hơn kho thứ ba 250 kg đường. Vậy cả ba kho chứa tất cả số tạ đường là:

A. 195 tạ

B. 169 tạ

C. 180 tạ

D. 174 tạ

Câu 17 Mùa vụ thứ nhất, vườn mận nhà bác Mai thu hoạch được 2 tấn 17 kg mận. Số mận thu hoạch được ở mùa vụ thứ hai gấp đôi số mận thu hoạch được ở mùa vụ thứ nhất. Mùa vụ thứ ba thu hoạch được ít hơn mùa vụ thứ hai 2 tạ 11 kg mận. Vậy cả ba mùa vụ, vườn mận nhà bác Mai thu hoạch được số ki-lô-gam mận là:

A. 10 296 kg

B. 7 474 kg

C. 8 639 kg

D. 9 874 kg

Câu 18 Thửa ruộng thứ nhất thu hoạch được 8 tạ 2 yến thóc. Số thóc thu hoạch ở thửa thứ hai bằng $\frac{1}{2}$ số thóc thu hoạch ở thửa thứ nhất và ít hơn thửa thứ ba 1 tạ 50 kg. Vậy cả ba thửa ruộng thu hoạch được số ki-lô-gam thóc là:



A. 1 890 kg

B. 1 790 kg

C. 1 745 kg

D. 1 754 kg

Câu 19 Một huyện nghèo nhận được 2 xe gạo, mỗi xe có 2 tấn 5 tạ gạo. Huyện đã chia đều số gạo đó cho 5 xã. Sau đó, các xã chia đều số gạo nhận được cho các hộ gia đình, mỗi hộ 4 kg gạo. Vậy mỗi xã có số hộ dân nhận được gạo là:



A. 300 hộ

B. 205 hộ

C. 215 hộ

D. 250 hộ

Câu 20 Một bao có 6 yến khoai. Lần đầu lấy ra $\frac{1}{4}$ số khoai, lần thứ hai lấy ra $\frac{1}{5}$ số khoai còn lại. Sau hai lần lấy ra, trong bao còn lại số khoai là:

A. 36 kg

B. 3 yến

C. 25 kg

D. 2 yến

Tuần 9

ĐỀ-XI-MÉT VUÔNG, MÉT VUÔNG, MI-LI-MÉT VUÔNG
GIÂY, THẾ KỈ (TIẾT 1)



Quét mã QR xem đáp án và
video bài giảng chi tiết

Câu 1 Số?

$18 \text{ dm}^2 90 \text{ mm}^2 = ? \text{ mm}^2$

- A. 180 009 B. 189 000 C. 180 090 D. 180 900

Câu 2 Số?

$8 \text{ phút } 13 \text{ giây} = ? \text{ giây}$

- A. 813 B. 483 C. 493 D. 503

Câu 3 Số?

$6 \text{ ngày } 12 \text{ giờ} = ? \text{ giờ}$

- A. 166 B. 156 C. 146 D. 136

Câu 4 Số?

$8 \text{ phút } ? \text{ giây} = 6 \text{ phút } 140 \text{ giây}$

- A. 30 B. 20 C. 50 D. 40

Câu 5 Các số thích hợp điền vào ô trống lần lượt là:

$1 \text{ 770 năm} = ? \text{ thế kỉ } ? \text{ năm}$

- A. 17; 70 B. 18; 70 C. 17; 7 D. 18; 7

Câu 6 Điền dấu (>, <, =) thích hợp vào ô trống.

$1 \text{ 560 dm}^2 ? 150 \text{ 000 cm}^2 + 8 \text{ 000 cm}^2$

- A. > B. < C. =

Câu 7 Nối:

8 phút 30 giây

4 thế kỉ 5 năm

6 phút 160 giây

5 thế kỉ 4 năm

504 năm

520 giây

510 giây

405 năm

Câu 8 Chọn đáp án **sai**:

A. Năm 1 thuộc thế kỉ I

B. Năm 1700 thuộc thế kỉ XVIII

C. Năm 2023 thuộc thế kỉ XXI

D. Năm 1975 thuộc thế kỉ XX

Câu 9 Hằng ngày, Sơn đi học bằng xe đạp. Quãng đường từ nhà Sơn đến trường dài 360 m và mỗi giây Sơn đi được 3 m. Vậy Sơn đi từ nhà đến trường trong thời gian là:

A. 8 phút

B. 360 giây

C. 120 giây

D. 3 phút

Câu 10 Một bể bơi hình vuông có cạnh dài 50 dm. Vậy diện tích bể bơi đó là:

A. 25 m^2

B. 25 dm^2

C. 250 dm^2

D. 20 m^2

Câu 11 Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài là 250 dm, chiều rộng kém chiều dài 18 m. Vậy diện tích của thửa ruộng đó là:

A. $2\,250 \text{ m}^2$

B. 185 m^2

C. 525 m^2

D. 175 m^2

Câu 12 Ông Tư nặn xong một con tò he hết 3 phút 30 giây. Vậy nếu làm liên tục ông Tư sẽ nặn xong 3 con tò he trong số giây là:

A. 500 giây

B. 630 giây

C. 650 giây

D. 550 giây

Câu 13 Sắp xếp các số đo sau theo thứ tự từ **lớn đến bé**:

70 m^2 50 dm^2 , $8\,200 \text{ dm}^2$ 10 cm^2 , $650\,000 \text{ cm}^2$, 70 m^2 90 cm^2

A. $8\,200 \text{ dm}^2$ 10 cm^2 , $650\,000 \text{ cm}^2$, 70 m^2 50 dm^2 , 70 m^2 90 cm^2

B. $8\,200 \text{ dm}^2$ 10 cm^2 , 70 m^2 50 dm^2 , 70 m^2 90 cm^2 , $650\,000 \text{ cm}^2$

C. $650\,000 \text{ cm}^2$, 70 m^2 90 cm^2 , 70 m^2 50 dm^2 , $8\,200 \text{ dm}^2$ 10 cm^2

D. $8\,200 \text{ dm}^2$ 10 cm^2 , 70 m^2 90 cm^2 , 70 m^2 50 dm^2 , $650\,000 \text{ cm}^2$



Câu 14 Mai, My, Hà và Lan cùng tham gia một cuộc thi chạy. My cần 4 phút 15 giây để chạy về đích, Lan cần 350 giây, Mai cần 5 phút và Hà cần 215 giây. Vậy bạn chạy chậm nhất là:

A. Mai

B. My

C. Hà

D. Lan

Câu 15 Một mảnh đất hình chữ nhật có chu vi bằng 46 m. Biết chiều dài của mảnh đất là 18 m. Vậy diện tích của mảnh đất đó là:

A. 210 m^2

B. 100 m^2

C. 310 m^2

D. 90 m^2

- Câu 16** Một hình chữ nhật có chu vi bằng chu vi hình vuông có cạnh là 9 dm. Biết chiều rộng hình chữ nhật bằng 80 cm. Vậy diện tích hình chữ nhật đó là:
- A. 80 m² B. 8 000 mm² C. 80 dm² D. 80 cm²
- Câu 17** Người dẫn chương trình thông báo: "Còn 1 giờ 25 phút nữa, chúng ta sẽ bước sang thế kỉ XXI". Vậy thời điểm người dẫn chương trình thông báo là:
- A. 22 giờ 35 phút, ngày 31 tháng 12 năm 2000
B. 23 giờ 35 phút, ngày 31 tháng 12 năm 2020
C. 22 giờ 45 phút, ngày 31 tháng 12 năm 2000
D. 22 giờ 35 phút, ngày 31 tháng 12 năm 2020
- Câu 18** Người ta ghép 5 miếng bìa hình vuông để được một hình chữ nhật có chiều rộng bằng cạnh của mỗi miếng bìa đó và bằng 10 cm. Vậy diện tích của hình chữ nhật ghép được là:
- A. 5 m² B. 5 dm² C. 50 dm² D. 50 cm²
- Câu 19** Một sàn phòng khách nhà Bảo có dạng hình vuông cạnh 6 m. Bố Bảo dự định lát lại sàn cho căn phòng đó bằng các viên gạch men hình vuông cạnh 3 dm. Vậy số viên gạch men bố Bảo cần dùng để lát kín mặt sàn của căn phòng đó là:
- A. 600 viên B. 180 viên C. 400 viên D. 1 200 viên
- Câu 20** Lan có một tờ giấy màu hình chữ nhật. Lan cắt bớt chiều dài 7 cm và giữ nguyên chiều rộng, lúc này Lan được một tờ giấy mới dạng hình vuông. Biết diện tích tờ giấy mới giảm đi 56 cm² so với tờ giấy cũ. Vậy diện tích ban đầu của tờ giấy màu đó là:
- A. 120 cm² B. 120 dm² C. 120 mm² D. 12 dm²
- Câu 21** Một xe máy đi từ A đến B hết $\frac{1}{3}$ giờ và đi từ B về A hết $\frac{1}{4}$ giờ. Hỏi lúc đi hay lúc về nhanh hơn? Tổng thời gian xe máy đi và về là bao nhiêu phút?
- A. Lúc về nhanh hơn. Tổng thời gian xe máy đó đi và về là 55 phút.
B. Lúc đi nhanh hơn. Tổng thời gian xe máy đó đi và về là 35 phút.
C. Lúc đi nhanh hơn. Tổng thời gian xe máy đó đi và về là 45 phút.
D. Lúc về nhanh hơn. Tổng thời gian xe máy đó đi và về là 35 phút.



Quét mã QR xem đáp án và video bài giảng chi tiết

Câu 1 Số?

9 phút = ? giây

A. 108

B. 216

C. 900

D. 540

Câu 2 Số?

9 thế kỉ = ? năm

A. 800

B. 700

C. 900

D. 1 000

Câu 3 Các số thích hợp điền vào ô trống lần lượt là:

Từ năm ? đến năm ? là thế kỉ VIII.

A. 1101, 1200

B. 2000, 2023

C. 1801, 1900

D. 701, 800

Câu 4 Ngô Quyền lên ngôi Hoàng Đế vào năm 939. Năm đó thuộc thế kỉ:

A. XVIII

B. X

C. IX

D. XIX

Câu 5 Điền dấu (>, <, =) thích hợp vào ô trống.

72 tạ 180 yến ? 4 tấn x 3

A. >

B. <

C. =



Câu 6 Lan gấp một chiếc thuyền hết 2 phút 15 giây. Vậy để gấp 2 chiếc thuyền Lan cần thời gian là:

A. 270 giây

B. 390 giây

C. 130 giây

D. 630 giây

Câu 7 Chọn đáp án **sai**:

A. Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư về Đại La năm 1010, năm đó thuộc thế kỉ XI.

B. Nhà hát Lớn Hà Nội được khánh thành năm 1911, năm đó thuộc thế kỉ XX.

C. Lê Hoàn đánh tan quân Tống năm 981, năm đó thuộc thế kỉ IX.

D. Năm 1789 vua Quang Trung đại phá quân Thanh, năm đó thuộc thế kỉ XVIII.

Câu 8 Sơn, Việt, An và Hà cùng thi chạy một vòng quanh sân bóng. Sơn chạy hết 80 giây, Việt chạy hết 1 phút 15 giây, An chạy hết 90 giây và Hà chạy hết 1 phút 20 giây. Vậy bạn chạy về đích nhanh nhất là:

A. Sơn

B. Việt

C. An

D. Hà

Câu 9 Các số đo được sắp xếp theo thứ tự từ **lớn đến bé** là:

A. 9 m^2 2 dm^2 , 95 000 cm^2 , 905 dm^2 , 9 m^2 300 cm^2 B. 9 m^2 300 cm^2 , 9 m^2 2 dm^2 , 905 dm^2 , 95 000 cm^2 C. 95 000 cm^2 , 905 dm^2 , 9 m^2 300 cm^2 , 9 m^2 2 dm^2 D. 9 m^2 2 dm^2 , 9 m^2 300 cm^2 , 905 dm^2 , 95 000 cm^2 

Câu 10 Các số đo được sắp xếp theo thứ tự từ **bé đến lớn** là:

A. 8 654 kg , 8 tạ 12 yến , 8 tấn 7 yến , 8 tấn 9 tạ B. 8 tấn 9 tạ , 8 654 kg , 8 tạ 12 yến , 8 tấn 7 yến C. 8 tấn 7 yến , 8 tạ 12 yến , 8 654 kg , 8 tấn 9 tạ D. 8 tạ 12 yến , 8 tấn 7 yến , 8 654 kg , 8 tấn 9 tạ 

Câu 11 Từ các thẻ số **1, 3, 5, 7** lập được bao nhiêu số có bốn chữ số lớn hơn 7 350 ?

A. 6 số

B. 7 số

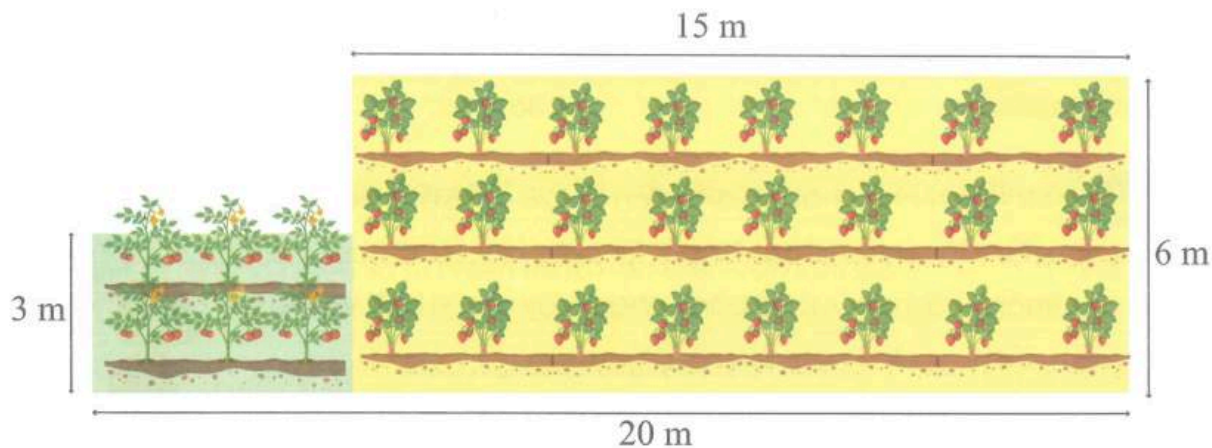
C. 9 số

D. 8 số

Câu 12 Một cửa hàng có 5 tấn bột mì và bột gạo. Sau khi bán, cửa hàng còn lại 1 150 kg bột mì và 350 kg bột gạo. Vậy cửa hàng đó đã bán được tất cả số tạ bột mì và bột gạo là:

A. 3 050 tạ B. 35 tạ C. 3 500 tạ D. 350 tạ

Câu 13 Một khu đất được sử dụng để trồng rau củ (như hình bên dưới). Vậy diện tích của khu đất đó là:

A. 90 m^2 B. 75 m^2 C. 105 m^2 D. 125 m^2

- Câu 14** Bình ngồi giải hai bài toán cô giáo giao về nhà. Bình mất 5 phút 50 giây để giải bài toán đầu tiên. Đến bài toán thứ hai, vì khó hơn nên Bình giải chậm hơn bài toán đầu tiên 2 phút 15 giây. Vậy Bình đã giải cả hai bài toán trong số giây là:



A. 565 giây B. 755 giây C. 485 giây D. 835 giây

- Câu 15** Năm ngoái, nhà Mai thu hoạch được 5 tấn 50 kg nhãn. Năm nay, nhà Mai thu hoạch được ít hơn năm ngoái 3 tạ 15 kg nhãn. Vậy cả hai năm, nhà Mai thu hoạch được tất cả số ki-lô-gam nhãn là:

A. 10 415 kg B. 8 655 kg
C. 9 785 kg D. 7 850 kg

- Câu 16** Bác Sơn có một vườn cam hình chữ nhật rộng 7 m, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Cứ mỗi 1 m^2 đất, bác thu hoạch được 2 kg cam. Vậy bác Sơn thu hoạch được số ki-lô-gam cam từ vườn đó là:

A. 294 kg B. 374 kg
C. 284 kg D. 384 kg



- Câu 17** Để lát nền một căn phòng, người ta dùng hết 400 viên gạch hình vuông có cạnh 3 dm. Biết rằng diện tích phần mạch vữa không đáng kể. Vậy diện tích căn phòng đó là:

A. 12 m^2 B. 18 m^2
C. 30 m^2 D. 36 m^2



- Câu 18** Một hình chữ nhật có diện tích là 128 m^2 . Biết chiều dài gấp đôi chiều rộng. Người ta chia hình chữ nhật đó thành hai hình vuông bằng nhau. Vậy chu vi hình vuông và chu vi hình chữ nhật lần lượt là:

A. 28 m, 52 m B. 38 m, 42 m
C. 24 m, 56 m D. 32 m, 48 m





Câu 1 Một con bò trưởng thành có cân nặng khoảng:

- A. 3 yến 5 kg B. 3 tạ 2 yến C. 3 tấn 2 tạ D. 3 yến

Câu 2 Điền dấu (>, <, =) thích hợp vào ô trống.

$650\ 327\text{ dm}^2 + 75\ 854\text{ dm}^2$? $7\ 260\text{ m}^2$

- A. > B. < C. =

Câu 3 Chị Duyên sinh vào ngày đầu tiên của thế kỉ XXI. Hỏi chị Duyên sinh vào ngày, tháng, năm nào?

- A. 1 tháng 1 năm 2001 B. 1 tháng 1 năm 1999
 C. 31 tháng 12 năm 2000 D. 1 tháng 1 năm 2000

Câu 4 Số chẵn liền trước của giá trị biểu thức $452\ 670 + 193\ 078 + 293\ 834$ là:

- A. 939 578 B. 939 582 C. 939 584 D. 939 580

Câu 5 Diện tích hình chữ nhật bên là:

- A. 18 m^2 B. 120 dm^2
 C. 180 dm^2 D. 36 m^2



Câu 6 Bạn Hoa mất 1 phút 30 giây để tô màu xong một mặt của món đồ chơi dạng khối lập phương. Nếu tô liên tục, bạn Hoa sẽ tô màu xong tất cả các mặt của món đồ chơi đó trong số giây là:



- A. 540 giây B. 780 giây C. 480 giây D. 900 giây

Câu 7 Có bao nhiêu số tự nhiên thích hợp điền vào ô trống?

$456\ 789 -$? $> 456\ 780$

- A. 7 số B. 10 số C. 9 số D. 8 số

Câu 8 Biểu thức có giá trị **lớn nhất** là:

A. $170\ 000 + 30\ 000 + 120\ 000$

B. $170\ 000 + (120\ 000 - 30\ 000)$

C. $170\ 000 - 120\ 000 + 30\ 000$

D. $170\ 000 - 120\ 000 - 30\ 000$

Câu 9 Giá trị của biểu thức $1\ 000 \times 2 + m - 8\ 808$ với $m = 109\ 999$ là:

A. 101 191

B. 103 191

C. 120 807

D. 102 807

Câu 10 Cho hai số tự nhiên, biết số thứ nhất là số lớn nhất có sáu chữ số khác nhau, số thứ hai là số nhỏ nhất có sáu chữ số khác nhau. Vậy hiệu của hai số đó là:

A. 885 309

B. 899 999

C. 887 654

D. 885 319

Câu 11 Tổng của hai số là 405 290. Nếu giữ nguyên số hạng thứ nhất và tăng số hạng thứ hai thêm 126 370 đơn vị thì được tổng mới là:

A. 541 669

B. 531 650

C. 531 550

D. 531 660

Câu 12 Hiệu của hai số là 645 326. Nếu tăng số trừ thêm 93 819 đơn vị và giữ nguyên số bị trừ thì được hiệu mới là:

A. 651 507

B. 739 185

C. 551 507

D. 738 185

Câu 13 Tháng trước, một nhà máy sản xuất được 356 800 chiếc áo. Tháng này, nhà máy đó sản xuất được ít hơn tháng trước 74 900 chiếc áo. Vậy cả hai tháng, nhà máy đó sản xuất được tất cả số chiếc áo là:



A. 713 600 chiếc

B. 531 700 chiếc

C. 638 700 chiếc

D. 281 900 chiếc

Câu 14 Kho thứ nhất chứa 13 tấn bột mì, kho thứ hai chứa nhiều hơn kho thứ nhất 95 tạ bột mì. Vậy cả hai kho chứa tất cả số ki-lô-gam bột mì là:

A. 16 500 kg

B. 35 500 kg

C. 32 500 kg

D. 22 500 kg

Câu 15 Mẹ đi chợ mua 2 kg táo và 1 kg nho. Mỗi ki-lô-gam táo có giá 25 000 đồng và mỗi ki-lô-gam nho có giá 120 000 đồng. Mẹ đưa cho cô bán hàng tờ 200 000 đồng. Vậy cô bán hàng cần phải trả lại mẹ số tiền là:

A. 15 000 đồng

B. 10 000 đồng

C. 20 000 đồng

D. 30 000 đồng

- Câu 16** Tháng Một, trang trại bán được 20 800 / sữa bò. Tháng Hai, trang trại bán được nhiều hơn tháng Một 12 500 / sữa bò và nhiều hơn tháng Ba 10 700 / sữa bò. Vậy cả ba tháng, trang trại bán được số lít sữa bò là:



- A. 70 200 /
B. 77 600 /
C. 76 700 /
D. 98 100 /

- Câu 17** Chị Hương có 2 tờ 200 000 đồng và 1 tờ 100 000 đồng. Chị đi chợ mua thức ăn hết 220 000 đồng và mua 2 gói bánh, mỗi gói bánh có giá 45 000 đồng. Vậy chị Hương còn lại số tiền là:



- A. 190 000 đồng
B. 235 000 đồng
C. 310 000 đồng
D. 35 000 đồng

- Câu 18** Anh Sơn đi từ thành phố về thăm một trường ở vùng cao với quãng đường dài 316 km. Anh đi ô tô được 304 km, sau đó chuyển sang xe máy đi được 8 200 m. Vậy anh Sơn còn cách trường ở vùng cao số mét là:



- A. 4 200 m
B. 2 800 m
C. 1 200 m
D. 3 800 m

- Câu 19** Từ các số **7, 9, 0, 5, 1, 6**, lập được một số lớn nhất có sáu chữ số giống nhau và một số nhỏ nhất có sáu chữ số khác nhau. Vậy hiệu của hai số đó khi làm tròn đến hàng trăm nghìn là:

- A. 90 000
B. 100 000
C. 890 000
D. 900 000



- Câu 20** Mai viết ra giấy ba số lẻ liên tiếp nhau. Biết số lớn nhất là số lẻ liền trước của số lẻ nhỏ nhất có năm chữ số khác nhau. Vậy tổng của ba số lẻ liên tiếp mà Mai viết ra là:



- A. 29 991
B. 30 693
C. 30 699
D. 29 997



Câu 1 Biết tổng của hai số là 225, hiệu của hai số là 15. Vậy hai số đó là:

A. 105 và 120

B. 110 và 115

C. 95 và 130

D. 98 và 127

Câu 2 Tổng của hai số chẵn là 452, biết giữa chúng có 4 số lẻ. Vậy hai số chẵn đó là:

A. 220 và 232

B. 218 và 234

C. 222 và 230

D. 224 và 228

Câu 3 Biết tổng của hai số là số chẵn lớn nhất có ba chữ số, hiệu của hai số là số nhỏ nhất có hai chữ số. Vậy hai số đó là:

A. 488 và 510

B. 490 và 500

C. 484 và 494

D. 494 và 504

Câu 4 Một miếng bìa hình chữ nhật có chu vi là 90 cm, biết chiều rộng kém chiều dài 5 cm. Vậy chiều dài và chiều rộng của miếng bìa đó lần lượt là:

A. 22 cm và 17 cm

B. 25 cm và 20 cm

C. 33 cm và 28 cm

D. 30 cm và 25 cm

Câu 5 Trang mua một cốc nước mía và một cốc sinh tố bơ hết 55 000 đồng. Biết giá của cốc nước mía rẻ hơn giá của cốc sinh tố bơ là 35 000 đồng. Vậy giá tiền của cốc nước mía và giá tiền của cốc sinh tố bơ lần lượt là:

A. 10 000 đồng và 45 000 đồng

B. 12 000 đồng và 43 000 đồng

C. 15 000 đồng và 40 000 đồng

D. 11 000 đồng và 46 000 đồng



Câu 6 Cửa hàng nhà bác Mai nhập về 605 kg gạo tẻ và gạo nếp. Biết số gạo tẻ nhiều hơn số gạo nếp là 45 kg. Sau đó, bác Mai đã bán đi 100 kg gạo tẻ. Vậy cửa hàng nhà bác Mai còn lại số ki-lô-gam gạo tẻ là:

A. 205 kg

B. 225 kg

C. 220 kg

D. 210 kg

Câu 7 Cô Hoa có một mảnh đất hình chữ nhật dài 12 m và rộng 8 m. Cô trồng cà rốt và bắp cải trên mảnh đất đó. Biết diện tích trồng bắp cải bé hơn diện tích trồng cà rốt là 20 m². Vậy diện tích cô Hoa trồng bắp cải là:

A. 60 m^2 B. 76 m^2 C. 96 m^2 D. 38 m^2

Câu 8 Bố hơn con 35 tuổi, biết bốn năm nữa tổng số tuổi của hai bố con là 55 tuổi. Vậy tuổi của bố hiện nay là:

A. 40 tuổi

B. 41 tuổi

C. 42 tuổi

D. 39 tuổi

Câu 9 Chị Hà mua một đôi giày, một chiếc áo và một chiếc khăn hết tất cả 980 000 đồng. Biết đôi giày có giá 390 000 đồng, chiếc áo có giá đắt hơn chiếc khăn 350 000 đồng. Vậy giá tiền của chiếc áo và chiếc khăn chị Hà mua lần lượt là:

A. 120 000 đồng và 470 000 đồng

B. 520 000 đồng và 170 000 đồng

C. 170 000 đồng và 520 000 đồng

D. 470 000 đồng và 120 000 đồng



Câu 10 Một xí nghiệp có hai tổ công nhân, biết tổ Một nhiều hơn tổ Hai 12 công nhân. Nếu xí nghiệp tuyển thêm 10 công nhân thì lúc này xí nghiệp có 300 công nhân. Vậy lúc đầu, số công nhân của tổ Một và tổ Hai lần lượt là:

A. 151 công nhân và 139 công nhân

B. 141 công nhân và 129 công nhân

C. 144 công nhân và 132 công nhân

D. 161 công nhân và 149 công nhân

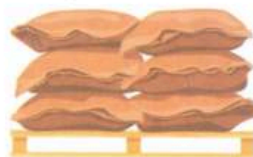
Câu 11 Hai kho có tất cả 15 600 kg gạo. Nếu chuyển 800 kg gạo từ kho thứ nhất sang kho thứ hai thì lúc này, kho thứ hai nhiều hơn kho thứ nhất 1 200 kg gạo. Vậy lúc đầu, kho thứ nhất có số tạ gạo là:

A. 76 tạ

B. 80 tạ

C. 88 tạ

D. 98 tạ



Câu 12 Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi là 42 m. Nếu giảm chiều dài của mảnh vườn đi 4 m và tăng chiều rộng thêm 5 m thì lúc này mảnh vườn có dạng hình vuông. Vậy diện tích của mảnh vườn lúc đầu là:

A. 119 m^2 B. 171 m^2 C. 140 m^2 D. 90 m^2

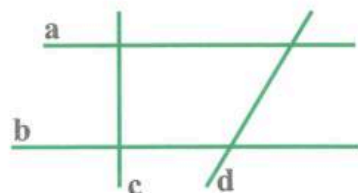


Câu 1 Một hình chữ nhật có mấy cặp cạnh vuông góc với nhau?

- A. 2 B. 4 C. 3 D. 1

Câu 2 Chọn đáp án **đúng**:

- A. Đường thẳng a vuông góc với đường thẳng b.
B. Đường thẳng a vuông góc với đường thẳng c.
C. Đường thẳng b vuông góc với đường thẳng d.
D. Đường thẳng c vuông góc với đường thẳng d.



Câu 3 Trong thực tế, kim giờ và kim phút của đồng hồ vuông góc với nhau khi đồng hồ chỉ mấy giờ?

- A. 9 giờ 15 phút B. 4 giờ C. 10 giờ D. 3 giờ 30 phút

Câu 4 Tổng cân nặng của Thư và chị gái là 84 kg. Biết chị gái nặng hơn Thư 18 kg. Vậy cân nặng của Thư và chị gái là:

- A. Thư nặng 33 kg, chị gái nặng 51 kg
B. Thư nặng 23 kg, chị gái nặng 61 kg
C. Thư nặng 42 kg, chị gái nặng 60 kg
D. Thư nặng 28 kg, chị gái nặng 56 kg



Câu 5 Tổng hai số là số chẵn liền trước của số nhỏ nhất có bốn chữ số, hiệu hai số là số liền sau của số lớn nhất có hai chữ số. Vậy hai số đó là:

- A. 549 và 449 B. 599 và 499 C. 551 và 451 D. 559 và 459

Câu 6 Một trang trại có 13 742 con gà và con vịt. Biết số gà nhiều hơn số vịt là 1 500 con. Vậy số gà và số vịt của trang trại đó lần lượt là:



- A. 6 021 con và 7 621 con
B. 6 121 con và 7 621 con
C. 7 621 con và 6 121 con
D. 7 621 con và 6 021 con

Câu 7 Một mảnh đất hình chữ nhật có chu vi là 680 dm. Chiều rộng kém chiều dài 20 m. Vậy chiều dài của mảnh đất đó là:

- A. 18 m B. 24 m C. 27 m D. 44 m

Câu 8 Cho hiệu của hai số bằng 11 809, biết nếu lấy số bị trừ cộng với số trừ rồi cộng tiếp với hiệu của chúng thì được 29 668. Vậy hai số đó lần lượt là:

- A. 14 384 và 11 809 B. 14 874 và 3 065
C. 26 593 và 14 784 D. 14 834 và 3 025

Câu 9 Kho thứ nhất có nhiều hơn kho thứ hai 2 tấn 8 tạ gạo. Nếu kho thứ nhất xuất đi 4 tấn 3 tạ gạo thì lúc này tổng số gạo của hai kho là 20 tấn 3 tạ. Vậy lúc đầu, kho thứ nhất có số tạ gạo là:

- A. 185 tạ B. 137 tạ C. 139 tạ D. 126 tạ

Câu 10 Một mảnh đất hình chữ nhật có chu vi là 120 m. Nếu tăng chiều rộng thêm 5 m và giảm chiều dài đi 5 m thì lúc này mảnh đất đó trở thành mảnh đất hình vuông. Vậy chiều rộng và chiều dài ban đầu của mảnh đất đó là:

- A. Chiều rộng 35 m, chiều dài 25 m B. Chiều rộng 55 m, chiều dài 65 m
C. Chiều rộng 25 m, chiều dài 35 m D. Chiều rộng 35 m, chiều dài 45 m

Câu 11 Lan có nhiều hơn Huệ 21 000 đồng. Nếu Lan cho đi 5 000 đồng và Huệ cho đi 11 000 đồng thì lúc này tổng số tiền của hai bạn là 70 000 đồng. Hỏi lúc đầu, mỗi bạn có bao nhiêu tiền?

- A. Lan có 53 500 đồng, Huệ có 32 500 đồng
B. Lan có 67 000 đồng, Huệ có 45 000 đồng
C. Lan có 35 500 đồng, Huệ có 56 500 đồng
D. Lan có 35 000 đồng, Huệ có 57 000 đồng



Câu 12 Hiện nay tổng số tuổi của bà, mẹ và Mai là 108 tuổi. Tuổi Mai kém tuổi mẹ 23 tuổi. Biết ba năm trước, tuổi bà hơn tổng số tuổi của mẹ và Mai là 21 tuổi. Vậy hiện nay số tuổi của mỗi người là:

- A. Mai 14 tuổi, mẹ 34 tuổi, bà 60 tuổi B. Mai 11 tuổi, mẹ 34 tuổi, bà 63 tuổi
C. Mai 12 tuổi, mẹ 38 tuổi, bà 58 tuổi D. Mai 6 tuổi, mẹ 32 tuổi, bà 70 tuổi



Câu 1 Một hình vuông có mấy cặp cạnh song song với nhau?

- A. 3 cặp B. 2 cặp C. 4 cặp D. 1 cặp

Câu 2 Chọn đáp án **đúng**:

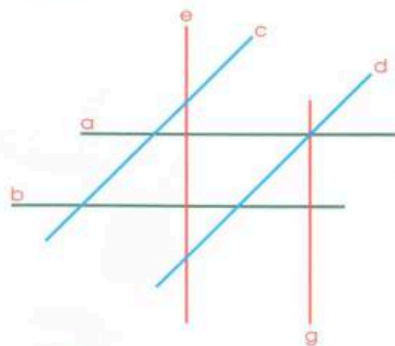
- A. Kim giờ và kim phút của đồng hồ vuông góc với nhau khi đồng hồ chỉ 12 giờ.
 B. Kim giờ và kim phút của đồng hồ vuông góc với nhau khi đồng hồ chỉ 20 giờ.
 C. Kim giờ và kim phút của đồng hồ vuông góc với nhau khi đồng hồ chỉ 6 giờ.
 D. Kim giờ và kim phút của đồng hồ vuông góc với nhau khi đồng hồ chỉ 15 giờ.

Câu 3 Quan sát hình bên và chọn đáp án **sai**:

- A. Đoạn thẳng AB song song với đoạn thẳng DC.
 B. Đoạn thẳng AD vuông góc với đoạn thẳng DC.
 C. Đoạn thẳng BC song song với đoạn thẳng AB.
 D. Đoạn thẳng BA vuông góc với đoạn thẳng BC.



Câu 4 Quan sát hình dưới và chọn đáp án **đúng**:



- A. Đường thẳng b chỉ vuông góc với đường thẳng g.
 B. Đường thẳng g không song song với đường thẳng nào.
 C. Đường thẳng e vuông góc với đường thẳng a và vuông góc với đường thẳng b.
 D. Đường thẳng c cắt đường thẳng d.

Câu 5 Số?

Hình bên có ? cặp cạnh song song với nhau.

- A. 7 B. 9
 C. 6 D. 8



Câu 6

Số?

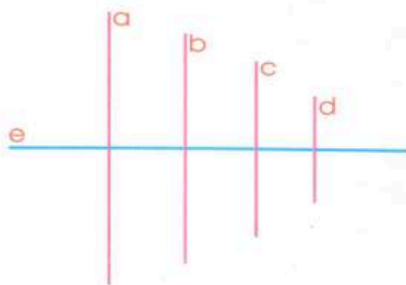
Hình bên có góc vuông.

A. 16

B. 10

C. 14

D. 12



Câu 7

Số?

Hình dưới có cạnh vuông góc với cạnh AD.



A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 8

Số?

Trong hình trên, có cạnh song song với cạnh AB.

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 9

Trong một hình chữ nhật, số cặp cạnh vuông góc và số cặp cạnh song song với nhau lần lượt là:

A. 1 và 2

B. 3 và 4

C. 1 và 3

D. 4 và 2

Câu 10

Trong một hình vuông, khi kéo dài các cạnh ta được số cặp đường thẳng song song với nhau là:

A. 1

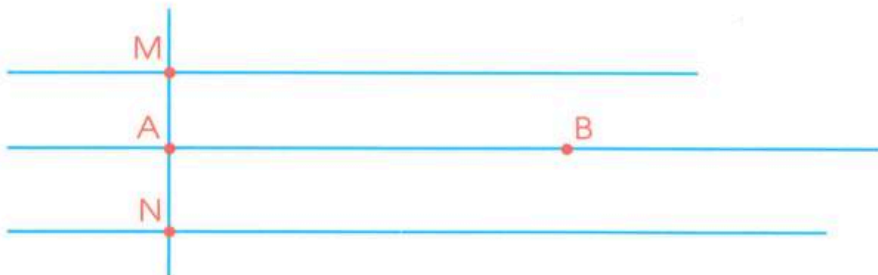
B. 2

C. 3

D. 4

Câu 11

Cho hình sau, biết đường thẳng MN vuông góc với 3 đường thẳng còn lại.



Em hãy vẽ đường thẳng đi qua điểm B và song song với đường thẳng MN.

Số góc vuông và số cặp đường thẳng song song của hình mới lần lượt là:

A. 12 và 4

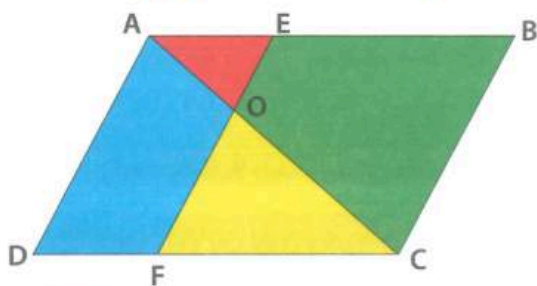
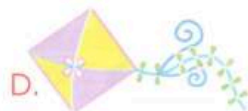
B. 24 và 4

C. 12 và 6

D. 24 và 6



Câu 1 Đồ vật nào dưới đây **không** có hai cặp cạnh song song?



Câu 2 Hình ABCD là hình:

- A. Hình vuông B. Hình chữ nhật
C. Hình bình hành D. Hình thoi

Câu 3 Hình trên có hai đoạn thẳng nào **không** song song với nhau?

- A. AD và BC B. AB và DC
C. AE và FC D. AD và FC

Câu 4 Hình trên có:

- A. 1 hình chữ nhật
B. 2 hình tam giác
C. 3 hình bình hành
D. 4 hình thoi



Câu 5 Chọn đáp án **đúng**:

- A. Đoạn thẳng AC vuông góc với đoạn thẳng EF.
B. Đoạn thẳng AD song song với đoạn thẳng DC.
C. Đoạn thẳng AD cắt đoạn thẳng BC.
D. Đoạn thẳng OE song song với đoạn thẳng AD.



Câu 6 Cho $AB = 8$ cm, độ dài cạnh CD là:

- A. 8 cm B. 4 cm
C. 6 cm D. 10 cm

Câu 7 Cho $AB = 8$ cm, $AD = 6$ cm. Vậy chu vi của hình tứ giác ABCD là:

- A. 26 cm B. 48 cm
C. 14 cm D. 28 cm

Câu 8 Đ, S?

A. Hình thoi là hình vuông.



B. Hình chữ nhật là hình bình hành.



C. Hình vuông vừa là hình bình hành, vừa là hình thoi.



D. Hình bình hành là hình chữ nhật.



E. Hình thoi là hình bình hành.



G. Hai đường chéo của hình thoi vuông góc với nhau.



Câu 9 Cho hình bình hành có độ dài 2 cạnh kề nhau lần lượt là 15 cm và 2 dm. Chu vi của hình tứ giác đã cho là:

A. 34 cm

B. 34 dm

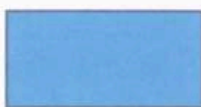
C. 35 cm

D. 70 cm

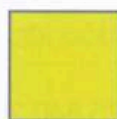
Câu 10 Quan sát hình vẽ và nối hai vế để tạo thành câu đúng.



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

Cả 4 hình trên đều là

Chỉ có hình 4 không phải là

Chỉ có hình 1 và hình 3 là

Chỉ có hình 2 và hình 3 là

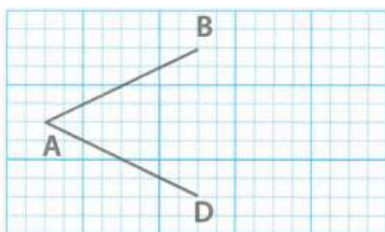
hình bình hành.

hình thoi.

hình tứ giác.

hình chữ nhật.

Câu 11 Xác định vị trí điểm C để được hình thoi ABCD.



Câu 12 Cho $AB = 18$ cm. Vậy chu vi của hình tứ giác ABCD vẽ được trong hình bên là:

A. 14 cm

B. 22 cm

C. 72 cm

D. 90 cm



Câu 1 Số **năm trăm ba mươi hai triệu** viết là:

- A. 500 320 000 B. 532 000 000 C. 503 200 000 D. 530 020 000

Câu 2 Số liền sau của **520 614 999** đọc là:

- A. Năm trăm hai mươi triệu sáu trăm mười lăm nghìn
B. Năm trăm hai mươi triệu sáu trăm mười bốn nghìn
C. Năm trăm hai mươi mốt triệu sáu trăm mười lăm nghìn
D. Năm trăm hai mươi triệu sáu trăm mười bốn nghìn chín trăm chín mươi tám



Câu 3 Số có chữ số **8** thuộc lớp triệu và thuộc lớp đơn vị là:

- A. 837 608 415 B. 675 840 281 C. 582 425 018 D. 808 612 355

Câu 4 Số gồm **6** trăm triệu, **2** chục triệu, **7** nghìn, **3** trăm và **5** đơn vị viết là:

- A. 620 007 305 B. 602 073 050 C. 600 273 005 D. 620 070 305

Câu 5 Giá trị của chữ số **4** trong số **730 548 296** là:

- A. 400 000 B. 40 000 C. 40 D. 4 000 000

Câu 6 Số lẻ nhỏ nhất có chín chữ số là:

- A. 100 000 101 B. 101 000 100 C. 100 000 001 D. 102 345 679

Câu 7 Số chẵn lớn nhất có tám chữ số **khác nhau** là:

- A. 98 762 534 B. 98 765 423 C. 98 758 624 D. 98 765 432

Câu 8 Giá trị của biểu thức **967 382 - (60 000 + 4 315) - 320 000** là:

- A. 591 699 B. 577 143 C. 569 301 D. 583 067

Câu 9 Biết tổng hai số là **5 019**, hiệu hai số là **17**. Vậy hai số đó là:

- A. 2 418 và 2 601 B. 2 002 và 3 017 C. 2 501 và 2 518 D. 3 004 và 2 015

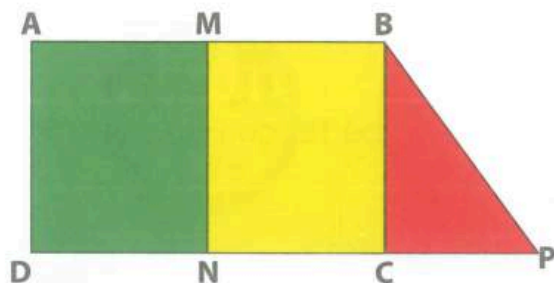
Câu 10 Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả **lớn nhất** là:

A. $79\ 685 + 8\ 023$

B. $89\ 030 - 3\ 214$

C. $53\ 638 + 28\ 291$

D. $87\ 836 - 9\ 427$



Câu 11 Trong hình chữ nhật AMND có bao nhiêu cặp cạnh song song với nhau?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 12 Trong tứ giác MBPN, đoạn thẳng MB và NC cùng vuông góc với những đoạn thẳng nào?

A. CP và BC

B. BP và NP

C. BC và MN

D. MN và CP

Câu 13 Hình trên có tất cả bao nhiêu hình bình hành?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4



Câu 14 Các số thích hợp điền vào ô trống lần lượt là:

$$1 \boxed{?} 3\ 267 + 26 \boxed{?} 803 = \boxed{?} 19\ 070$$

A. 6, 0, 2

B. 4, 4, 3

C. 7, 9, 1

D. 5, 5, 4

Câu 15 Các số thích hợp điền vào ô trống lần lượt là:

$$24 \boxed{?} 087 - \boxed{?} 7\ 058 = 218 \boxed{?} 29$$

A. 7, 4, 2

B. 5, 2, 0

C. 3, 1, 1

D. 6, 1, 4

Câu 16 Cho các số **92 010**, **736 804**, **812 329**, **186 305**. Tổng và hiệu của số lớn nhất với số nhỏ nhất trong các số trên lần lượt là:

A. 998 634 và 626 024

B. 904 339 và 720 319

C. 828 814 và 644 794

D. 923 109 và 550 499

Câu 17 Nếu viết thêm chữ số 6 vào trước một số có bảy chữ số thì được số mới lớn hơn số đã cho số đơn vị là:

A. 60 000 000

B. 6 000

C. 6 000 000

D. 600 000



Câu 18 Cho hai số có tổng là 2 323. Biết số lớn hơn số bé 181 đơn vị. Vậy hai số đó lần lượt là:

A. 1 071 và 1 252

B. 1 071 và 1 152

C. 1 152 và 1 071

D. 1 252 và 171

Câu 19 Cho dãy số chẵn có số bé nhất là 10 008 và số lớn nhất là 20 024. Vậy số số hạng của dãy số này là:

A. 10 016 số hạng

B. 5 008 số hạng

C. 10 018 số hạng

D. 5 009 số hạng



Câu 20 Một cửa hàng trong 2 tuần bán được 124 640 / xăng. Biết tuần thứ nhất bán được ít hơn tuần thứ hai 8 180 / xăng. Vậy tuần thứ hai cửa hàng bán được số lít xăng là:

A. 66 410 /

B. 58 230 /

C. 67 360 /

D. 62 410 /

Câu 21 Một trang trại, tháng Một bán được 42 500 quả trứng. Tháng Hai trang trại bán được ít hơn tháng Một 1 800 quả trứng. Tháng Ba bán được nhiều hơn tháng Hai 3 300 quả trứng. Vậy cả ba tháng, trang trại bán được số quả trứng là:

A. 125 200 quả

B. 127 200 quả

C. 121 900 quả

D. 127 900 quả



Câu 22 Có hai kho chứa tất cả 15 tấn 5 tạ gạo. Nếu chuyển 12 tạ gạo từ kho thứ hai sang kho thứ nhất thì lúc này kho thứ nhất nhiều hơn kho thứ hai 820 kg gạo. Vậy lúc đầu kho thứ nhất chứa số ki-lô-gam gạo là:

A. 6 960 kg

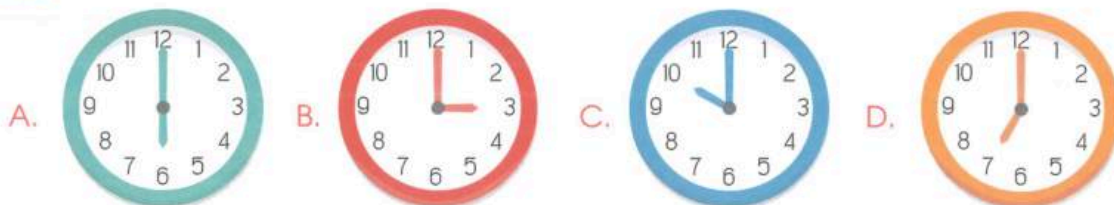
B. 7 340 kg

C. 8 160 kg

D. 8 540 kg



Câu 1 Đồng hồ nào dưới đây có kim giờ và kim phút tạo thành một góc bẹt?



Câu 2 Số tròn nghìn liền sau của giá trị biểu thức

$$25\ 600 + 1\ 800 + 1\ 200 + 2\ 200 \text{ là:}$$

- A. 29 000 B. 30 000 C. 31 000 D. 40 000

Câu 3 Trong số **87 432 901**, giá trị của chữ số **7** hơn giá trị của chữ số **4** số đơn vị là:

- A. 6 600 000 B. 7 000 000 C. 400 000 D. 5 600 000

Câu 4 Một hình thoi có chu vi là 1 200 cm. Vậy mỗi cạnh của hình thoi đó dài là:

- A. 3 m B. 300 dm C. 300 m D. 30 m

Câu 5 Giá trị của biểu thức **162 709 + 664 836 - 409 183** khi làm tròn đến hàng trăm nghìn là:

- A. 400 000 B. 420 000 C. 500 000 D. 300 000

Câu 6 Trong các biểu thức sau, biểu thức có giá trị **lớn nhất** là:

- A. $281\ 745 + 72\ 366 : 6$ B. $546\ 030 - 72\ 096 : 4$
C. $629\ 253 - 32\ 103 \times 3$ D. $461\ 846 + 24\ 105 \times 4$

Câu 7 Biết tổng hai số là 84 351, hiệu của hai số là 6 087. Vậy hai số đó là:

- A. 39 132 và 33 045 B. 51 306 và 45 219
C. 45 219 và 39 132 D. 39 132 và 45 209

Câu 8 Hiệu của số lẻ lớn nhất có tám chữ số khác nhau với số liền sau của số lớn nhất có bảy chữ số là:

A. 88 765 433

B. 98 765 431

C. 88 765 432

D. 88 765 431

Câu 9

Một khu đất hình chữ nhật có chu vi là 100 m. Biết chiều dài hơn chiều rộng 100 dm. Vậy chiều dài và chiều rộng của khu đất đó lần lượt là:



A. 55 m và 45 m

B. 30 m và 20 m

C. 40 m và 30 m

D. 35 m và 25 m

Câu 10

Diện tích khu đất thứ nhất là $40\,250\text{ m}^2$. Khu đất thứ hai có diện tích gấp 2 lần diện tích khu đất thứ nhất. Vậy tổng diện tích của cả hai khu đất là:

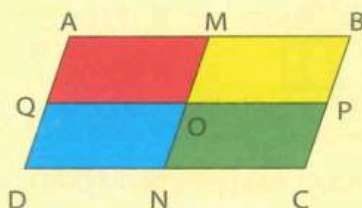
A. $161\,000\text{ m}^2$

B. $80\,500\text{ m}^2$

C. $120\,750\text{ m}^2$

D. $241\,500\text{ m}^2$

Cho hình bình hành ABCD, biết M là trung điểm của AB, $AM = AD = 8\text{ cm}$. N là trung điểm CD, P là trung điểm của BC và Q là trung điểm của AD.



Câu 11

Hình trên có:

A. 9 hình bình hành và 2 hình thoi

B. 2 hình bình hành và 9 hình thoi

C. 5 hình bình hành và 2 hình thoi

D. 7 hình bình hành và 2 hình thoi

Câu 12

Chu vi của hình tứ giác AMOQ là:

A. 22 cm

B. 18 cm

C. 24 cm

D. 20 cm

Câu 13

Chu vi của hình tứ giác ABPQ là:

A. 40 cm

B. 38 cm

C. 20 cm

D. 48 cm

Câu 14

Chu vi của hình tứ giác ABCD là:

A. 36 cm

B. 48 cm

C. 40 cm

D. 32 cm

Câu 15 Cho hai số có hiệu là 159. Biết nếu lấy số thứ nhất cộng với số thứ hai rồi cộng với tổng của chúng thì được 3 010. Vậy hai số đó là:

- A. 831 và 672 B. 673 và 514 C. 991 và 832 D. 832 và 703

Câu 16 Một trang trại bò sữa, tháng Một bán được 120 670 / sữa, ít hơn tháng Hai 20 410 / sữa và nhiều hơn tháng Ba 1 480 / sữa. Vậy cả ba tháng, trang trại bán được số lít sữa là:

- A. 370 940 / B. 380 840 /
C. 340 120 / D. 380 940 /



Câu 17 Một cửa hàng trong hai ngày bán được 2 471 m vải. Nếu ngày thứ nhất bán thêm 138 m vải và ngày thứ hai bán thêm 126 m vải thì ngày thứ nhất bán ít hơn ngày thứ hai 245 m vải. Vậy ngày thứ hai, cửa hàng đó bán được số mét vải là:

- A. 1 352 m B. 1 364 m
C. 1 490 m D. 1 107 m



Câu 18 Mẹ và Hoa có tổng cộng 155 000 đồng. Mẹ mua rau hết 35 000 đồng. Hoa mua sách hết 14 000 đồng và mua bút hết 12 000 đồng. Lúc này, số tiền của hai mẹ con bằng nhau. Vậy trước khi mua hàng, mẹ có số tiền là:

- A. 98 000 đồng B. 82 000 đồng
C. 73 000 đồng D. 108 000 đồng



Câu 19 Anh Việt mua một quả bóng rổ và một quả bóng chuyền. Anh đưa cho người bán 2 000 000 đồng và được trả lại 400 000 đồng. Biết giá của quả bóng rổ đắt hơn giá của quả bóng chuyền 800 000 đồng. Vậy giá tiền của quả bóng rổ là:

- A. 400 000 đồng B. 900 000 đồng
C. 1 200 000 đồng D. 1 300 000 đồng





Câu 1 Số liền sau của số **một trăm linh tám triệu sáu trăm bốn mươi tư nghìn không trăm linh ba** viết là:

- A. 100 644 003 B. 108 640 004 C. 108 644 004 D. 108 644 002

Câu 2 Số **185 009 612** có các chữ số thuộc lớp nghìn là:

- A. 0, 0, 9 B. 6, 1, 2 C. 1, 8, 5 D. 5, 9, 6

Câu 3 Trong số **68 370 912**, giá trị của chữ số **8** hơn giá trị của chữ số **3** số đơn vị là:

- A. 5 000 000 B. 7 700 000 C. 5 D. 77 000 000

Câu 4 Số?

$$62\,000 + 7\,000 + 8\,000 = 7\,000 + (\quad ? \quad) + 62\,000$$

- A. 5 000 B. 8 000 C. 7 000 D. 6 000

Câu 5 Các số thích hợp điền vào ô trống lần lượt là:

$$56\,384\text{ kg} = \quad ? \quad \text{tấn} \quad ? \quad \text{tạ} \quad ? \quad \text{yến} \quad ? \quad \text{kg}$$

- A. 5, 63, 8, 4 B. 50, 6, 30, 4 C. 5, 60, 3, 84 D. 56, 3, 8, 4

Câu 6 Các số thích hợp điền vào ô trống lần lượt là:

$$256\,000\text{ cm}^2 = \quad ? \quad \text{m}^2 \quad ? \quad \text{dm}^2$$

- A. 25, 6 B. 20, 56 C. 25, 60 D. 2, 56

Câu 7 Chọn đáp án **đúng**:

- A. $52\text{ tấn} + 27\text{ tấn} > 7\,900\text{ yến}$ B. $30\,260\text{ dm}^2 : 2 = 15\,130\,000\text{ mm}^2$
C. $8\text{ phút } 56\text{ giây} = 536\text{ giây}$ D. $32\text{ tạ} \times 4 < 10\,000\text{ kg}$

Câu 8 Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả **nhỏ nhất** là:

- A. $57\,930 + 8\,029$ B. $65\,324 + 12\,718$ C. $72\,308 - 43\,154$ D. $43\,984 - 5\,068$

Câu 9 Các số thích hợp điền vào ô trống lần lượt là:

$$2 \boxed{?} 4\,670 + 150\,2 \boxed{?} 0 = \boxed{?} 84\,930$$

- A. 2, 0, 6 B. 1, 8, 4 C. 0, 0, 3 D. 3, 6, 3

Câu 10 Các số thích hợp điền vào ô trống lần lượt là:

$$35 \boxed{?} 174 - \boxed{?} 6\,082 = 326 \boxed{?} 92$$

- A. 3, 2, 2 B. 2, 2, 0 C. 0, 2, 1 D. 0, 3, 1

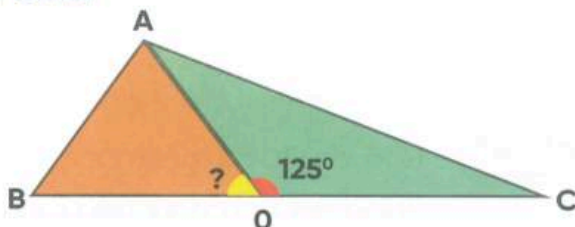
Câu 11 Các số được sắp xếp theo thứ tự từ **lớn đến bé** là:



- A. 21 620 000, 21 652 300, 23 108 000, 23 130 002
 B. 25 810 752, 25 802 763, 25 020 501, 25 003 500
 C. 15 220 000, 15 402 000, 15 600 000, 15 875 000
 D. 12 301 100, 12 380 999, 12 481 000, 12 630 001

Câu 12 Số đo của góc đỉnh O; cạnh OA, OB là:

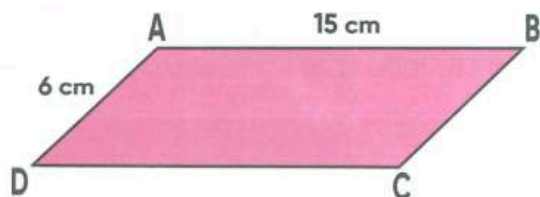
- A. 90° B. 65°
 C. 180° D. 55°



Câu 13 Một hình thoi có chu vi bằng chu vi của hình chữ nhật có chiều dài 26 cm và chiều rộng 2 dm. Vậy độ dài mỗi cạnh của hình thoi đó là:

- A. 14 cm B. 23 cm C. 24 cm D. 21 cm

Câu 14 Chu vi của hình bình hành ABCD là:



- A. 84 cm B. 21 cm
 C. 55 cm D. 42 cm

Câu 15 An gấp xong một con hạc giấy hết 2 phút 5 giây. Vậy để gấp xong 3 con hạc giấy, An cần số giây là:



A. 360 giây

B. 455 giây

C. 375 giây

D. 285 giây

Câu 16

Vườn rau nhà bà Hoa có dạng hình thoi, cạnh dài 12 m. Bà làm hàng rào xung quanh vườn và để cửa ra vào rộng 3 m. Vậy hàng rào đó dài là:



A. 45 m

B. 50 m

C. 51 m

D. 48 m

Câu 17

Bác Ba thuê hai xe ô tô chở 6 tấn gạo về kho. Xe thứ nhất chở được ít hơn xe thứ hai 1 tấn 2 tạ gạo. Vậy số gạo xe thứ nhất và xe thứ hai chở được lần lượt là:

A. 29 tạ và 31 tạ

B. 24 tạ và 36 tạ

C. 36 tạ và 24 tạ

D. 28 tạ và 32 tạ



Câu 18

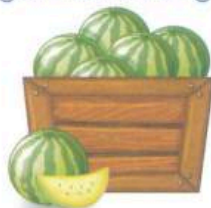
Vụ mùa trước, nhà cô Hà thu hoạch được 4 tấn 6 tạ dưa vàng. Vụ mùa này, nhà cô thu hoạch được nhiều hơn vụ mùa trước 550 kg dưa vàng. Vậy cả hai vụ mùa, nhà cô Hà thu hoạch được số ki-lô-gam dưa vàng là:

A. 8 650 kg

B. 9 750 kg

C. 9 342 kg

D. 10 260 kg



Câu 19

Nhà chú Tư có một mảnh đất hình chữ nhật, biết chiều dài bằng 18 m và chiều dài gấp đôi chiều rộng. Chú chia đều mảnh đất đó cho ba người con. Vậy diện tích đất mỗi người con của chú Tư nhận được là:

A. 50 m²

B. 48 m²

C. 45 m²

D. 54 m²

Câu 20

Gần nhà Huy có một cái hồ hình chữ nhật, biết chiều rộng kém chiều dài 600 m. Buổi chiều, hai bố con Huy thường chạy bộ một vòng quanh hồ. Bố Huy đo được một vòng quanh hồ là 3 km. Vậy chiều dài và chiều rộng của hồ đó lần lượt là:



A. 1 050 m và 450 m

B. 980 m và 520 m

C. 958 m và 542 m

D. 1 012 m và 488 m



Câu 1 Số?

$$212\ 101 \times 5 = \boxed{?} : 4$$

A. 1 060 505

B. 6 242 020

C. 1 242 020

D. 4 242 020

Câu 2 Điền dấu (>, <, =) thích hợp vào ô trống.

$$1\ 260\ 000 : 4 \quad \boxed{?} \quad 107\ 000 \times 3$$

A. >

B. <

C. =

Câu 3 Số?

$$6 \times 204\ 150 = \boxed{?} \times 204\ 150 \times 3$$

A. 5

B. 3

C. 2

D. 4

Câu 4 Chọn đáp án **sai**:

A. $150\ 256 : 2 = 75\ 128$

B. $241\ 207 \times 6 = 1\ 447\ 242$

C. $615\ 216 \times 3 = 1\ 835\ 648$

D. $1\ 005\ 232 : 4 = 251\ 308$

Câu 5 Giá trị của biểu thức $(403\ 163 + 109\ 145) \times 4$ được làm tròn đến hàng chục nghìn là:

A. 2 100 000

B. 2 050 000

C. 2 000 000

D. 2 040 000

Câu 6 Số tròn trăm nghìn liền trước của giá trị biểu thức $(6\ 791\ 940 - 1\ 929\ 180) : 3$ là:

A. 1 620 000

B. 1 700 000

C. 1 500 000

D. 1 600 000

Câu 7 Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả **lớn nhất** là:

A. $9\ 220\ 640 : 4$

B. $410\ 913 \times 6$

C. $6\ 648\ 243 : 3$

D. $805\ 161 \times 3$

Câu 8 Phép tính thích hợp điền vào ô trống là:

$$804\ 565 : 5 > \boxed{?} > 961\ 624 : 8$$

A. $824\ 960 : 8$

B. $61\ 508 \times 4$

C. $755\ 455 : 5$

D. $90\ 120 \times 2$

Câu 9 Kết quả các phép tính được sắp xếp theo thứ tự **tăng dần** là:

- A. $180\ 713 \times 5$, $160\ 616 \times 6$, $120\ 506 \times 8$, $108\ 060 \times 9$
- B. $120\ 506 \times 8$, $160\ 616 \times 6$, $108\ 060 \times 9$, $180\ 713 \times 5$
- C. $108\ 060 \times 9$, $120\ 506 \times 8$, $160\ 616 \times 6$, $180\ 713 \times 5$
- D. $180\ 713 \times 5$, $120\ 506 \times 8$, $160\ 616 \times 6$, $108\ 060 \times 9$

Kết quả
tăng dần



Câu 10 Kết quả các phép tính được sắp xếp theo thứ tự **giảm dần** là:

- A. $132\ 244 : 4$, $76\ 128 : 4$, $120\ 800 : 5$, $162\ 090 : 9$
- B. $132\ 244 : 4$, $120\ 800 : 5$, $162\ 090 : 9$, $76\ 128 : 4$
- C. $132\ 244 : 4$, $120\ 800 : 5$, $76\ 128 : 4$, $162\ 090 : 9$
- D. $162\ 090 : 9$, $76\ 128 : 4$, $120\ 800 : 5$, $132\ 244 : 4$

Kết quả
giảm dần



Câu 11 Biết tổng hai số là $84\ 300$, hiệu của hai số là $41\ 500$. Vậy hai số đó là:

- A. $62\ 450$ và $20\ 950$
- B. $62\ 900$ và $21\ 400$
- C. $104\ 400$ và $62\ 900$
- D. $62\ 400$ và $21\ 900$

Câu 12 Tích của hai số là $24\ 051$. Nếu gấp thừa số thứ nhất lên 4 lần và gấp thừa số thứ hai lên 2 lần thì được tích mới là:

- A. $216\ 459$
- B. $94\ 204$
- C. $144\ 306$
- D. $192\ 408$

Câu 13 Có hai đội xe chở bột mì, đội Một có 3 xe và đội Hai có 5 xe. Biết rằng, mỗi xe đều chở $10\ 505\text{ kg}$ bột mì. Vậy khối lượng bột mì cả hai đội xe chở được là:

- A. 80 tấn 40 tạ
- B. 84 tấn 4 yến
- C. 840 tấn 4 kg
- D. 8 tấn 404 tạ

Câu 14 Một cửa hàng nhập về 9 thùng nước mắm, biết mỗi thùng có 6 chai và mỗi chai chứa $1\ 500\text{ ml}$ nước mắm. Vậy cửa hàng đó đã nhập về số lít nước mắm là:

- A. 9 l
- B. 810 l
- C. 81 l
- D. 81 000 ml

Câu 15 Có hai thuyền chở hàng, thuyền thứ nhất chở được $120\ 250\text{ kg}$ hàng hóa. Thuyền thứ hai chở số hàng hóa nặng gấp đôi thuyền thứ nhất. Vậy khối lượng hàng hóa cả hai thuyền chở được là:

- A. $405\ 750\text{ kg}$
- B. $300\ 750\text{ kg}$
- C. $450\ 750\text{ kg}$
- D. $360\ 750\text{ kg}$

Câu 16

Tháng Một, cửa hàng bán được 94 452 / dầu. Tháng Hai bán được ít hơn tháng Một 23 826 / dầu. Số lít dầu của hàng bán được trong tháng Ba bằng tổng số lít dầu bán được trong tháng Một và tháng Hai giảm đi 2 lần. Vậy tháng Ba bán được số lít dầu là:



A. 58 138 /

B. 35 313 /

C. 59 139 /

D. 82 539 /

Câu 17

Tổng sản lượng chè năm ngoái và năm nay của một tỉnh là 670 000 tấn, trong đó sản lượng chè năm nay nhiều hơn năm ngoái 74 000 tấn. Vậy sản lượng chè năm nay của tỉnh đó là:



A. 372 000 tấn

B. 298 000 tấn

C. 446 000 tấn

D. 377 000 tấn

Câu 18

Người ta đóng 126 000 chiếc bánh trung thu vào các hộp, mỗi hộp 4 chiếc bánh. Sau đó, các hộp bánh được đóng vào các thùng, mỗi thùng có 5 hộp. Vậy số thùng bánh đóng được là:



A. 6 000 thùng

B. 6 300 thùng

C. 6 500 thùng

D. 6 100 thùng

Câu 19

Chị Mai vào siêu thị mua 2 bao gạo và 5 lốc sữa chua. Mỗi bao gạo có giá 250 000 đồng, mỗi lốc sữa chua có giá 24 000 đồng. Chị đưa cho người bán hàng 800 000 đồng. Vậy người bán hàng phải trả lại chị Mai số tiền là:



A. 100 000 đồng

B. 180 000 đồng

C. 200 000 đồng

D. 280 000 đồng

Câu 20

Chị Lan đi chợ mua 4 kg táo và 3 kg xoài. Chị Lan đưa cho người bán hàng 600 000 đồng. Người bán hàng trả lại chị Lan 150 000 đồng. Biết số tiền mua táo nhiều hơn số tiền mua xoài là 30 000 đồng. Vậy giá tiền mỗi ki-lô-gam táo chị Lan đã mua là:



A. 50 000 đồng

B. 80 000 đồng

C. 60 000 đồng

D. 40 000 đồng



Câu 1 Tích của **235** và **10 000** là:

- A. 23 500 B. 2 350 C. 2 350 000 D. 235 000

Câu 2 Thương của **550 000** và **1 000** là:

- A. 550 B. 5 500 C. 55 D. 55 000

Câu 3 Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả **nhỏ nhất** là:

- A. $15\,000\,000 : 10\,000$ B. $280\,000 : 100$
C. $7\,000\,000 : 100\,000$ D. $52\,000 : 10$

Câu 4 Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả **lớn nhất** là:

- A. $5\,390 \times 1\,000$ B. $424 \times 10\,000$
C. $3\,800 \times 100$ D. $84\,340 \times 10$

Câu 5 Số?

$$38\,600\,000 : \boxed{?} = 386$$

- A. 10 000 B. 1 000 000
C. 1 000 D. 100 000

Câu 6 Số?

$$\boxed{?} \times 2\,450 = 245\,000$$

- A. 1 000 B. 100
C. 10 D. 1

Câu 7 Số?

$$\boxed{?} : 100 = 48\,000$$

- A. 4 800 B. 480
C. 4 800 000 D. 48 000

Câu 8 Số?

$$4 \times 206\,000 = \boxed{?} \times 4$$

- A. 206 000 B. 116 000
C. 260 000 D. 362 000

Câu 9 Giá trị của biểu thức **$518 \times 5 \times 200$** là:

- A. 510 800 B. 508 010 C. 500 180 D. 518 000

Câu 10 Giá trị của biểu thức $505\ 000 \times 7 + 345\ 000 \times 7$ là:

- A. 6 320 000 B. 5 000 000 C. 5 950 000 D. 700 000

Câu 11 Biểu thức có giá trị bằng giá trị của biểu thức $(14\ 005 \times 3) \times 2$ là:

- A. $2 \times (14\ 005 + 3)$ B. $(14\ 005 \times 3) + (14\ 005 \times 2)$
C. $(14\ 005 + 2) \times 3$ D. $14\ 005 \times (3 \times 2)$

Câu 12 Biểu thức có giá trị bằng giá trị của biểu thức $618\ 000 \times 5 + 212\ 000 \times 5$ là:

- A. $(618\ 000 + 212\ 000) \times 5 + 5$ B. $618\ 000 \times (5 + 212\ 000 \times 5)$
C. $(618\ 000 + 212\ 000) \times 5$ D. $618\ 000 \times (5 + 212\ 000) \times 5$

Câu 13 Chọn đáp án **sai**:

- A. 15 tấn 29 kg = 15 029 kg B. $6\text{ m}^2 = 600\ 000\text{ cm}^2$
C. $6\text{ dm}^2\ 50\text{ mm}^2 = 60\ 050\text{ mm}^2$ D. 3 000 yến 6 tạ = 306 tạ

Câu 14 Anh Hải chạy 3 vòng quanh một sân vận động hình chữ nhật có chiều dài 380 m, chiều rộng 120 m. Vậy quãng đường anh Hải chạy được là:

- A. 1 500 m B. 2 km C. 750 m D. 3 km

Câu 15 Thư viện của một trường học có 9 giá sách. Mỗi giá sách có 5 ngăn, mỗi ngăn có 20 quyển sách. Vậy thư viện đó có tất cả số quyển sách là:

- A. 450 quyển B. 900 quyển C. 1 200 quyển D. 1 800 quyển

Câu 16 Khối lớp Bốn của một trường Tiểu học có 7 lớp. Biết mỗi lớp có 20 bộ bàn ghế, mỗi bộ bàn ghế có 2 học sinh ngồi học. Vậy khối lớp Bốn của trường Tiểu học đó có số học sinh là:

- A. 280 học sinh B. 260 học sinh C. 250 học sinh D. 290 học sinh

Câu 17 Một cửa hàng văn phòng phẩm có 120 hộp bút chì, mỗi hộp có 12 chiếc. Cửa hàng đã bán đi 20 hộp bút chì. Vậy cửa hàng còn lại số chiếc bút chì là:

- A. 1 000 chiếc B. 900 chiếc C. 1 200 chiếc D. 890 chiếc

Câu 18 Có 5 xe chở sữa phân phối cho các đại lí. Biết mỗi xe chở 20 thùng sữa, mỗi thùng có 48 hộp sữa. Vậy 5 xe đó chở được số hộp sữa là:



- A. 460 hộp B. 480 hộp C. 4 600 hộp D. 4 800 hộp

Câu 19 Mẹ Lan mua 5 quả dưa hấu, mỗi quả cân nặng 2 kg. Biết 1 kg dưa hấu có giá 35 000 đồng. Vậy mẹ Lan phải trả người bán hàng số tiền là:



- A. 320 000 đồng B. 350 000 đồng C. 300 000 đồng D. 250 000 đồng

Câu 20 Có hai đội xe chở gạch, mỗi xe chở 2 500 viên gạch. Biết đội thứ nhất có 6 xe, đội thứ hai có 4 xe. Vậy đội thứ nhất chở nhiều hơn đội thứ hai số viên gạch là:

- A. 3 000 viên B. 2 500 viên C. 1 250 viên D. 5 000 viên

Câu 21 Một khu đất hình chữ nhật có chiều rộng là 200 m, chiều dài gấp 5 lần chiều rộng. Người ta chia khu đất đó thành 1 000 lô đất có diện tích bằng nhau. Vậy diện tích của mỗi lô đất là:

- A. 75 m² B. 100 m² C. 200 m² D. 250 m²

Câu 22 Mẹ mua cho Hoa 4 chiếc áo, mỗi chiếc có giá 370 000 đồng và một đôi giày có giá 420 000 đồng. Mẹ đưa cho người bán hàng một số tờ tiền, mỗi tờ tiền đều có mệnh giá là 100 000 đồng. Vậy số tờ tiền mẹ Hoa đưa cho người bán hàng là:

- A. 20 tờ B. 10 tờ
C. 12 tờ D. 19 tờ



Câu 23 Một trường Tiểu học có 430 học sinh lớp Bốn. Khối lớp Năm nhiều hơn khối lớp Bốn 140 học sinh. Trong đợt phát động thu gom giấy vụn của trường, mỗi học sinh của khối lớp Bốn và khối lớp Năm thu gom được 4 kg giấy vụn. Vậy cả hai khối thu gom được tất cả số ki-lô-gam giấy vụn là:

- A. 4 000 kg B. 4 500 kg C. 3 500 kg D. 3 000 kg

Tuần 21

TÍNH CHẤT PHÂN PHỐI CỦA PHÉP NHÂN ĐỐI VỚI PHÉP CỘNG (TIẾT 2, 3)
NHÂN VỚI SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ



Quét mã QR xem đáp án và video bài giảng chi tiết

Câu 1 Giá trị biểu thức $634 \times 32 + 634 \times 68$ là:

- A. 6 340 000 B. 63 400 000 C. 634 000 D. 63 400

Câu 2 Số?

$$340\,000 = 34 \times (6\,000 + ?)$$

- A. 4 000 B. 4 500 C. 3 000 D. 3 500

Câu 3 Số?

$$2 \text{ ngày } 10 \text{ giờ} = ? \text{ phút}$$

- A. 3 480 B. 2 040 C. 2 880 D. 3 080

Câu 4 Số lẻ liền trước của kết quả phép tính 61×39 là:

- A. 2 377 B. 2 381 C. 2 379 D. 2 375

Câu 5 Kết quả của phép tính 360×62 được làm tròn đến hàng chục nghìn là:

- A. 22 000 B. 30 000 C. 20 000 D. 23 000

Câu 6 Số tròn trăm liền sau của kết quả phép tính 57×23 là:

- A. 1 500 B. 1 400 C. 1 300 D. 1 200

Câu 7 Phép tính có kết quả **lớn nhất** là:

- A. 228×32 B. 206×35 C. 315×12 D. 182×24

Câu 8 Biểu thức có giá trị bằng giá trị của biểu thức $27 \times 36 + 64 \times 27$ là:

- A. $(36 + 64) \times 27 + 27$ B. $27 \times (36 + 64)$
C. $27 \times (36 + 64) \times 27$ D. $(27 \times 36 + 64) \times 27$

Câu 9 Điền dấu (>, <, =) thích hợp vào ô trống.

$$32 \times 33 + 32 \times 17 \quad ? \quad 45 \times 14 + 45 \times 16$$

- A. > B. < C. =



Câu 10 Cách tính thuận tiện nhất để tính giá trị biểu thức $75 \times 68 + 32 \times 75$ là:

$$\begin{aligned} \text{A. } & 75 \times 68 + 32 \times 75 \\ & = (75 \times 68) + (32 \times 75) \\ & = 5\,100 + 2\,400 \\ & = 7\,500 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{B. } & 75 \times 68 + 32 \times 75 \\ & = 75 \times (68 + 32) \\ & = 75 \times 100 \\ & = 7\,500 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{C. } & 75 \times 68 + 32 \times 75 \\ & = (75 \times 68) + 32 \times 75 \\ & = 5\,100 + 32 \times 75 \\ & = 5\,100 + 2\,400 \\ & = 7\,500 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{D. } & 75 \times 68 + 32 \times 75 \\ & = 75 \times 68 + (32 \times 75) \\ & = 75 \times 68 + 2\,400 \\ & = 5\,100 + 2\,400 \\ & = 7\,500 \end{aligned}$$



Câu 11 Một thửa ruộng hình vuông có cạnh bằng 63 m. Chu vi và diện tích của thửa ruộng đó lần lượt là:



A. 252 m và 3 969 m²

B. 3 969 m và 252 m²

C. 252 m và 3 869 m²

D. 252 m và 3 959 m²

Câu 12 Một mặt bàn hình chữ nhật có chiều rộng là 76 cm, chiều dài hơn chiều rộng 24 cm. Vậy diện tích của mặt bàn đó là:

A. 7 600 cm²

B. 6 912 cm²

C. 76 000 cm²

D. 10 520 cm²



Câu 13 Tích của hai số là số chẵn lớn nhất có hai chữ số. Nếu thừa số thứ nhất gấp lên 4 lần và thừa số thứ hai gấp lên 13 lần thì tích mới là:

A. 1 683

B. 5 148

C. 1 666

D. 5 096

Câu 14 Một cửa hàng có 30 bao gạo cân nặng như nhau. Sau khi bán đi 21 bao gạo thì cửa hàng còn lại 270 kg gạo. Vậy khối lượng gạo lúc đầu của cửa hàng là:



A. 90 kg

B. 9 tấn

C. 9 tạ

D. 900 yến

Câu 15 Cô Hồng đóng số bột nghệ thu hoạch được vào 25 lọ nhỏ và 20 lọ to. Mỗi lọ nhỏ đựng 400 g bột nghệ, mỗi lọ to đựng 1 000 g bột nghệ. Vậy cô Hồng thu hoạch được tất cả số ki-lô-gam bột nghệ là:

- A. 30 kg B. 31 kg C. 32 kg D. 33 kg

Câu 16 Tim của một người bình thường mỗi phút đập khoảng 80 lần. Hỏi trong 1 giờ tim của người đó đập khoảng bao nhiêu lần?

- A. 48 000 lần B. 52 800 lần C. 4 800 lần D. 5 280 lần

Câu 17 Một trang trại nuôi gia cầm có 10 chuồng gà, mỗi chuồng có 105 con gà và 25 chuồng ngan, mỗi chuồng có 75 con ngan. Vậy trang trại đó có tất cả số gia cầm là:



- A. 2 925 con B. 3 025 con C. 3 925 con D. 2 825 con

Câu 18 Mẹ đi chợ mua 30 kg gạo nếp, mỗi ki-lô-gam gạo nếp có giá 32 000 đồng. Mẹ đưa cho người bán hàng 20 tờ tiền mệnh giá 50 000 đồng. Vậy người bán hàng phải trả lại cho mẹ số tiền là:

- A. 30 000 đồng B. 20 000 đồng
C. 40 000 đồng D. 10 000 đồng

Câu 19 Một sân vận động hình chữ nhật có chu vi là 460 m, chiều dài hơn chiều rộng 50 m. Vậy diện tích của sân vận động đó là:



- A. 11 200 m² B. 12 600 m²
C. 15 400 m² D. 9 600 m²

Câu 20 Bác Quyết có một mảnh đất hình chữ nhật dài 120 m, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Năm nay, bác trồng khoai tây trên mảnh đất đó. Cứ 1 m² đất bác thu hoạch được 5 kg khoai tây. Vậy năm nay, trên mảnh đất đó bác Quyết thu hoạch được số tấn khoai tây là:

- A. 12 tấn B. 24 tấn
C. 36 tấn D. 48 tấn





Câu 1 Phép chia có số dư bằng 6 là:

- A. $985 : 25$ B. $870 : 24$ C. $735 : 16$ D. $675 : 13$

Câu 2 Phép chia có thương lớn hơn 28 là:

- A. $775 : 31$ B. $316 : 15$ C. $603 : 18$ D. $403 : 16$

Câu 3 Biết số bị chia là 860, thương là 20. Vậy số chia là:

- A. 42 B. 44 C. 40 D. 43

Câu 4 Trong một phép chia có số chia là 15, thương là 31 và số dư là 5. Vậy số bị chia là:

- A. 465 B. 475 C. 460 D. 470

Câu 5 Giá trị của biểu thức $15\ 806 + 9\ 844 : 23$ là:

- A. 16 234 B. 17 000 C. 12 825 D. 15 745

Câu 6 Số trung bình cộng của **222, 322, 440** và **512** là:

- A. 357 B. 374 C. 347 D. 375

Câu 7 Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả **nhỏ nhất** là:

- A. 12×16 B. $3\ 675 : 15$ C. 15×22 D. $5\ 896 : 22$

Câu 8 Hai số có trung bình cộng bằng 5 628. Biết số thứ nhất là 2 345, số thứ hai là:

- A. 3 333 B. 9 101 C. 8 911 D. 9 110

Câu 9 Cho năm số chẵn liên tiếp có ba chữ số, biết trung bình cộng của năm số đó là 124. Vậy các số cần tìm lần lượt là:

- A. 122, 124, 126, 128 và 130 B. 110, 112, 114, 116 và 118
C. 120, 122, 124, 126 và 128 D. 132, 134, 136, 138 và 140

Câu 10 Lớp 4A có 25 học sinh, lớp 4B có 29 học sinh, lớp 4C có 33 học sinh. Vậy trung bình mỗi lớp có số học sinh là:

A. 30 học sinh

B. 31 học sinh

C. 29 học sinh

D. 28 học sinh

Câu 11 Bác sĩ đưa cho mẹ Lan một hộp thuốc có 56 viên, vừa đủ cho mẹ uống trong 2 tuần. Mỗi ngày mẹ đều uống số viên thuốc như nhau. Vậy mỗi ngày mẹ Lan phải uống số viên thuốc là:

A. 2 viên

B. 5 viên

C. 3 viên

D. 4 viên

Câu 12 Một tấm gỗ hình chữ nhật có chiều rộng là 45 cm và có diện tích bằng diện tích của tấm gỗ hình vuông cạnh 60 cm. Vậy chu vi của tấm gỗ hình chữ nhật là:

A. 125 cm

B. 250 cm

C. 150 cm

D. 240 cm

Câu 13 An cao 135 cm và thấp hơn Sơn 6 cm. Hà cao 140 cm và cao hơn Vy 4 cm. Vậy chiều cao trung bình của mỗi bạn là:

A. 140 cm

B. 130 cm

C. 138 cm

D. 145 cm

Câu 14 Có ba xe chở thóc. Xe thứ nhất chở 1 tấn 6 tạ thóc. Xe thứ hai chở nhiều hơn xe thứ nhất 15 yến thóc và chở ít hơn xe thứ ba 180 kg thóc. Vậy trung bình mỗi xe chở được số ki-lô-gam thóc là:

A. 1 640 kg

B. 1 760 kg

C. 1 810 kg

D. 1 550 kg

Câu 15 Trong tháng 3 và tháng 4, một trang trại bán được 1 800 con gà. Số gà bán được trong tháng 4 nhiều hơn trong tháng 3 là 720 con. Vậy trong tháng 4, trung bình mỗi ngày trang trại bán được số con gà là:

A. 42 con

B. 40 con

C. 38 con

D. 34 con

Câu 16 Bác Liên nuôi 50 con gà, bác Mai nuôi 25 con gà. Bác Hoa có số gà lớn hơn trung bình cộng của ba bác là 13 con gà. Vậy bác Hoa nuôi số con gà là:

A. 55 con

B. 31 con

C. 45 con

D. 57 con

Câu 17 Trung bình số tuổi của mẹ, Mai và Lan là 22 tuổi. Số tuổi của mẹ nhiều hơn tổng số tuổi của Mai và Lan là 20 tuổi. Biết Lan kém Mai 5 tuổi. Vậy số tuổi của mẹ, Mai và Lan lần lượt là:

A. 43 tuổi, 14 tuổi và 9 tuổi

B. 45 tuổi, 11 tuổi và 10 tuổi

C. 40 tuổi, 15 tuổi và 11 tuổi

D. 42 tuổi, 15 tuổi và 9 tuổi



Câu 1 116 là số trung bình cộng của:

- A. 165, 154 và 131
B. 98, 111 và 112
C. 124 và 128
D. 85, 106, 132 và 141



Câu 2 Số trung bình cộng của 37 075, 29 618 và 27 213 là:

- A. 53 203
B. 31 302
C. 52 953
D. 33 102

Câu 3 Giá trị của biểu thức $(114\,450 : 42) \times 1\,000$ được làm tròn đến hàng trăm nghìn là:

- A. 2 700 000
B. 2 730 000
C. 2 725 000
D. 2 800 000

Câu 4 Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả **nhỏ nhất** là:

- A. $240\,000 : 20$
B. 225×23
C. 400×50
D. $369\,765 : 33$

Câu 5 Giá trị biểu thức $20\,715 \times 18 - 8 \times 20\,715$ bằng với kết quả của phép tính nào dưới đây?

- A. $20\,715\,000 : 1\,000$
B. $2\,071\,500 : 100$
C. $20\,715 \times 100$
D. $207\,150\,000 : 1\,000$

Câu 6 Cho biểu thức $606 \times m : 2$ với $m = 22$. Giá trị của biểu thức đã cho bằng với kết quả của phép tính nào dưới đây?

- A. $66\,600 : 10$
B. 104×64
C. 101×66
D. $6\,000\,000 : 1\,000$

Câu 7 Số trung bình cộng của 143, 137, 154 và 146 bằng số trung bình cộng của các số nào sau đây?

- A. 108, 183 và 144
B. 160, 121, 141 và 162
C. 168 và 22
D. 138, 148 và 140

Câu 8 Biết trung bình cộng của bốn số là số tròn chục lớn nhất có hai chữ số. Vậy tổng của bốn số đó là:

A. 360

B. 324

C. 396

D. 380

Câu 9 Cho năm số lẻ liên tiếp, biết trung bình cộng của chúng bằng 63. Vậy năm số lẻ liên tiếp đó lần lượt là:

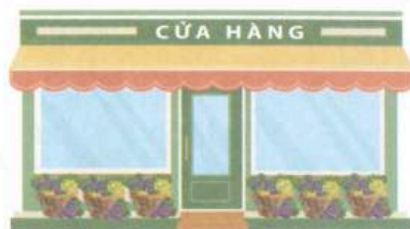
A. 63, 65, 67, 69 và 71

B. 59, 61, 63, 65 và 67

C. 61, 63, 65, 67 và 69

D. 57, 59, 61, 63 và 65

Câu 10 Một cửa hàng có 420 kg nho được chia đều vào 15 thùng. Biết cửa hàng đã bán được 12 thùng nho. Vậy cửa hàng đó còn lại số ki-lô-gam nho là:



A. 94 kg

B. 393 kg

C. 84 kg

D. 252 kg

Câu 11 Có 24 xe tải chở 1 320 bao bột gạo đến một kho hàng, sau đó lại có thêm 5 xe tải nữa chở bột gạo vào kho. Biết các xe tải có sức chở như nhau. Vậy có tất cả số bao bột gạo được chở đến kho là:

A. 1 595 bao

B. 275 bao

C. 1 495 bao

D. 605 bao

Câu 12 Xe thứ nhất chở 25 bao xi măng, xe thứ hai chở 32 bao xi măng (các bao xi măng nặng như nhau). Biết xe thứ nhất chở ít hơn xe thứ hai 350 kg xi măng. Vậy mỗi xe chở được số ki-lô-gam xi măng là:

A. Xe thứ nhất chở 1 200 kg, xe thứ hai chở 1 600 kg

B. Xe thứ nhất chở 1 000 kg, xe thứ hai chở 1 750 kg

C. Xe thứ nhất chở 1 250 kg, xe thứ hai chở 1 600 kg

D. Xe thứ nhất chở 1 150 kg, xe thứ hai chở 1 750 kg



Câu 13 Mai cao 162 cm, Hoa cao 153 cm. Ngọc cao hơn Hoa 7 cm, chiều cao của Lan bằng trung bình chiều cao của Mai và Ngọc. Vậy chiều cao trung bình của mỗi bạn là:

A. 167 cm

B. 160 cm

C. 164 cm

D. 159 cm



Câu 14 Để lát kín sàn nhà có diện tích 15 m^2 , đội thợ đã sử dụng 180 miếng gỗ cùng loại. Vậy để lát kín một sàn nhà có chiều dài 7 m và chiều rộng 4 m, đội thợ phải sử dụng số miếng gỗ như vậy là:

- A. 624 miếng B. 336 miếng
C. 316 miếng D. 132 miếng

Câu 15 Ba bạn Tuấn, Nam, Minh đi câu cá. Tuấn câu được 13 con cá, Nam câu được 15 con cá và số cá Minh câu được bằng trung bình số cá của cả ba bạn. Vậy Minh câu được số con cá là:



- A. 14 con B. 16 con C. 12 con D. 11 con

Câu 16 Đầu năm nhà trường kiểm tra sức khỏe của học sinh. Biết Hà nặng 36 kg, Nam nặng 34 kg. Số cân nặng của Cường nhẹ hơn cân nặng trung bình của ba bạn là 4 kg. Vậy Cường nặng số ki-lô-gam là:

- A. 33 kg B. 31 kg C. 30 kg D. 29 kg

Câu 17 Một tổ công nhân mỗi ngày sản xuất được 645 chiếc áo. Nếu tổ công nhân đó có thêm 5 người thì mỗi ngày tổ sẽ sản xuất được 860 chiếc áo. Biết năng suất mỗi công nhân là như nhau. Vậy lúc đầu, tổ đó có số công nhân là:



- A. 20 công nhân B. 25 công nhân C. 15 công nhân D. 10 công nhân

Câu 18 Nhà Mai nuôi 38 con dê, nhà Quân nuôi 43 con dê. Số dê nhà Hà nuôi ít hơn trung bình số dê của cả ba nhà là 5 con. Vậy nhà Hà nuôi số con dê là:

- A. 33 con B. 38 con C. 40 con D. 43 con

Câu 19 Một cửa hàng, ngày thứ nhất bán được 455 / xăng, ngày thứ hai bán được 405 / xăng. Biết số lít xăng ngày thứ ba bán được nhiều hơn trung bình số lít xăng bán được của cả ba ngày là 40 / xăng. Vậy ngày thứ ba cửa hàng bán được số lít xăng là:

- A. 400 / B. 450 / C. 490 / D. 410 /



Biểu đồ dưới đây cho biết số khách đến tham quan khu du lịch Suối Tiên trong 6 tháng đầu năm.

Số khách đến tham quan khu du lịch Suối Tiên



Câu 1 Dãy số nào dưới đây là dãy số liệu thống kê số khách đến tham quan khu du lịch Suối Tiên theo thứ tự biểu diễn từ trái sang phải trong biểu đồ trên?

- A. 338 000, 403 000, 365 000, 348 000, 330 000, 420 000
- B. 403 000, 348 000, 365 000, 330 000, 420 000, 338 000
- C. 348 000, 365 000, 403 000, 420 000, 338 000, 330 000
- D. 365 000, 330 000, 420 000, 403 000, 348 000, 338 000



Câu 2 Tháng mấy khu du lịch Suối Tiên đón nhiều khách nhất?

- A. Tháng 1
- B. Tháng 6
- C. Tháng 5
- D. Tháng 3

Câu 3 Trong tháng 1, trung bình mỗi ngày khu du lịch Suối Tiên đón bao nhiêu khách đến tham quan?

- A. 12 500 khách
- B. 14 100 khách
- C. 15 000 khách
- D. 13 000 khách

Câu 4 Năm nay là năm nhuận. Vậy trong tháng 2, trung bình mỗi ngày khu du lịch Suối Tiên đón số khách đến tham quan là:

- A. 15 500 khách
- B. 12 000 khách
- C. 13 000 khách
- D. 14 000 khách

Câu 5 Trung bình mỗi ngày trong tháng 4 khu du lịch Suối Tiên đón ít hơn trung bình mỗi ngày trong tháng 2 số khách tham quan là:

- A. 4 000 khách
- B. 2 000 khách
- C. 1 000 khách
- D. 3 000 khách

Câu 6 Số?

 $\boxed{?} \times 32 = 57\,728$ 

A. 1 924

B. 1 804

C. 1 736

D. 1 654

Câu 7 Số?

 $\boxed{?} : 14 = 432$ 

A. 6 048

B. 3 021

C. 4 150

D. 5 992

Câu 8 Giá trị của biểu thức $(33\,318 + 33\,306) : 32$ bằng giá trị của biểu thức nào dưới đây?

A. $1\,250 : 25 + 1\,107$

B. $109 \times 12 + 774$

C. $110 \times 24 - 310$

D. $650 : 25 + 2\,100$

Câu 9 Số thích hợp điền vào ô trống là:

Trung bình cộng của **8 034**, **2 502** và $\boxed{?}$ là **7 812**.

A. 13 350

B. 12 900

C. 10 200

D. 19 200

Bảng dưới đây cho biết số học sinh các khối lớp của trường Tiểu học A.

Khối lớp	Một	Hai	Ba	Bốn	Năm
Số học sinh	232	217	200	228	213

Số học sinh của trường Tiểu học A



Câu 10 Các số thích hợp điền vào dấu "?" lần lượt là:

A. 232, 217

B. 213, 228

C. 217, 213

D. 200, 228

Câu 11 Số?

Khối lớp Bốn có ít hơn khối lớp Một học sinh.

A. 4

B. 34

C. 14

D. 24

Câu 12 Số?

Trường Tiểu học A có học sinh.

A. 1 090

B. 1 030

C. 1 190

D. 1 060

Câu 13 Trung bình số học sinh của khối lớp có nhiều học sinh nhất và khối lớp có ít học sinh nhất là:

A. 238 học sinh

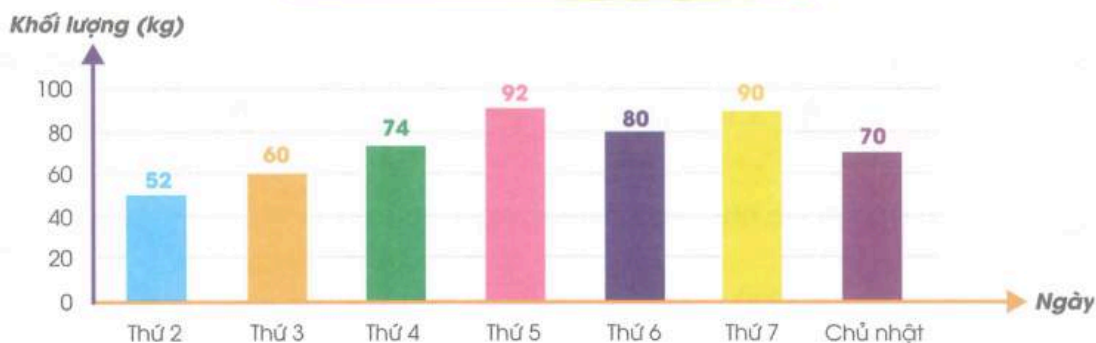
B. 206 học sinh

C. 212 học sinh

D. 216 học sinh

Biểu đồ dưới đây cho biết khối lượng thóc bán được của một cửa hàng trong tuần đầu tiên của tháng 11.

Khối lượng thóc bán được



Câu 14 Dãy số liệu chỉ khối lượng thóc bán được trong các ngày theo thứ tự từ **nhiều nhất đến ít nhất** là:

A. 60, 74, 52, 70, 90, 80, 92

B. 80, 92, 90, 74, 70, 52, 60

C. 92, 90, 80, 74, 70, 60, 52

D. 52, 60, 70, 74, 80, 90, 92

Câu 15 Số?

Trong 2 ngày đầu tuần, cửa hàng bán được kg thóc.

A. 100

B. 122

C. 112

D. 134

Câu 16 Số?

Trong tuần đầu tiên của tháng 11, trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được kg thóc.

A. 74

B. 80

C. 75

D. 84



Bảng dưới đây cho biết số quả bán được trong bốn ngày của một cửa hàng trái cây.

Số quả bán được trong bốn ngày của một cửa hàng trái cây				
	Ngày thứ nhất	Ngày thứ hai	Ngày thứ ba	Ngày thứ tư
		 	  	 
		 		  
		  		 
	 		 	  

Cho biết:

1  = 20 quả cam, 1  = 15 quả bưởi, 1  = 25 quả ổi, 1  = 10 quả xoài

Câu 1 Số quả bán được nhiều nhất trong ngày thứ tư là:

- A. Quả cam B. Quả bưởi C. Quả ổi D. Quả xoài

Câu 2 Tổng số quả bán được trong ngày thứ hai là:

- A. 155 quả B. 145 quả
C. 80 quả D. 165 quả

Câu 3 Số quả bưởi bán được trong bốn ngày là:

- A. 90 quả B. 105 quả
C. 160 quả D. 175 quả

Câu 4 Đ, S ?

- A. Số quả bưởi ngày thứ tư bán được ít hơn ngày thứ nhất là 30 quả.
B. Trong bốn ngày, trung bình mỗi ngày bán được 20 quả xoài.
C. Số quả cam ngày thứ ba bán được nhiều hơn ngày thứ nhất là 40 quả.
D. Số quả ổi ngày thứ ba bán được ít hơn ngày thứ hai là 30 quả.



Câu 5 Trong bốn ngày, trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được số quả cam là:

- A. 20 quả B. 40 quả C. 80 quả D. 30 quả

Trong túi có 3 chiếc kẹo vị nho, 2 chiếc kẹo vị ổi và 5 chiếc kẹo vị cam. Mai thực hiện 8 lần liên tiếp, mỗi lần lấy ra ngẫu nhiên 1 chiếc kẹo để ăn. Kết quả các lần lấy như sau:

Lần lấy	1	2	3	4	5	6	7	8
Loại kẹo	Nho	Ổi	Cam	Ổi	Nho	Cam	Nho	Cam

Câu 6 Số lần Mai lấy được kẹo vị cam là:

- A. 5 lần B. 3 lần C. 4 lần D. 2 lần

Câu 7 Nếu Mai lấy kẹo ra ở lần thứ 9 thì loại kẹo Mai chắc chắn lấy được là:

- A. Ổi B. Nho C. Cam

Câu 8 $\frac{Đ}{S}$?

- A. Mẫu số của phân số có thể bằng 0. 
- B. Khi viết phân số, tử số của một phân số được viết ở trên gạch ngang. 
- C. Khi viết phân số, mẫu số của một phân số có thể viết trên hoặc dưới gạch

ngang. 

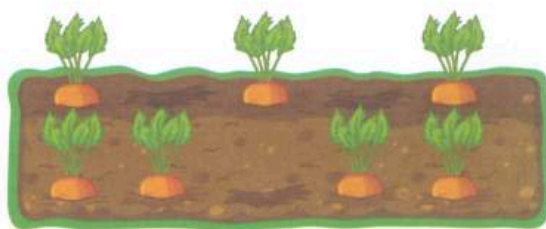
- D. Phân số có tử số là 9 và mẫu số là 7 được viết là $\frac{7}{9}$. 

Câu 9 Viết phân số thích hợp vào ô trống.

Phân số chỉ:

Số phần cà rốt đã thu hoạch là:

Số phần cà rốt còn lại là:



- Câu 10**
- Phân số có tử số là 3 và mẫu số là 4 được viết là ?
 - Phân số có mẫu số là 5 và tử số là 2 được viết là ?
 - Phân số **tám phần mười ba** được viết là ?
 - Phân số **hai mươi lăm phần một trăm** được viết là ?

Các phân số thích hợp điền vào ô trống lần lượt là:

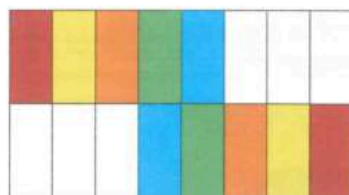
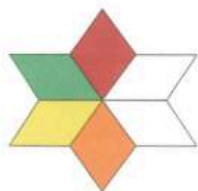
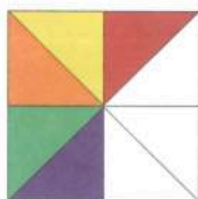
A. $\frac{4}{3}; \frac{2}{5}; \frac{8}{13}; \frac{25}{100}$

B. $\frac{3}{4}; \frac{5}{2}; \frac{8}{13}; \frac{25}{100}$

C. $\frac{3}{4}; \frac{2}{5}; \frac{8}{13}; \frac{25}{100}$

D. $\frac{3}{4}; \frac{2}{5}; \frac{8}{10}; \frac{20}{100}$

- Câu 11** Nối phân số với hình thích hợp.



A. $\frac{10}{16}$

B. $\frac{5}{8}$

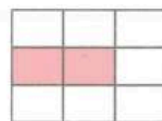
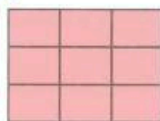
C. $\frac{8}{12}$

D. $\frac{4}{6}$

- Câu 12** Phân số $\frac{11}{15}$ chỉ phần đã tô màu ở hình A và phân số $\frac{11}{18}$ chỉ phần đã tô màu ở hình B. Đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai



Hình A

Hình B

- Câu 13** Cho phân số có tử số là số lớn nhất có hai chữ số. Mẫu số là số lẻ nhỏ nhất có hai chữ số. Vậy phân số đó là:

A. $\frac{99}{11}$

B. $\frac{10}{99}$

C. $\frac{99}{10}$

D. $\frac{11}{99}$

- Câu 14** Có bao nhiêu phân số khác 0 mà tử số lớn hơn mẫu số và tổng của tử số và mẫu số của mỗi phân số đều bằng 10?

A. 3 phân số

B. 10 phân số

C. 4 phân số

D. 5 phân số





Câu 1 Phân số $\frac{8}{5}$ đọc là:

- A. Tám phần lăm B. Năm phần tám C. Tám phần năm D. Tám và năm

Câu 2 Số?

$$\frac{7}{15} = \frac{7 \times ?}{15 \times ?} = \frac{63}{135}$$

- A. 5 B. 7 C. 8 D. 9

Câu 3 Số?

$$\frac{36}{54} = \frac{36 : ?}{54 : ?} = \frac{6}{9}$$

- A. 9 B. 6 C. 2 D. 3

Câu 4 Số 4 có thể viết thành phân số là:

- A. $\frac{16}{4}$ B. $\frac{14}{6}$ C. $\frac{4}{4}$ D. $\frac{20}{14}$

Câu 5 Trong các phân số sau, phân số **chưa** tối giản là:

- A. $\frac{1}{4}$ B. $\frac{15}{37}$ C. $\frac{12}{18}$ D. $\frac{28}{45}$

Câu 6 Rút gọn phân số $\frac{24}{72}$ ta được phân số tối giản là:

- A. $\frac{1}{3}$ B. $\frac{4}{6}$ C. $\frac{9}{7}$ D. $\frac{3}{4}$

Câu 7 Phân số $\frac{36}{48}$ bằng phân số nào dưới đây?

- A. $\frac{3}{4}$ B. $\frac{15}{20}$
C. $\frac{16}{48}$ D. Cả A và B đều đúng

Câu 8 Trên đĩa còn lại số phần chiếc bánh là:

- A. $\frac{2}{3}$ chiếc bánh B. $\frac{1}{5}$ chiếc bánh
C. $\frac{2}{6}$ chiếc bánh D. $\frac{1}{2}$ chiếc bánh



Câu 9 Phân số có mẫu số là **6**, tử số là số liền sau của **4** viết là:

A. $\frac{6}{5}$

B. $\frac{6}{4}$

C. $\frac{3}{6}$

D. $\frac{5}{6}$

Câu 10 Các số thích hợp điền vào ô trống lần lượt là:

$\frac{80}{32} = \frac{?}{8} = \frac{5}{?}$

A. 8 và 1

B. 20 và 2

C. 4 và 16

D. 10 và 4

Câu 11 Các số thích hợp điền vào ô trống lần lượt là:

$\frac{6}{7} = \frac{?}{21} = \frac{72}{?} = \frac{?}{420}$

A. 12, 63 và 216

B. 24, 105 và 432

C. 18, 84 và 360

D. 30, 126 và 504

Câu 12 Phân số $\frac{3}{5}$ được viết thành các phân số có mẫu số **15, 20, 25, 35** lần lượt là:

A. $\frac{7}{15}; \frac{15}{20}; \frac{25}{25}; \frac{48}{35}$

B. $\frac{4}{15}; \frac{6}{20}; \frac{9}{25}; \frac{12}{35}$

C. $\frac{18}{15}; \frac{20}{21}; \frac{24}{25}; \frac{27}{35}$

D. $\frac{9}{15}; \frac{12}{20}; \frac{15}{25}; \frac{21}{35}$

Câu 13 Số **35** được viết dưới dạng phân số có các mẫu số **3, 5, 7, 9** lần lượt là:

A. $\frac{70}{3}; \frac{105}{5}; \frac{210}{7}; \frac{245}{9}$

B. $\frac{105}{3}; \frac{175}{5}; \frac{245}{7}; \frac{315}{9}$

C. $\frac{140}{3}; \frac{175}{5}; \frac{210}{7}; \frac{245}{9}$

D. $\frac{70}{3}; \frac{140}{5}; \frac{280}{7}; \frac{315}{9}$

Câu 14 Các phân số bằng $\frac{1}{2}$ có tử số và mẫu số bé hơn **20** là:

A. $\frac{1}{2}; \frac{2}{4}; \frac{3}{6}$

B. $\frac{7}{14}; \frac{8}{16}; \frac{9}{18}$

C. $\frac{4}{8}; \frac{5}{10}; \frac{6}{12}$

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 15 Cô Tám chia đều 21 kg gạo vào 5 túi. Vậy mỗi túi có số ki-lô-gam gạo là:

A. $\frac{5}{21}$ kg

B. $\frac{21}{5}$ kg

C. $\frac{5}{2}$ kg

D. $\frac{2}{5}$ kg

Câu 16 Có 2 hộp chè cân nặng như nhau. Vậy mỗi hộp chè có cân nặng là:

A. $\frac{2}{3}$ kg

B. $\frac{5}{3}$ kg

C. $\frac{5}{2}$ kg

D. $\frac{2}{5}$ kg



Câu 17 Bà chia một chiếc bánh thành các phần bằng nhau rồi chia đều cho sáu chị em Lan. Vậy mỗi chị em Lan được bà cho số phần chiếc bánh là:

A. $\frac{2}{8}$ chiếc

B. $\frac{3}{15}$ chiếc

C. $\frac{3}{21}$ chiếc

D. $\frac{2}{12}$ chiếc

Câu 18 Một trang trại có 200 con gia súc, trong đó có

90 con bò và 110 con trâu. Vậy số bò chiếm

$\frac{?}{?}$

đàn gia súc và số trâu chiếm $\frac{?}{?}$

đàn gia súc. Các phân số thích hợp điền vào ô trống

lần lượt là:

A. $\frac{2}{3}$; $\frac{3}{10}$

B. $\frac{7}{20}$; $\frac{3}{4}$

C. $\frac{9}{20}$; $\frac{11}{20}$

D. $\frac{5}{4}$; $\frac{10}{7}$



Câu 19 Bác Tuấn có một chai nước mắm loại 500 ml. Bác đã dùng hết 150 ml nước mắm. Vậy số nước mắm còn lại chiếm số phần của chai là:

A. $\frac{5}{7}$ chai

B. $\frac{7}{10}$ chai

C. $\frac{3}{8}$ chai

D. $\frac{4}{11}$ chai

Câu 20 Ở vòng thi Trạng Nguyên Tiếng Việt cấp tỉnh, Hoa đã trả lời đúng 28 câu trong số 30 câu hỏi. Vậy số câu trả lời sai của Hoa chiếm số phần là:

A. $\frac{14}{15}$

B. $\frac{1}{10}$

C. $\frac{1}{12}$

D. $\frac{1}{15}$

Câu 21 Phân số có mẫu số là số nhỏ nhất có hai chữ số, tử số là số liền trước của 7. Vậy phân số đó viết là:

A. $\frac{10}{7}$

B. $\frac{7}{10}$

C. $\frac{6}{10}$

D. $\frac{10}{6}$

Câu 22 Cho một phân số, biết tổng của tử số và mẫu số là 18, tử số lớn hơn mẫu số 4 đơn vị. Vậy phân số đó viết là:

A. $\frac{11}{8}$

B. $\frac{8}{11}$

C. $\frac{7}{11}$

D. $\frac{11}{7}$



Câu 1 Rút gọn phân số $\frac{15}{30}$ ta được phân số tối giản là:

A. $\frac{2}{3}$

B. $\frac{5}{10}$

C. $\frac{1}{2}$

D. $\frac{3}{6}$

Câu 2 Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{5}{6}$ và $\frac{13}{24}$ ta được hai phân số là:

A. $\frac{20}{24}$ và $\frac{13}{24}$

B. $\frac{30}{24}$ và $\frac{13}{24}$

C. $\frac{5}{24}$ và $\frac{13}{24}$

D. $\frac{25}{24}$ và $\frac{13}{24}$

Câu 3 Các phân số bằng phân số $\frac{3}{4}$ là:

A. $\frac{9}{12}; \frac{12}{16}; \frac{18}{24}; \frac{24}{32}; \frac{36}{48}$

B. $\frac{9}{16}; \frac{15}{20}; \frac{21}{28}; \frac{24}{32}; \frac{30}{40}$

C. $\frac{6}{8}; \frac{27}{36}; \frac{36}{42}; \frac{39}{52}; \frac{300}{400}$

D. $\frac{9}{12}; \frac{32}{52}; \frac{42}{56}; \frac{60}{80}; \frac{63}{84}$

Câu 4 45 có thể là mẫu số chung của các phân số nào dưới đây?

A. $\frac{3}{5}; \frac{10}{13}; \frac{7}{4}; \frac{2}{15}$

B. $\frac{13}{15}; \frac{16}{5}; \frac{25}{9}; \frac{29}{20}$

C. $\frac{4}{9}; \frac{23}{25}; \frac{17}{15}; \frac{24}{5}$

D. $\frac{22}{3}; \frac{2}{9}; \frac{19}{5}; \frac{31}{15}$

Cho các phân số $\frac{7}{13}; \frac{44}{45}; \frac{6}{2}; \frac{24}{33}; \frac{19}{15}; \frac{48}{43}; \frac{52}{55}; \frac{39}{31}$

Câu 5 Các phân số bé hơn 1 là:

A. $\frac{7}{13}; \frac{44}{45}; \frac{52}{55}; \frac{48}{43}$

B. $\frac{6}{2}; \frac{19}{15}; \frac{7}{13}; \frac{24}{33}$

C. $\frac{7}{13}; \frac{24}{33}; \frac{44}{45}; \frac{52}{55}$

D. $\frac{24}{33}; \frac{39}{31}; \frac{6}{2}; \frac{7}{13}$

Câu 6 Các phân số lớn hơn 1 là:

A. $\frac{7}{13}; \frac{44}{45}; \frac{24}{33}; \frac{52}{55}$

B. $\frac{6}{2}; \frac{48}{43}; \frac{24}{33}; \frac{39}{31}$

C. $\frac{7}{13}; \frac{6}{2}; \frac{48}{43}; \frac{52}{55}$

D. $\frac{6}{2}; \frac{19}{15}; \frac{48}{43}; \frac{39}{31}$

Câu 7 Các số thích hợp điền vào ô trống lần lượt là:

$$\frac{?}{27} = \frac{14}{21}; \frac{13}{195} = \frac{1}{?}$$

- A. 15 và 18 B. 18 và 15 C. 9 và 13 D. 18 và 13

Câu 8 Phân số thích hợp là:

$$\frac{2 \times 3 \times 9 \times 3}{5 \times 9 \times 3} = \frac{?}{?}$$

- A. $\frac{6}{5}$ B. $\frac{2}{5}$ C. $\frac{1}{5}$ D. $\frac{5}{6}$

Câu 9 Các phân số được sắp xếp theo thứ tự từ **bé đến lớn** là:

- A. $\frac{50}{72}; \frac{45}{81}; \frac{10}{36}; \frac{1}{3}$ B. $\frac{1}{3}; \frac{10}{36}; \frac{45}{81}; \frac{50}{72}$
C. $\frac{10}{36}; \frac{1}{3}; \frac{45}{81}; \frac{50}{72}$ D. $\frac{10}{36}; \frac{1}{3}; \frac{50}{72}; \frac{45}{81}$

Câu 10 Các phân số được sắp xếp theo thứ tự từ **lớn đến bé** là:

- A. $\frac{30}{30}; \frac{43}{15}; \frac{14}{6}; \frac{9}{3}$ B. $\frac{9}{3}; \frac{43}{15}; \frac{14}{6}; \frac{30}{30}$
C. $\frac{30}{30}; \frac{14}{6}; \frac{43}{15}; \frac{9}{3}$ D. $\frac{9}{3}; \frac{14}{6}; \frac{43}{15}; \frac{30}{30}$

Câu 11 Từ ba số tự nhiên **4, 5, 6**, viết được bao nhiêu phân số khác nhau?

- A. 9 phân số B. 3 phân số C. 6 phân số D. 18 phân số

Câu 12 Có bao nhiêu phân số lớn hơn 1 mà tổng của tử số và mẫu số trong mỗi phân số bằng 8?

- A. 3 phân số B. 4 phân số C. 6 phân số D. 8 phân số

Câu 13 Biết $a + b = 90$ và $a - b = 6$. Vậy phân số $\frac{a}{b}$ là:

- A. $\frac{96}{85}$ B. $\frac{42}{48}$ C. $\frac{48}{42}$ D. $\frac{46}{41}$

Câu 14 Điền dấu (>, <, =) thích hợp vào ô trống.

$$\frac{2022}{2023} \quad ? \quad \frac{2024}{2023}$$

- A. > B. < C. =



Câu 1 Rút gọn phân số $\frac{125}{250}$ ta được phân số tối giản là:

A. $\frac{25}{50}$

B. $\frac{2}{5}$

C. $\frac{5}{10}$

D. $\frac{1}{2}$

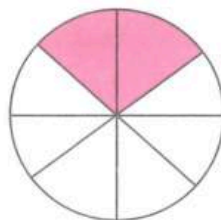
Câu 2 Phân số tối giản chỉ phần tô màu trong hình bên đọc là:

A. Một phần tư

B. Hai phần tám

C. Sáu phần tám

D. Một phần hai



Câu 3 Phân số bằng $\frac{220}{500}$ là:

A. $\frac{9}{28}$

B. $\frac{5}{21}$

C. $\frac{11}{25}$

D. $\frac{18}{23}$

Câu 4 Tìm a biết: $1 < \frac{a}{7} < \frac{10}{7}$. Vậy giá trị của a là:

A. a = 7; 8

B. a = 8; 9

C. a = 9; 10

D. a = 6; 7

Câu 5 Tìm b biết: $\frac{5}{4} < \frac{b}{8} < \frac{3}{2}$. Vậy giá trị của b là:

A. 17

B. 11

C. 3

D. 19

Câu 6 Các phân số thích hợp điền vào ô trống lần lượt là:

$$\frac{15}{72} + \frac{24}{72} + \frac{6}{72} = \frac{?}{?} = \frac{?}{?}$$

A. $\frac{36}{72}; \frac{1}{2}$

B. $\frac{64}{72}; \frac{8}{9}$

C. $\frac{45}{72}; \frac{5}{8}$

D. $\frac{56}{72}; \frac{5}{9}$

Câu 7 Trong các phép tính dưới đây, phép tính có kết quả **lớn nhất** là:

A. $\frac{17}{12} + \frac{13}{12} + \frac{25}{12}$

B. $\frac{4}{12} + \frac{9}{12} + \frac{8}{12}$

C. $\frac{23}{12} + \frac{7}{12} + \frac{17}{12}$

D. $\frac{11}{12} + \frac{29}{12} + \frac{1}{12}$

Câu 8 Phân số thích hợp là:

$$\frac{9 \times 8 \times 10}{3 \times 12 \times 160} = \frac{?}{?}$$

A. $\frac{2}{27}$

B. $\frac{1}{5}$

C. $\frac{9}{11}$

D. $\frac{1}{8}$

Câu 9 Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{4}{25}$ và $\frac{72}{100}$ ta được hai phân số là:

A. $\frac{16}{100}$ và $\frac{72}{100}$

B. $\frac{12}{100}$ và $\frac{72}{100}$

C. $\frac{8}{100}$ và $\frac{72}{100}$

D. $\frac{22}{100}$ và $\frac{72}{100}$

Câu 10 Quả dưa hấu nặng nhất là:

A.  $\frac{5}{2}$ kg

B.  $\frac{5}{4}$ kg

C.  $\frac{10}{3}$ kg

D.  $\frac{7}{6}$ kg

Câu 11 Các số thích hợp điền vào ô trống lần lượt là:

$$\frac{4}{9} = \frac{12}{\boxed{?}} = \frac{\boxed{?}}{162} = \frac{8}{\boxed{?}}$$

A. 36, 63, 27

B. 27, 72, 18

C. 45, 54, 81

D. 24, 42, 54

Câu 12 Phân số thích hợp là:

$$\left(\frac{15}{73} + \frac{42}{73} \right) + \frac{58}{73} = \frac{15}{73} + \left(\frac{\boxed{?}}{\boxed{?}} + \frac{58}{73} \right)$$

A. $\frac{15}{73}$

B. $\frac{58}{73}$

C. $\frac{85}{73}$

D. $\frac{42}{73}$

Câu 13 Các phân số $\frac{7}{12}$; $\frac{5}{9}$; $\frac{11}{18}$; $\frac{15}{36}$ được sắp xếp theo thứ tự từ **bé đến lớn** là:

A. $\frac{7}{12}$; $\frac{11}{18}$; $\frac{5}{9}$; $\frac{15}{36}$

B. $\frac{5}{9}$; $\frac{15}{36}$; $\frac{7}{12}$; $\frac{11}{18}$

C. $\frac{11}{18}$; $\frac{15}{36}$; $\frac{5}{9}$; $\frac{7}{12}$

D. $\frac{15}{36}$; $\frac{5}{9}$; $\frac{7}{12}$; $\frac{11}{18}$



Câu 14 Cho b là số tự nhiên khác 0 và $\frac{1}{15} < \frac{2}{b} < \frac{1}{14}$. Vậy giá trị của b là:

A. 31

B. 29

C. 27

D. 33

Câu 15 Kết quả của phép tính $\frac{21}{105} + \frac{18}{45}$ là:

A. $\frac{45}{12}$

B. $\frac{3}{5}$

C. $\frac{2}{5}$

D. $\frac{5}{5}$

Câu 16 Từ ba số **3, 8, 2**, ta có thể lập được bao nhiêu phân số có mẫu số là số chẵn?

- A. 2 phân số B. 4 phân số C. 6 phân số D. 8 phân số

Câu 17 Từ hai số **7, 9**, ta có thể lập được bao nhiêu phân số khác **1**?

- A. 2 phân số B. 3 phân số C. 4 phân số D. 1 phân số

Câu 18 Từ các số **1, 3, 6**, ta có thể lập được bao nhiêu phân số bé hơn **1**?

- A. 2 phân số B. 1 phân số C. 4 phân số D. 3 phân số

Câu 19 Chú Hoàng chia mảnh vườn thành các phần bằng nhau. Chú dùng $\frac{1}{6}$ mảnh vườn để trồng rau muống, $\frac{1}{3}$ mảnh vườn để trồng khoai và $\frac{1}{2}$ mảnh vườn để trồng gừng. Vậy chú Hoàng đã chia mảnh vườn thành số phần bằng nhau là:

- A. 8 phần B. 6 phần C. 4 phần D. 2 phần

Câu 20 Một ô tô giờ đầu đi được $\frac{1}{5}$ quãng đường, giờ thứ hai đi được $\frac{2}{5}$ quãng đường. Vậy trong hai giờ, ô tô đi được số phần quãng đường là:

- A. $\frac{4}{5}$ quãng đường B. $\frac{6}{5}$ quãng đường
C. $\frac{3}{5}$ quãng đường D. $\frac{5}{5}$ quãng đường



Câu 21 Một đội công nhân ngày thứ nhất làm được $\frac{1}{10}$ công việc, ngày thứ hai làm được $\frac{3}{10}$ công việc và ngày thứ ba làm tiếp được $\frac{4}{10}$ công việc. Vậy cả ba ngày, đội công nhân đó làm được số phần công việc là:

- A. $\frac{4}{5}$ công việc B. $\frac{3}{5}$ công việc C. $\frac{2}{5}$ công việc D. $\frac{1}{5}$ công việc

Câu 22 Mẹ mua 2 túi cà chua. Túi thứ nhất cân nặng $\frac{1}{5}$ kg và nhẹ hơn túi thứ hai $\frac{2}{5}$ kg. Vậy cân nặng của cả 2 túi cà chua mẹ mua là:

- A. $\frac{5}{5}$ kg B. $\frac{4}{5}$ kg C. $\frac{6}{5}$ kg D. $\frac{7}{5}$ kg



Câu 23 Bác Lan mua 2 quả dưa hấu. Quả thứ nhất nặng $\frac{1}{2}$ kg, quả thứ hai nặng $\frac{3}{2}$ kg. Biết mỗi ki-lô-gam dưa hấu có giá 32 000 đồng. Vậy bác Lan mua 2 quả dưa hấu hết số tiền là:

- A. 32 000 đồng B. 48 000 đồng C. 64 000 đồng D. 80 000 đồng



Câu 1

Kết quả của phép tính $\frac{1}{5} + \frac{5}{25} + \frac{3}{5}$ là:

A. $\frac{2}{3}$

B. 1

C. $\frac{7}{5}$

D. $\frac{22}{25}$

Câu 2

Kết quả của phép tính $4 - \frac{3}{2} - \frac{3}{18}$ là:

A. $\frac{15}{6}$

B. $\frac{11}{3}$

C. 1

D. $\frac{7}{3}$

Câu 3

Phân số thích hợp là:

$$\frac{2}{5} + \frac{13}{30} = \frac{29}{24} - \frac{?}{?}$$

A. $\frac{3}{8}$

B. $\frac{19}{24}$

C. $\frac{3}{18}$

D. $\frac{2}{3}$

Câu 4

Phân số thích hợp là:

$$\frac{7}{4} - \frac{11}{12} = \frac{5}{8} + \frac{?}{?}$$

A. $\frac{20}{48}$

B. $\frac{5}{24}$

C. $\frac{7}{2}$

D. $\frac{5}{6}$

Câu 5

Trong các phép tính dưới đây, phép tính có kết quả **lớn nhất** là:

A. $\frac{3}{5} + \frac{1}{15}$

B. $\frac{5}{6} - \frac{13}{30}$

C. $\frac{19}{18} - \frac{5}{9}$

D. $\frac{3}{35} + \frac{1}{5}$

Câu 6

Trong các phép tính dưới đây, phép tính có kết quả **nhỏ nhất** là:

A. $\frac{9}{11} - \frac{3}{33}$

B. $\frac{3}{8} + \frac{25}{40}$

C. $\frac{55}{60} - \frac{7}{12}$

D. $\frac{18}{21} + \frac{2}{7}$

Câu 7

Điền dấu (>, <, =) thích hợp vào ô trống.

A. >

B. <

$$\frac{1}{3} + \frac{4}{5} + \frac{6}{7} + \frac{8}{9} \quad ? \quad 4$$

C. =

Câu 8

Phân số thích hợp là:

$$\frac{7}{4} - \frac{?}{?} + \frac{2}{3} = \frac{8}{5} + \frac{13}{20}$$

A. $\frac{2}{5}$

B. $\frac{5}{8}$

C. $\frac{3}{4}$

D. $\frac{1}{6}$

Câu 9 Cho các phân số: $\frac{1}{2}$; $\frac{2}{3}$; $\frac{3}{4}$; $\frac{4}{5}$; $\frac{5}{6}$. Trong các phân số trên có một phân số là:

A. Tổng của $\frac{1}{2}$ và $\frac{3}{3}$

B. Tổng của $\frac{1}{2}$ và $\frac{4}{5}$

C. Hiệu của $\frac{7}{3}$ và $\frac{3}{2}$

D. Hiệu của $\frac{4}{5}$ và $\frac{3}{4}$

Câu 10 Anh Sơn mua một can chứa $\frac{9}{2}$ /mật ong. Anh rót số mật ong từ can vào đầy một chai $\frac{3}{2}$ / và chai 1 /. Vậy trong can còn lại số lít mật ong là:

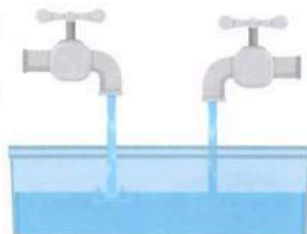
A. $\frac{1}{2}$ /

B. 1 /

C. $\frac{3}{2}$ /

D. 2 /

Câu 11 Cả hai vòi nước cùng chảy vào một bể, vòi thứ nhất mỗi giờ chảy được $\frac{1}{4}$ bể. Vòi thứ hai mỗi giờ chảy được $\frac{1}{5}$ bể. Vậy mỗi giờ vòi thứ nhất chảy được nhiều hơn vòi thứ hai bao nhiêu phần bể?



A. $\frac{1}{3}$ bể

B. $\frac{1}{20}$ bể

C. $\frac{9}{20}$ bể

D. $\frac{1}{6}$ bể

Câu 12 Chú Tư chở hai bao ngô. Biết bao thứ nhất cân nặng $\frac{1}{2}$ tạ và nặng hơn bao thứ hai $\frac{1}{16}$ tạ. Vậy chú Tư đã chở tất cả số tạ ngô là:

A. $\frac{15}{16}$ tạ

B. $\frac{16}{15}$ tạ

C. $\frac{11}{15}$ tạ

D. $\frac{11}{16}$ tạ

Câu 13 Voi mẹ cân nặng $\frac{7}{2}$ tấn, voi con nhẹ hơn voi mẹ $\frac{16}{5}$ tấn. Vậy tổng cân nặng của voi mẹ và voi con là:



A. $\frac{14}{5}$ tấn

B. 4 tấn

C. 7 tấn

D. $\frac{19}{5}$ tấn

Câu 14 Em của An vừa tròn 2 tháng tuổi. Lúc mới sinh, em cân nặng $\frac{18}{5}$ kg. Đầy tháng, em tăng thêm $\frac{9}{10}$ kg. Tháng thứ hai, em tăng thêm $\frac{3}{2}$ kg. Vậy hiện tại em của An có cân nặng là:



A. 3 kg

B. 4 kg

C. 5 kg

D. 6 kg

Câu 15 Một ô tô giờ đầu đi được $\frac{2}{5}$ quãng đường, giờ thứ hai đi được nhiều hơn giờ đầu $\frac{1}{7}$ quãng đường. Vậy sau hai giờ, ô tô đó đi được số phần của quãng đường là:

A. $\frac{19}{35}$ quãng đườngB. $\frac{27}{35}$ quãng đườngC. $\frac{33}{35}$ quãng đườngD. $\frac{34}{35}$ quãng đường

Câu 16 Bố mua cho Nam một quyển sách. Ngày thứ nhất Nam đọc được $\frac{1}{4}$ quyển sách. Ngày thứ hai, Nam đọc được ít hơn ngày thứ nhất $\frac{1}{16}$ quyển sách. Vậy còn lại số phần quyển sách Nam chưa đọc là:

A. $\frac{9}{16}$ quyểnB. $\frac{3}{16}$ quyểnC. $\frac{5}{16}$ quyểnD. $\frac{7}{16}$ quyển

Câu 17 Bác Lan mua về 3 yến gạo. Tuần thứ nhất bác dùng $\frac{13}{2}$ kg gạo, tuần thứ hai bác dùng ít hơn tuần thứ nhất 1 kg gạo. Vậy sau hai tuần, bác Lan còn lại số ki-lô-gam gạo là:

A. 18 kg

B. 19 kg

C. 12 kg

D. 15 kg

Câu 18 Giá trị của biểu thức

$$\frac{1}{10} + \frac{2}{5} + \frac{2}{9} + \frac{3}{5} + \frac{3}{7} + \frac{3}{8} + \frac{4}{7} + \frac{5}{8} + \frac{7}{9} + \frac{9}{10} \text{ là:}$$

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 19 Giá trị của biểu thức $1 - \frac{1}{2} - \frac{1}{4} - \frac{1}{8} - \frac{1}{16} - \frac{1}{32} - \frac{1}{64}$ là:

A. $\frac{1}{8}$ B. $\frac{1}{16}$ C. $\frac{1}{32}$ D. $\frac{1}{64}$

Câu 20 Cho hai phân số, biết rằng nếu bớt ở phân số lớn đi $\frac{3}{4}$, đồng thời thêm vào phân số bé $\frac{3}{5}$ thì ta được hai phân số bằng nhau và bằng $\frac{7}{6}$. Vậy hiệu của hai phân số đã cho là:

A. $\frac{42}{60}$ B. $\frac{27}{20}$ C. $\frac{7}{30}$ D. $\frac{3}{20}$



Câu 1 Giá trị của biểu thức $\frac{35}{9} - \frac{17}{36} - \frac{5}{4}$ là:

A. $\frac{6}{13}$

B. $\frac{13}{6}$

C. $\frac{1}{6}$

D. $\frac{1}{18}$

Câu 2 Giá trị của biểu thức $\frac{29}{42} - \frac{2}{7} + \frac{1}{6}$ là:

A. $\frac{8}{21}$

B. $\frac{10}{21}$

C. $\frac{2}{21}$

D. $\frac{4}{7}$

Câu 3 Phép tính thích hợp là:

 $\frac{4}{5} - \frac{4}{10} = \frac{?}{?} \bigcirc \frac{?}{?}$

A. $\frac{6}{5} - \frac{6}{15}$

B. $\frac{9}{3} - \frac{9}{15}$

C. $\frac{3}{5} - \frac{3}{15}$

D. $\frac{7}{3} - \frac{7}{15}$

Câu 4 Bạn Lan nói: "Muốn trừ hai phân số có cùng mẫu số, ta trừ tử số của phân số thứ nhất cho tử số của phân số thứ hai và trừ mẫu số của phân số thứ nhất cho mẫu số của phân số thứ hai". Bạn Lan nói đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

Câu 5 Tích của hai phân số cùng lớn hơn 1 là một phân số lớn hơn 1. Đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

Câu 6 Trong các phép tính dưới đây, phép tính có kết quả **nhỏ nhất** là:

A. $\frac{7}{6} \times \frac{3}{5}$

B. $2 - \frac{11}{9}$

C. $1 + \frac{3}{2}$

D. $\frac{5}{6} \times \frac{2}{3}$

Câu 7 Trong các phép tính dưới đây, phép tính có kết quả lớn hơn 1 là:

A. $\frac{1}{4} \times \frac{2}{3}$

B. $\frac{1}{12} \times \frac{4}{3}$

C. $\frac{2}{5} \times \frac{7}{2}$

D. $\frac{9}{8} \times \frac{3}{5}$

Câu 8 Phân số thích hợp là:

 $\frac{?}{?} + \frac{3}{28} = \frac{11}{4}$

A. $\frac{37}{14}$

B. $\frac{25}{14}$

C. $\frac{31}{14}$

D. $\frac{27}{14}$

Câu 9 Phân số thích hợp là:

$$\frac{6}{10} - \frac{?}{?} = \frac{2}{20}$$

A. $\frac{3}{4}$

B. $\frac{9}{20}$

C. $\frac{1}{2}$

D. $\frac{2}{5}$

Câu 10 Bà mua về 2 kg bột mì, bà đã dùng hết $\frac{2}{3}$ kg bột mì đó. Vậy bà còn lại số phần ki-lô-gam bột mì là:

A. $\frac{5}{3}$ kg

B. $\frac{4}{3}$ kg

C. $\frac{1}{3}$ kg

D. $\frac{7}{3}$ kg

Câu 11 Một hình vuông có độ dài cạnh là $\frac{3}{7}$ m. Vậy chu vi và diện tích của hình vuông đó lần lượt là:

A. $\frac{15}{2}$ m; $\frac{12}{51}$ m²

B. $\frac{12}{9}$ m; $\frac{9}{49}$ m²

C. $\frac{12}{7}$ m; $\frac{9}{49}$ m²

D. $\frac{12}{7}$ m; $\frac{7}{41}$ m²

Câu 12 Một miếng bìa hình chữ nhật có chiều dài là $\frac{7}{8}$ m, chiều rộng là $\frac{3}{4}$ m. Vậy chu vi và diện tích của miếng bìa lần lượt là:

A. $\frac{17}{4}$ m; $\frac{25}{32}$ m²

B. $\frac{13}{4}$ m; $\frac{21}{32}$ m²

C. $\frac{11}{4}$ m; $\frac{19}{32}$ m²

D. $\frac{10}{4}$ m; $\frac{17}{32}$ m²

Câu 13 Bác Sơn lái xe đi công tác. Giờ thứ nhất bác đi được $\frac{2}{5}$ quãng đường, giờ thứ hai bác đi được ít hơn giờ thứ nhất $\frac{2}{25}$ quãng đường. Vậy sau hai giờ, bác Sơn đi được số phần của quãng đường là:

A. $\frac{12}{25}$ quãng đường

B. $\frac{22}{25}$ quãng đường

C. $\frac{8}{25}$ quãng đường

D. $\frac{18}{25}$ quãng đường

Câu 14 Một tấm gỗ hình chữ nhật có chiều rộng là $\frac{2}{3}$ m, chiều dài hơn chiều rộng $\frac{3}{4}$ m. Vậy diện tích của tấm gỗ đó là:

A. $\frac{13}{16}$ m²

B. $\frac{11}{15}$ m²

C. $\frac{17}{18}$ m²

D. $\frac{14}{20}$ m²

Câu 15 Cô Hoa thu hoạch được $\frac{5}{2}$ tấn dưa. Hôm qua, cô bán được $\frac{1}{2}$ tấn dưa. Hôm nay, cô bán được ít hơn hôm qua $\frac{1}{8}$ tấn dưa. Vậy sau hai ngày bán, cô Hoa còn lại số tấn dưa là:

- A. $\frac{9}{8}$ tấn B. $\frac{13}{8}$ tấn C. $\frac{3}{8}$ tấn D. $\frac{7}{8}$ tấn

Câu 16 Anh Nam có 2 can một ong. Can thứ nhất chứa $\frac{5}{2}$ l một ong. Can thứ hai chứa ít hơn can thứ nhất 2 l một ong. Vậy anh Nam có tất cả số lít một ong là:

- A. 5 l B. 4 l C. 3 l D. 6 l

Câu 17 Mai vừa làm xong hai bài toán. Mai làm xong bài thứ nhất trong $\frac{1}{5}$ giờ. Thời gian Mai làm xong bài thứ hai nhanh hơn bài thứ nhất $\frac{1}{20}$ giờ. Vậy thời gian Mai làm xong cả hai bài toán đó là:

- A. $\frac{9}{20}$ giờ B. $\frac{1}{4}$ giờ C. $\frac{7}{20}$ giờ D. $\frac{3}{4}$ giờ

Câu 18 Có ba xe ô tô tải chở gạo về kho. Xe thứ nhất chở $\frac{13}{2}$ tấn gạo. Xe thứ hai chở ít hơn xe thứ nhất 4 tấn gạo. Số gạo xe thứ ba chở gấp $\frac{6}{5}$ lần số gạo xe thứ hai chở. Vậy cả ba xe ô tô chở được số tấn gạo về kho là:

- A. 14 tấn B. 12 tấn C. 10 tấn D. 15 tấn

Câu 19 Ông Tư có một mảnh đất hình chữ nhật dài $\frac{49}{2}$ m, chiều rộng kém chiều dài 12 m. Ông dùng 250 m² đất để làm ao cá, còn lại để làm vườn cây. Vậy diện tích vườn cây của ông Tư là:

- A. $\frac{215}{4}$ m² B. $\frac{235}{4}$ m² C. $\frac{225}{4}$ m² D. $\frac{275}{4}$ m²

Câu 20 Chị Lan thu hoạch được $\frac{7}{2}$ tấn dưa lưới. Ngày thứ nhất chị bán được $\frac{9}{15}$ tấn dưa lưới, ngày thứ hai chị bán được nhiều hơn ngày thứ nhất $\frac{2}{5}$ tấn dưa lưới. Vậy sau hai ngày bán, chị Lan còn lại số tấn dưa lưới là:

- A. $\frac{9}{10}$ tấn B. $\frac{5}{2}$ tấn C. $\frac{19}{10}$ tấn D. $\frac{27}{10}$ tấn



Câu 1 Phép tính có kết quả bằng thương của $\frac{4}{5}$ và $\frac{8}{5}$ là:

A. $\frac{3}{5} \times \frac{2}{5}$

B. $\frac{2}{3} \times \frac{2}{5}$

C. $\frac{3}{4} \times \frac{4}{6}$

D. $\frac{1}{3} \times \frac{7}{2}$

Câu 2 Giá trị của biểu thức $\frac{4}{5} + \frac{3}{4} : \frac{3}{2}$ là:

A. $\frac{31}{30}$

B. $\frac{14}{5}$

C. $\frac{5}{2}$

D. $\frac{13}{10}$

Câu 3 Số?

$\frac{3}{5} : \frac{?}{11} : \frac{7}{9} = \frac{3}{7} : \frac{5}{11} : \frac{10}{9}$

A. 5

B. 10

C. 9

D. 11

Câu 4 8 là giá trị của biểu thức:

A. $\frac{1}{2} : \frac{8}{5} \times 3$

B. $\frac{4}{3} \times \frac{2}{5} : \frac{4}{5}$

C. $1 : \frac{1}{6} \times \frac{12}{9}$

D. $5 \times \frac{1}{8} : \frac{2}{3}$

Câu 5 Các số tự nhiên thích hợp điền vào ô trống là:

$\frac{8}{21} \times \frac{7}{2} < ? < \frac{42}{2} : 4$

A. 1, 2

B. 1, 2, 3

C. 1, 2, 3, 4

D. 2, 3, 4, 5

Câu 6 Chọn đáp án **đúng**:

A. $\frac{1}{3} \times \frac{12}{24} > \frac{1}{4}$

B. $\frac{2}{10} : \frac{7}{21} = \frac{14}{25}$

C. $\frac{9}{2} \times \frac{11}{44} > \frac{9}{16}$

D. $\frac{11}{10} : 11 < \frac{1}{10}$

Câu 7 Phân số thích hợp là:

$\frac{1}{2} : \frac{3}{5} \times \frac{7}{4} < ? < \frac{19}{8} \times \frac{1}{3} + \frac{3}{4}$

A. $\frac{3}{2}$

B. $\frac{37}{24}$

C. $\frac{13}{8}$

D. $\frac{11}{10}$

Câu 8 Trong các biểu thức dưới đây, biểu thức có giá trị **nhỏ nhất** là:

A. $7 \times \frac{8}{7} \times \frac{1}{4}$

B. $\frac{1}{3} \times \frac{18}{3} : 2$

C. $\frac{1}{3} \times \frac{15}{13} \times 13$

D. $\frac{4}{3} \times \frac{3}{2} : \frac{1}{5}$

Câu 9 Biểu thức có giá trị bằng giá trị của biểu thức đã cho là:

$\frac{5}{13} : \frac{1}{2} + \frac{5}{13} : \frac{1}{6} + \frac{5}{13} : \frac{1}{3}$

A. $\frac{3}{4} \times \frac{1}{5}$

B. $5 \times \frac{3}{8}$

C. $\frac{7}{3} \times \frac{11}{5}$

D. $5 \times \frac{11}{13}$

Câu 10 Biết tổng của hai phân số bằng $\frac{8}{30}$. Hiệu của hai phân số bằng $\frac{1}{6}$. Vậy hai phân số đó là:

A. $\frac{13}{15}$ và $\frac{1}{5}$

B. $\frac{13}{60}$ và $\frac{1}{20}$

C. $\frac{8}{15}$ và $\frac{1}{15}$

D. $\frac{4}{30}$ và $\frac{1}{30}$

Câu 11 Phân số thích hợp là:

$$\frac{5}{6} \times \frac{?}{?} = \frac{5}{12} \times \frac{3}{2}$$

A. $\frac{25}{48}$

B. $\frac{4}{3}$

C. $\frac{3}{4}$

D. $\frac{15}{24}$

Câu 12 Một cửa hàng ngày đầu bán được $\frac{4}{5}$ tạ gạo, ngày thứ hai bán được số gạo gấp 3 lần ngày thứ nhất. Vậy cả hai ngày, cửa hàng đó bán được số gạo là:

A. $\frac{12}{5}$ tạ

B. $\frac{16}{5}$ tạ

C. 4 tạ

D. $\frac{16}{15}$ tạ

Câu 13 Bác Thư có 4 bao khoai, mỗi bao cân nặng $\frac{2}{5}$ tạ. Bác chia đều số khoai đó vào 16 túi. Vậy cân nặng của mỗi túi đó là:



A. 10 kg

B. 12 kg

C. 11 kg

D. 9 kg

Câu 14 Cô Lan có $\frac{16}{5}$ tấn thóc. Sau khi bán đi một số thóc thì số thóc còn lại bằng số thóc ban đầu giảm đi $\frac{16}{7}$ lần. Vậy cô Lan đã bán đi số thóc là:

A. $\frac{7}{5}$ tấn

B. $\frac{32}{35}$ tấn

C. $\frac{9}{5}$ tấn

D. $\frac{16}{7}$ tấn

Câu 15 Một khung tranh hình chữ nhật có diện tích là $\frac{6}{25} \text{ m}^2$ và chiều dài là $\frac{3}{5} \text{ m}$. Vậy chu vi của khung tranh đó là:

A. 1 m

B. 2 m

C. 5 m

D. 3 m

Câu 16 Một cửa hàng nhập về $\frac{32}{5}$ tạ đường được chia đều vào 32 bao như nhau. Sau đó, cửa hàng bán đi 25 bao đường. Vậy cửa hàng còn lại số tạ đường là:

A. $\frac{1}{5}$ tạ

B. $\frac{27}{5}$ tạ

C. $\frac{7}{5}$ tạ

D. $\frac{13}{5}$ tạ



Câu 1 $\frac{1}{4}$ đàn gà là:

- A. 6 con gà B. 5 con gà
C. 4 con gà D. 8 con gà



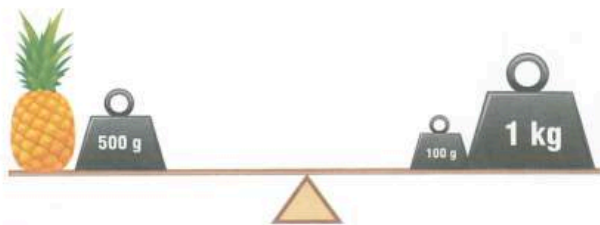
Câu 2 Số?

$$\frac{6}{? + 4} = \frac{18}{27}$$

- A. 23 B. 2 C. 5 D. 15

Câu 3 $\frac{2}{4}$ quả dưa nặng:

- A. 300 g B. 600 g
C. 400 g D. 900 g



Câu 4 Phân số thích hợp điền vào dấu "?" là:

$$\frac{1}{2} \rightarrow \frac{3}{5} \rightarrow \square \rightarrow \frac{7}{4} \rightarrow \square \rightarrow \frac{5}{3} \rightarrow \square \rightarrow \frac{7}{12} \rightarrow \square$$

- A. $\frac{49}{96}$ B. $\frac{1}{2}$ C. $\frac{24}{49}$ D. $\frac{3}{2}$

Câu 5 Chọn đáp án **sai**:

- A. $\frac{2}{8}$ của 52 l là 13 l B. $\frac{4}{7}$ của 28 kg là 16 kg
C. $\frac{1}{9}$ của 27 m là 30 dm D. $\frac{2}{7}$ của 49 m là 14 dm

Câu 6 Nối biểu thức với giá trị tương ứng:

$$\left(\frac{1}{3} \times \frac{1}{5} \times \frac{3}{7} \right) \quad \left(\frac{4}{5} : \frac{7}{10} \times \frac{1}{9} \right) \quad \left(\frac{7}{5} \times \frac{6}{7} : \frac{1}{3} \right) \quad \left(\frac{36}{9} : \frac{14}{7} \times \frac{1}{6} \right)$$

$\frac{18}{5}$

$\frac{1}{3}$

$\frac{1}{35}$

$\frac{8}{63}$

Câu 7 Giá trị của biểu thức $\frac{11}{12} \times \frac{9}{19} + \frac{11}{12} \times \frac{16}{19} - \frac{22}{24} \times \frac{6}{19}$ là:

A. $\frac{33}{12}$

B. $\frac{11}{76}$

C. $\frac{11}{12}$

D. $\frac{121}{114}$

Câu 8 Trong các biểu thức dưới đây, biểu thức có giá trị **lớn nhất** là:

A. $\frac{5}{2} : 2 - 1$

B. $\frac{1}{2} \times \frac{1}{3} : \frac{4}{17}$

C. $(\frac{11}{6} + \frac{3}{6}) : 2$

D. $\frac{9}{10} : \frac{15}{25} : \frac{1}{2}$

Câu 9 Phân số thích hợp là:

 $(1 + \frac{1}{12}) \times (1 + \frac{1}{13}) \times (1 + \frac{1}{14}) \times (1 + \frac{1}{15}) = \frac{?}{?}$ 

A. $\frac{1}{15}$

B. $\frac{1}{12}$

C. $\frac{4}{3}$

D. $\frac{5}{4}$

Câu 10 Điền dấu (>, <, =) thích hợp vào ô trống.

 $(\frac{1}{2} - \frac{1}{3} - \frac{1}{6}) \times (\frac{2023}{2024} + \frac{3}{4})$? $\frac{5}{19} \times \frac{18}{9} \times \frac{19}{5}$ 

A. >

B. <

C. =

Câu 11 Tổng của hai phân số bằng $\frac{46}{63}$. Hiệu của hai phân số bằng $\frac{2}{7}$. Vậy hai phân số đó là:

A. $\frac{4}{9}$ và $\frac{11}{63}$

B. $\frac{32}{63}$ và $\frac{2}{9}$

C. $\frac{6}{7}$ và $\frac{11}{63}$

D. $\frac{23}{63}$ và $\frac{11}{7}$

Câu 12 Hà có 24 cái kẹo. Hà cho An $\frac{3}{4}$ số kẹo của mình.

Vậy Hà còn lại số cái kẹo là:



A. 9 cái

B. 6 cái

C. 18 cái

D. 12 cái

Câu 13 Chú Nam chở hai bao gạo. Bao thứ nhất cân nặng 52 kg. Bao thứ hai nặng bằng $\frac{3}{4}$ bao thứ nhất. Vậy chú Nam chở tất cả số ki-lô-gam gạo là:

A. 39 kg

B. 87 kg

C. 91 kg

D. 75 kg

Câu 14 Một trang trại có 65 con gà. Biết số con vịt bằng $\frac{3}{5}$ số gà. Vậy trang trại có tất cả số con gà và con vịt là:

A. 88 con

B. 104 con

C. 120 con

D. 95 con

Câu 15

Bác Chi mang 64 quả trứng ra chợ bán. Buổi sáng bác bán được $\frac{1}{4}$ số quả trứng. Buổi chiều bác bán được bằng $\frac{3}{4}$ số trứng buổi sáng bán được. Vậy buổi chiều, bác Chi bán được số quả trứng là:

A. 16 quả

B. 8 quả

C. 10 quả

D. 12 quả

Câu 16

Năm nay, ông nội 75 tuổi. Số tuổi của bố bằng $\frac{2}{3}$ số tuổi của ông. Số tuổi của Huy bằng $\frac{3}{10}$ số tuổi của bố. Vậy năm nay, Huy có số tuổi là:

A. 12 tuổi

B. 15 tuổi

C. 13 tuổi

D. 10 tuổi

Câu 17

Lớp 4A và lớp 4B trồng được tất cả 85 cây xanh, trong đó lớp 4A trồng được $\frac{2}{5}$ tổng số cây. Vậy lớp 4A trồng được ít hơn lớp 4B số cây xanh là:



A. 15 cây

B. 12 cây

C. 17 cây

D. 20 cây

Câu 18

Xe thứ nhất chở $\frac{12}{5}$ tấn gạo. Số gạo xe thứ nhất chở gấp 2 lần số gạo xe thứ hai. Vậy cả hai xe chở tất cả số tạ gạo là:

A. 9 tạ

B. 18 tạ

C. 36 tạ

D. 72 tạ

Câu 19

Nhà chú Tùng thu hoạch được 6 tạ 9 yến vải. Sau đó, chú bán $\frac{2}{3}$ số vải đó với giá 250 000 đồng mỗi yến. Vậy số tiền bán vải nhà chú Tùng nhận được là:

A. 11 200 000 đồng

B. 11 500 000 đồng

C. 15 200 000 đồng

D. 12 500 000 đồng

**Câu 20**

Người ta đã vận chuyển thóc từ nơi thu mua về kho bằng 20 chuyến xe, mỗi chuyến chở được $\frac{7}{2}$ tấn thóc. Nếu mỗi chuyến xe chở được $\frac{14}{5}$ tấn thóc thì cần số chuyến xe để vận chuyển hết số thóc thu mua đó là:



A. 15 chuyến

B. 18 chuyến

C. 24 chuyến

D. 25 chuyến



Câu 1 Trong số **908 643 155**, giá trị của chữ số **8** gấp giá trị của chữ số **1** số lần là:

- A. 8 000 000 lần B. 800 000 lần C. 80 000 lần D. 8 lần

Câu 2 Giá trị của biểu thức **(798 451 - 392 319) x 4** được làm tròn đến hàng nghìn là:

- A. 1 624 000 B. 1 620 000 C. 1 625 000 D. 1 624 500

Câu 3 Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả **lớn nhất** là:

- A. $280\,162 + 275\,375$ B. $16\,500\,000 : 50$
C. $24\,105 \times 14$ D. $629\,253 - 96\,309$

Câu 4 Điền dấu (>, <, =) thích hợp vào ô trống.

$374\,000 + 3\,150 \times 42 - 23\,000$? $3\,125 \times 100 - 1\,500\,000 : 50$

- A. > B. < C. =

Câu 5 Số?

$6\,172 + 2\,653 + 3\,828 + 7\,347$ < ? $< 37 \times 125 + 37 \times 875$

- A. 20 000 B. 40 000 C. 30 000 D. 10 000

Câu 6 Biết a là số chẵn liền sau của số chẵn nhỏ nhất có năm chữ số khác nhau. Giá trị của biểu thức **$(10\,996 - a : 3) \times 2$** là:

- A. 380 B. 15 168 C. 16 868 D. 16 870

Câu 7 Cho số lớn nhất có bảy chữ số mà số trăm nghìn là 1, số nghìn là 3 và số chục là 6. Vậy số đó là:

- A. 9 136 999 B. 9 139 969 C. 9 193 969 D. 9 999 136

Câu 8 Trang trại nhà chú Huy có 805 cây cam và cây xoài. Số cây xoài ít hơn số cây cam là 141 cây. Vậy trang trại nhà chú Huy có số cây xoài là:

- A. 473 cây B. 315 cây C. 332 cây D. 490 cây

Câu 9 Một cửa hàng nhập về 12 thùng mì và 9 thùng phở. Biết mỗi thùng mì có 24 gói và mỗi thùng phở có 30 gói. Vậy cửa hàng đã nhập về tất cả số gói mì và gói phở là:

- A. 678 gói B. 658 gói C. 478 gói D. 558 gói

Câu 10 Có ba xe bồn chở xăng. Xe thứ nhất chở 8 000 / xăng, xe thứ hai chở nhiều hơn xe thứ nhất 1 600 / xăng và chở nhiều hơn xe thứ ba 500 / xăng. Vậy trung bình mỗi xe bồn chở được số lít xăng là:

- A. 8 900 / B. 9 100 / C. 8 500 / D. 8 600 /

Câu 11 Trung bình mỗi tuần gia đình Tuấn ăn hết 3 kg 500 g gạo. Mẹ Tuấn vừa mua 6 yến gạo. Vậy số gạo đó đủ cho gia đình Tuấn ăn trong số ngày là:

- A. 90 ngày B. 120 ngày C. 130 ngày D. 150 ngày

Câu 12 Mai có nhiều hơn Lan 21 000 đồng. Nếu Mai có thêm 8 000 đồng và Lan có thêm 13 000 đồng thì cả hai bạn sẽ có tất cả 117 000 đồng. Vậy lúc đầu Mai có số tiền là:

- A. 37 500 đồng B. 39 000 đồng C. 58 500 đồng D. 59 000 đồng

Câu 13 Có ba xe chở hàng. Xe thứ nhất chở 72 kiện hàng. Xe thứ hai chở được ít hơn xe thứ nhất 12 kiện hàng và nhiều hơn xe thứ ba 12 kiện hàng. Vậy trung bình mỗi xe chở được số kiện hàng là:

- A. 84 kiện hàng B. 70 kiện hàng C. 60 kiện hàng D. 74 kiện hàng

Câu 14 Bạn Hà đọc xong một quyển sách trong 3 ngày, trung bình mỗi ngày đọc được 60 trang. Ngày thứ nhất, Hà đọc được ít hơn ngày thứ hai 15 trang và ngày thứ ba Hà đọc tiếp 35 trang còn lại. Vậy ngày thứ nhất Hà đọc được số trang sách là:

- A. 55 trang B. 65 trang C. 70 trang D. 75 trang

Câu 15 Một mảnh đất hình chữ nhật có nửa chu vi là 108 m. Biết nếu chiều dài giảm đi 6 m và chiều rộng tăng thêm 6 m thì mảnh đất đó trở thành mảnh đất hình vuông. Vậy diện tích của mảnh đất hình chữ nhật đó là:

- A. 2 907 m² B. 2 808 m² C. 2 088 m² D. 2 880 m²



Câu 1 Rút gọn phân số $\frac{16}{48}$ ta được phân số tối giản là:

- A. $\frac{4}{6}$ B. $\frac{1}{2}$ C. $\frac{1}{3}$ D. $\frac{1}{4}$

Câu 2 Quy đồng hai phân số $\frac{13}{8}$ và $\frac{5}{24}$ ta được hai phân số là:

- A. $\frac{104}{24}$ và $\frac{5}{24}$ B. $\frac{39}{24}$ và $\frac{5}{24}$ C. $\frac{13}{24}$ và $\frac{5}{24}$ D. $\frac{65}{24}$ và $\frac{5}{24}$

Câu 3 Các phân số có giá trị bằng $\frac{2}{3}$ là:

- A. $\frac{6}{9}$; $\frac{24}{36}$; $\frac{14}{33}$; $\frac{16}{24}$; $\frac{20}{30}$ B. $\frac{16}{24}$; $\frac{18}{27}$; $\frac{28}{42}$; $\frac{20}{30}$; $\frac{6}{12}$
C. $\frac{10}{15}$; $\frac{18}{27}$; $\frac{6}{9}$; $\frac{60}{40}$; $\frac{18}{27}$ D. $\frac{12}{18}$; $\frac{10}{15}$; $\frac{14}{21}$; $\frac{22}{33}$; $\frac{18}{27}$

Câu 4 Các phân số sau được sắp xếp theo thứ tự từ **bé đến lớn** là:

- A. $\frac{7}{20}$; $\frac{3}{8}$; $\frac{3}{2}$; $\frac{9}{4}$; $\frac{13}{5}$ B. $\frac{3}{2}$; $\frac{3}{8}$; $\frac{9}{4}$; $\frac{13}{5}$; $\frac{7}{20}$
C. $\frac{3}{8}$; $\frac{7}{20}$; $\frac{3}{2}$; $\frac{13}{5}$; $\frac{9}{4}$ D. $\frac{9}{4}$; $\frac{13}{5}$; $\frac{7}{20}$; $\frac{3}{2}$; $\frac{3}{8}$

Câu 5 Trong các phép tính dưới đây, phép tính có kết quả **nhỏ nhất** là:

- A. $\frac{5}{7} + \frac{10}{35} + \frac{1}{5}$ B. $\frac{5}{4} - \frac{1}{3} + \frac{1}{2}$ C. $2 - \frac{5}{6} - \frac{1}{6}$ D. $\frac{1}{4} + \frac{3}{5} - \frac{1}{2}$

Câu 6 Giá trị của biểu thức $2\,024 \times a + 2\,024 \times b$ với $a + b = \frac{1}{2}$ là:

- A. 1 012 B. 1 020 C. 2 024 D. 4 048

Câu 7 Trung bình cứ 2 yến nhãn tươi sấy được 5 kg nhãn khô. Vậy nếu sấy 3 tạ nhãn tươi thì thu được số ki-lô-gam nhãn khô là:

- A. 30 kg B. 45 kg C. 75 kg D. 90 kg

Câu 8 Hai xe chở tất cả $\frac{23}{5}$ tấn trái cây. Biết xe thứ nhất chở ít hơn xe tải thứ hai $\frac{1}{5}$ tấn trái cây. Vậy khối lượng trái cây xe tải thứ nhất chở là:

A. 22 tạ

B. 24 tấn

C. 220 tạ

D. 2 400 kg

Câu 9 Một nông trại có 11 400 con gà, trong đó $\frac{3}{4}$ số gà đã tiêm phòng. Vậy số gà chưa được tiêm phòng là:

A. 2 580 con

B. 2 850 con

C. 3 280 con

D. 3 820 con



Câu 10 Mẹ cho Mai 60 000 đồng. Mai dùng $\frac{2}{5}$ số tiền đó để mua đồ ăn sáng, số tiền còn lại Mai dùng để mua một cuốn sổ. Vậy số tiền Mai dùng để mua cuốn sổ là:

A. 36 000 đồng

B. 38 000 đồng

C. 40 000 đồng

D. 42 000 đồng

Câu 11 Can thứ nhất có $\frac{12}{5}$ /dầu. Can thứ hai có nhiều hơn can thứ nhất $\frac{24}{5}$ /dầu. Vậy số dầu trong can thứ hai gấp số dầu trong can thứ nhất số lần là:

A. 2 lần

B. 3 lần

C. 4 lần

D. 5 lần

Câu 12 Bác Sáu được thuê chuyển 25 tấn thóc về kho. Bác chở 2 chuyến xe thì chuyển được 5 tấn thóc. Hỏi bác Sáu còn phải chở thêm bao nhiêu chuyến xe nữa? Biết mỗi chuyến xe bác chở có khối lượng như nhau.

A. 10 chuyến

B. 5 chuyến

C. 8 chuyến

D. 12 chuyến

Câu 13 Mảnh đất hình chữ nhật của chú Sơn có diện tích là $\frac{551}{2}$ m² và chiều rộng là $\frac{29}{2}$ m. Chú dựng một hàng rào dài 65 m quanh mảnh đất và có để cửa ra vào mảnh đất. Vậy cửa ra vào mảnh đất của chú Sơn rộng là:

A. 4 m

B. 3 m

C. 2 m

D. 5 m

Câu 14 Cho hai số tự nhiên có tổng bằng 492 và hiệu của chúng bằng $\frac{1}{6}$ tổng của chúng. Vậy hai số tự nhiên đó là:

A. 204 và 288

B. 205 và 287

C. 206 và 286

D. 207 và 285

Câu 15 Một đội bóng có 11 cầu thủ. Biết độ tuổi trung bình của 11 cầu thủ là 25 tuổi. Nếu không tính tuổi của đội trưởng thì độ tuổi trung bình của 10 cầu thủ là 24 tuổi. Hỏi đội trưởng bao nhiêu tuổi?

A. 32 tuổi

B. 33 tuổi

C. 34 tuổi

D. 35 tuổi



Một cửa hàng bán nước ép trái cây đã khảo sát về các loại nước mà khách hàng yêu thích và thu được kết quả ở bảng sau:

Loại nước	Nước cam	Nước chanh	Nước ổi	Nước táo
Số người chọn	14	18	10	12

Câu 1 Có bao nhiêu người tham gia cuộc khảo sát?

- A. 28 người B. 24 người C. 54 người D. 68 người

Câu 2 Loại nước nào có ít người yêu thích nhất?

- A. Nước ổi B. Nước cam C. Nước chanh D. Nước táo

Câu 3 Loại nước nào được nhiều người yêu thích nhất?

- A. Nước ổi B. Nước cam C. Nước chanh D. Nước táo

Câu 4 Nam thu được một sấp khi tung một đồng xu là sự kiện:

- A. Có thể xảy ra B. Chắc chắn xảy ra
C. Không thể xảy ra

Câu 5 Trong túi của Việt có 3 viên bi màu vàng, 2 viên bi màu đỏ, 1 viên bi màu xanh và 5 viên bi màu trắng. Việt lấy ra ngẫu nhiên 1 viên bi từ trong túi. Hỏi có bao nhiêu khả năng xảy ra đối với màu sắc của viên bi mà Việt lấy ra?

- A. 1 khả năng B. 6 khả năng C. 11 khả năng D. 4 khả năng

Câu 6 Trong các phép tính sau, phép tính có giá trị **lớn nhất** là:

- A. $2\,182 \times 13$ B. $92\,618 - 47\,290$ C. $25\,783 + 36\,124$ D. $65\,936 : 13$

Câu 7 Phân số thích hợp là:

$$\frac{5}{6} - \frac{3}{18} < \frac{?}{?} < \frac{4}{3} + \frac{1}{12}$$

- A. $\frac{11}{12}$ B. $\frac{7}{12}$ C. $\frac{18}{12}$ D. $\frac{19}{12}$

Câu 8 Chọn đáp án **đúng**:

A. $1 + \frac{2}{3} < 1 - \frac{4}{5}$

B. $\frac{7}{2} : \frac{5}{6} = 3 + \frac{4}{7}$

C. $4 + \frac{5}{9} > 4 \times \frac{5}{9}$

D. $1 - \frac{7}{8} = 1 + \frac{7}{8}$

Câu 9 Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều rộng là 18 m, chiều dài gấp đôi chiều rộng. Vậy chu vi và diện tích của mảnh đất đó lần lượt là:

A. 648 m và 108 m²

B. 108 m và 648 m²

C. 78 m và 360 m²

D. 108 m và 360 m²

Câu 10 Cho một số chẵn và một số lẻ, biết tổng của hai số đó là số lẻ nhỏ nhất có bốn chữ số khác nhau và giữa hai số đó có 5 số lẻ. Vậy hai số đó là:

A. 506 và 518

B. 506 và 517

C. 505 và 518

D. 505 và 517

Câu 11 Tuần trước, cửa hàng bán được 16 800 l xăng. Tuần này, cửa hàng bán được số lít xăng bằng $\frac{2}{3}$ số lít xăng tuần trước bán được. Vậy trong hai tuần, trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được số lít xăng là:

A. 1 500 l

B. 2 000 l

C. 1 800 l

D. 1 750 l

Câu 12 Bố cho Quý 200 000 đồng. Quý dùng $\frac{1}{8}$ số tiền bố cho để mua vở. Sau đó, Quý dùng $\frac{2}{5}$ số tiền còn lại để mua một quả bóng. Hỏi Quý mua quả bóng đó hết bao nhiêu tiền?

A. 70 000 đồng

B. 50 000 đồng

C. 10 000 đồng

D. 65 000 đồng

Câu 13 Sau khi bán đi $\frac{3}{5}$ số dưa hấu thì cửa hàng còn lại là 2 tạ 20 kg dưa hấu. Vậy lúc đầu, cửa hàng có số ki-lô-gam dưa hấu là:

A. 132 kg

B. 550 kg

C. 450 kg

D. 340 kg

Câu 14 Một người mang trứng ra chợ bán, lần thứ nhất bán được $\frac{1}{5}$ số trứng. Lần thứ hai bán được $\frac{4}{7}$ số trứng còn lại thì lúc này người đó còn 36 quả trứng. Vậy người đó mang đi số quả trứng là:

A. 70 quả

B. 85 quả

C. 95 quả

D. 105 quả

